

2017

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**



Chuyên Tay - Chuyên Tâm

VIẾT TẮT

BCTC	Báo cáo tài chính
BĐH	Ban điều hành
BKS	Ban kiểm soát
CBNV	Cán bộ nhân viên
CTTV	Công ty thành viên
ĐHCĐ	Đại hội cổ đông
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
HĐQT	Hội đồng quản trị

MỤC LỤC

Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi	04
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	05
Thông tin Công ty và các chỉ số cơ bản	07
Lịch sử hình thành và phát triển	09
Lĩnh vực kinh doanh	13
Các sự kiện nổi bật 2017	15
Sơ đồ tổ chức	19
Hội đồng Quản trị	21
Ban Tổng Giám đốc	23
Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	25
Cơ cấu nguồn nhân lực	27
Vốn cổ phần và cơ cấu cổ đông	29
Giới thiệu các thành viên đơn vị của PETROSETCO	33
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	39
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	48
Báo cáo của Ban Kiểm soát	61
Tình hình triển khai các dự án	63
Báo cáo thù lao, tiền lương, chi phí hoạt động của HĐQT, Ban TGD, BKS năm 2017	64
Định hướng kinh doanh 2018	65
Quản trị rủi ro	68
Sức khỏe - An toàn – Môi trường – Chất lượng (HSEQ)	70
Quan hệ Cổ đông	72
Hoạt động Đoàn thể - Xã hội	74
Báo cáo tài chính kiểm toán	79

► Hệ thống tôn chỉ

TẦM NHÌN

Trở thành sự lựa chọn số 1 tại Việt Nam trong lĩnh vực phân phối, thương mại và dịch vụ.

SỨ MỆNH

Tiên phong trong mọi hành động để cung cấp chất lượng dịch vụ vượt trội và đảm bảo lợi ích tối ưu cho khách hàng, đối tác và người lao động.



▶ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Quyết liệt

Máu lửa, quyết tâm theo đuổi mục tiêu đến cùng; Sẵn sàng đón nhận thử thách; Chủ động, sáng tạo trong tìm giải pháp để thực hiện công việc.

Chuyên nghiệp

Hình ảnh bên ngoài đỉnh đạc, hiện đại, tích cực; Giao tiếp lịch thiệp, tinh tế, khéo léo; Thực hiện công việc có kế hoạch với kỹ năng phù hợp; Luôn hướng đến mục tiêu chung của tổ chức; Giữ gìn cam kết với đối tác, khách hàng và đội ngũ.

Nhân văn

Xây dựng môi trường Petrosetco có tri thức, văn hóa, văn minh, hướng thiện; Quan tâm tới quyền lợi của người lao động, đảm bảo sự công bằng trong tổ chức; Nỗ lực đóng góp cho cộng đồng.

Hiệu quả

Hiểu rõ về mục tiêu và nhiệm vụ; Có giải pháp phù hợp nhất cho khách hàng, đối tác và đội ngũ; Luôn đảm bảo hiệu quả tối ưu cho tổ chức.

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Thư Quý Cổ đđng,

Trong năm 2017, nền kinh tế Việt Nam đã có sự phát triển vượt bậc, tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu 6,7% do Quốc hội đề ra, và là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua. Đây cũng là năm đánh dấu sự hội nhập mạnh mẽ của Việt Nam với nền kinh tế thế giới, từ đó tạo nên nhiều cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp trong nước. Đối với các đơn vị hoạt động trong ngành Dầu khí nói chung và Tổng công ty Petrosetco nói riêng thì năm vừa qua vẫn là một năm cực kỳ khó khăn khi giá dầu thô vẫn ở mức thấp và kéo dài, đe dọa ngày càng nghiêm trọng đến các hoạt động của Tổng công ty. Bên cạnh đó, mảng dịch vụ phân phối của Petrosetco cũng vấp phải sự cạnh tranh rất lớn từ các đối thủ.

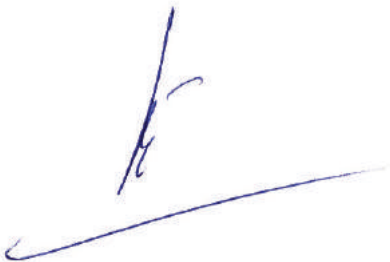
Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo Petrosetco tập trung mọi nguồn lực với tinh thần trách nhiệm cao nhất để hoàn thành những mục tiêu và kế hoạch đã đặt ra. Hội đồng Quản trị tiếp tục với định hướng triển khai các dự án dịch vụ thoát ra ngoài ngành, mở rộng và phát triển các mảng dịch vụ mới, đồng thời rà soát tiết giảm chi phí tối đa. Với những nỗ lực ấy, khép lại năm 2017, Petrosetco cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu với 10.703 tỷ đồng vượt 19% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế 202 tỷ đồng, vượt 1% kế hoạch. Để đạt được kết quả trên, là nhờ vào sự quyết tâm và phối hợp đồng bộ giữa các tổ chức chính quyền, đoàn thể và các cấp lãnh đạo trong Tổng công ty cùng toàn thể CBCNV, nhờ vào uy tín, thương hiệu Petrosetco đối với các dịch vụ mà Tổng công ty cung cấp. Bên cạnh đó, trong năm qua Petrosetco đã mạnh mẽ dần bước ra ngoài ngành Dầu khí, đội ngũ CBCNV được đào tạo và ngày càng tích góp thêm nhiều kinh nghiệm.

Năm 2018 tiếp tục mở ra ánh sáng khi mức tăng trưởng kinh tế của Việt Nam được dự đoán là 6,7%. Bên cạnh đó, nền kinh tế nước ta cũng gặp phải những thách thức đáng kể như dư địa hạn hẹp của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ; những cơ hội và thách thức đến từ những hiệp định hội nhập quốc tế WTO, CPTPP, EVFTA,... Riêng với Petrosetco, tôi hy vọng năm 2018 sau khi đã giải quyết được những tồn đọng, bước ra thị trường với một tâm thế mới, chúng tôi tin rằng Petrosetco sẽ có một năm thành công và cũng sẽ là năm bản lề cho những thành tựu sáng sủa hơn trong chặng đường phát triển phía trước của Petrosetco.

Ban lãnh đạo Petrosetco cùng toàn thể hơn 2.500 CBCNV sẽ quyết tâm vượt qua những khó khăn, thử thách, nắm bắt cơ hội và sự thay đổi của thị trường để phát triển cả về quy mô, chất lượng, hiệu quả; xứng đáng với niềm tin và kỳ vọng của các cổ đđng, các nhà đầu tư và của hàng triệu khách hàng đã tin tưởng, đồng hành cùng Petrosetco trong suốt thời gian qua.

Thay mặt cho Hội Đồng quản trị, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, sự tin nhiệm của Quý Cổ đđng cũng như của các Nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đặc biệt cảm ơn tinh thần đoàn kết, những nỗ lực và cống hiến của tập thể người lao động PETROSETCO.

Trân trọng!



Phùng Tuấn Hà
CHỦ TỊCH HĐQT

A professional portrait of Phùng Tuấn Hà, a middle-aged man with short dark hair, wearing a grey blazer, a red and white checkered shirt, a gold and white striped tie, and light-colored trousers. He is standing in a well-lit room with a blurred background of green plants and warm lighting. His right hand is in his pocket, and he is looking slightly to the right of the camera with a neutral expression.

Phùng Tuấn Hà
CHỦ TỊCH HĐQT

THÔNG TIN CÔNG TY VÀ CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN

GIỚI THIỆU CHUNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Tên Tiếng Anh: PetroVietNam General Services J.S. Corporation

Tên viết tắt: Petrosetco

Địa chỉ: Lầu 6, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1-5 Lê Duẩn,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3911 7777

Fax: +84 28 39116789

Website: <http://www.petrosetco.com.vn>

Ngày thành lập: 20/06/1996

Mã chứng khoán: PET

Vốn điều lệ: 866.001.240.000 VND

CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN

10.703 Doanh
thu thuần
tỷ VND ▲ **119 %**

202 Lợi nhuận
trước thuế
tỷ VND ▲ **101 %**

144 Lợi nhuận
sau thuế
tỷ VND ▲ **91 %**

2396 Cán bộ
nhân viên
▲ **0.88 %**

4 Lĩnh vực kinh doanh

	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
Dịch vụ phân phối	8.622 tỷ VNĐ	63 tỷ VNĐ
Dịch vụ cung ứng và hậu cần	804 tỷ VNĐ	50 tỷ VNĐ
Dịch vụ đời sống	813 tỷ VNĐ	46 tỷ VNĐ
Dịch vụ bất động sản	464 tỷ VNĐ	44 tỷ VNĐ

► Lịch sử hình thành và phát triển



Tháng 6/1996: Công Ty Dịch vụ - Du lịch Dầu khí được thành lập theo Quyết định số 284/BT của Bộ trưởng, chủ nhiệm văn phòng Chính phủ.

Tháng 7/1997: Hợp nhất một số đơn vị trong ngành làm dịch vụ sinh hoạt, đời sống và du lịch phục vụ các hoạt động dầu khí.

Tháng 11/2000: Thành lập Xí Nghiệp Dịch Vụ Dầu khí Biển.

Tháng 10/2001: Thành lập Xí Nghiệp Dịch Vụ - Thương Mại Dầu Khí.

Tháng 5/2002: Thành lập Xí Nghiệp Dịch Vụ Dầu khí Sài Gòn.



Tháng 9/2006: Chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần

Tháng 09/2007: Cổ phiếu của PETROSETCO chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh; mã cổ phiếu PET.

Tháng 10/2007: Ra mắt Tổng Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Tổng Hợp Dầu Khí..



Tháng 08/2008: Góp 51% vốn thành lập Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (PCB) để đầu tư dự án Nhà máy sản xuất Bio-Ethanol.

Tháng 09/2009: Nhận chuyển nhượng phần vốn tại các Công ty TNHH 1TV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (POTS), Công ty TNHH 1TV Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PVA), Công ty CP Chế biến xuất ăn và Thương mại Dầu khí (Bestfoods Catering), Công ty TNHH 1TV Thương mại Dầu khí Hà Nội (Petro Hanoi).

Tháng 01/2010: Thành lập Chi nhánh Tổng Công ty – Công ty Phân phối nguyên liệu công nghiệp Dầu khí (PIMD).

Tháng 06/2010: Góp 51% vốn thành lập Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam tại tỉnh Bạc Liêu.

Tháng 12/2010: Thành lập Công ty TNHH PETROSETCO SSG (PSSSG).

Tháng 12/2010: Chuyển đổi các công ty PSV, PVA, PSMT hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

Tháng 04/2011: Thành lập Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh (Smartcom)

Tháng 06/2011: Ra mắt Logo và bộ nhận diện thương hiệu mới của Tổng công ty.

Tháng 11/2011: Chuyển đổi Công ty TNHH 1TV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí thành Công ty Cổ phần.



▶ Lịch sử hình thành và phát triển (tiếp theo)



Tháng 7/2012: PETROSETCO – PSD chính thức trở thành đối tác cung ứng sản phẩm của Samsung tại Việt Nam.

Tháng 08/2012: PETROSETCO – văn phòng Tổng Công ty nhận Chứng chỉ Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Tháng 11/2012: PETROSETCO - Smartcom chính thức trở thành Nhà phân phối của BlackBerry tại Việt Nam, làm tiền đề cho khả năng phát triển sự hợp tác với nhiều nhãn hàng danh tiếng khác.

Tháng 03/2013: Thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí (PetroRetail).

Tháng 6/2013: PETROSETCO - PSD chính thức lên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu là PSD.

Tháng 4/2014: Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam (PSL Việt Nam) chính thức trở thành đơn vị thành viên của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PETROSETCO) (Từ năm 2012 đến năm 2014, PSL Việt Nam là đơn vị thành viên của công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (POTS).

Tháng 5/2014: Thành lập Công ty Cổ phần phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí (PHTD)

Tháng 10/2014: PETROSETCO triển khai dự án khu nhà ở và dịch vụ phục vụ khu Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn tại huyện Tĩnh Gia – Thanh Hóa

Tháng 11/2014: thành lập Công ty Cổ phần Công nghệ ASSA (ASSA).



Tháng 3/2015: Smartcom phân phối thương hiệu nệm và drap cao cấp Lotus đến từ Thái lan

Tháng 11/2015: Công ty Cổ phần phân phối sản phẩm công nghệ cao Dầu khí (PHTD) chính thức phân phối thêm thương hiệu điện thoại Meizu tại thị trường Việt Nam

Năm 2015: PSD chính thức trở thành nhà phân phối cho các hãng điện thoại Archos, Motorola và thiết bị phụ kiện Plantronics.

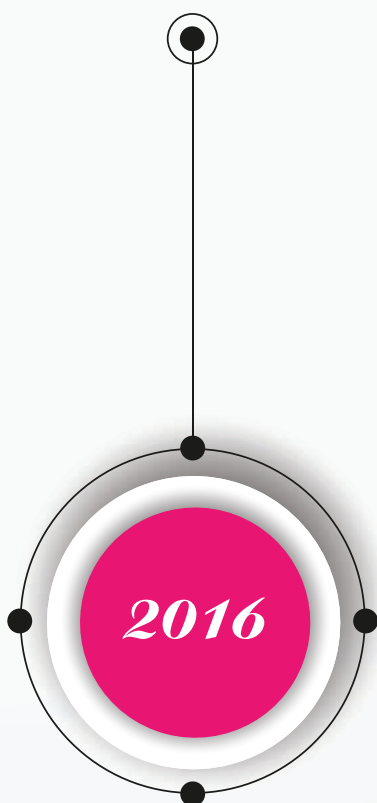
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Cấu kiện Siêu trường Siêu trọng PETROSETCO ALE chính trở thành đơn vị thành viên của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí.

Tháng 6/2016: Petrosetco tổ chức thành công lễ kỷ niệm 20 năm thành lập, đánh dấu một chặng đường phát triển mới

Nhận Cờ thi đua của chính phủ vì đã hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Nhận Huân chương Lao động hạng nhất của Chủ tịch nước vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2011 đến năm 2015, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Năm 2016: PETROSETCO đã hoàn thành và đưa vào vận hành chính thức dự án "Khu nhà ở và dịch vụ phục vụ liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn - Giai đoạn 2". Đây là dự án quy mô lớn nhất của PETROSETCO từ trước đến nay, bao gồm 10 block nhà với 600 căn hộ, 25 biệt thự và các công trình phụ trợ như nhà văn hóa, nhà trẻ, trạm y tế và công trình thể thao...



Năm 2017: Các đơn vị thành viên của Tổng công ty rất thành công trong việc mở rộng và triển khai thị trường mới đối với những lĩnh vực riêng của mình.

► Lĩnh vực kinh doanh



I. DỊCH VỤ PHÂN PHỐI

Phân phối sản phẩm điện tử

PETROSETCO hiện có ba đơn vị thành viên đang thực hiện mảng kinh doanh sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin và các sản phẩm điện máy, điện lạnh là Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD), Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh (Smartcom) và Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí (PHTD). Đây vẫn là mảng kinh doanh chủ đạo chiếm tỷ trọng 81% doanh thu và 31% lợi nhuận trong toàn Tổng công ty trong năm 2017.

Hiện PETROSETCO đang phân phối các sản phẩm điện thoại di động như Samsung, Sony, HTC, Lenovo, Blackberry,... các sản phẩm công nghệ thông tin như máy tính xách tay các thương hiệu Dell, Acer, Fujitsu, Lenovo, Asus,... linh kiện máy tính mang các thương hiệu Kingson, Genius, Adata, Sandisk, Toshiba, Ricoh..., phụ kiện dành cho điện thoại di động và máy tính bảng của các hãng Samsung, Sony, Asus,... các sản phẩm điện máy điện lạnh mang các thương hiệu như Candy, Pensonic, Cuchen, Whirlpool, Ferroli, LG, Media, Sanyo, Tefal, Toshiba, Grudig ...

Phân phối sản phẩm công nghiệp trong ngành Dầu khí

Mảng kinh doanh này được giao cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí miền Trung (PSMT) thực hiện. Các sản phẩm công nghiệp trong ngành Dầu khí do Petrosetco phân phối bao gồm: hạt nhựa PolyPropylen (PP), khí hóa lỏng (LPG). Petrosetco đảm nhận việc tiêu thụ các sản phẩm của ngành công nghiệp chế biến dầu khí như LPG, PP của nhà máy lọc dầu Dung Quất với sản lượng 30 ngàn tấn PP và 36 ngàn tấn LPG/năm.

Ngoài ra, PSMT cũng thực hiện hoạt động chiết nạp bình gas để cung cấp sản phẩm bình gas mang thương hiệu PET-GAS tại thị trường Quảng Ngãi và các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên với 2 loại bình 12kg và bình 45kg. Trạm chiết nạp tại Khu công nghiệp Tịnh Phong - Quảng Ngãi thuộc Xí nghiệp nhiên liệu Dầu khí Quảng Ngãi trực thuộc PSMT là đơn vị được giao vận hành và quản lý Trạm chiết nạp LPG Tịnh Phong.

Phân phối hàng gia dụng

Phân phối hàng gia dụng là mảng kinh doanh nằm trong định hướng mở rộng và gia tăng thị phần phân phối của Petrosetco. Trong năm 2017, Petrosetco tiếp tục phân phối các sản phẩm chăn, ga, gối, đệm mang thương hiệu Lotus nhập khẩu Thái Lan, được phân phối độc quyền bởi Smartbedding (công ty CP Hội Tụ Thông Minh Smartcom) tại Việt Nam.

II. DỊCH VỤ CUNG ỨNG VÀ HẬU CẦN DẦU KHÍ

Cung ứng vật tư thiết bị

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (POTS) là đơn vị thực hiện mảng kinh doanh này, chủ yếu hoạt động tại Tp. Hồ Chí Minh và Vũng Tàu. POTS đã và đang làm dịch vụ Đại lý cho các Nhà sản xuất lớn trên thế giới về vật tư, thiết bị chuyên ngành dầu khí như: ống chống, cần khoan, bơm, van các loại... Ngoài ra, Công ty còn lắp đặt và bảo trì bảo dưỡng hệ thống thiết bị cho các Công ty, Nhà thầu Dầu khí và các công ty hoạt động trong lĩnh vực thăm dò, khai thác và chế biến Dầu khí đang hoạt động tại Việt Nam như Vietsovpetro, PTSC, PVD, Đại Hùng, Hoàng Long JOC, Hoàn Vũ JOC, Petronas...

POTS đã mở rộng cung cấp thêm các sản phẩm, vật tư thiết bị cho các dự án ngành điện gồm các nhóm mặt hàng như Điện - Tự động hóa, Truyền tải và phân phối điện, hóa chất,... Bên cạnh đó, trong năm 2017, POTS đã phát triển thêm mảng dịch vụ hàng hải cung cấp các dịch vụ như lặn, hàn và cắt dưới mặt nước; vận chuyển than và hàng rời,... đưa cặp tàu-salan mang tên PETROSET POTS đi vào hoạt động.



Dịch vụ logistics và dịch vụ vận chuyển

Dịch vụ Logistics: Dịch vụ này được giao cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam (PSL) thực hiện. Trong năm 2017, Petrosetco thực hiện tốt các dịch vụ hậu cần như thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu, thủ tục xuất nhập cảnh đối ca, vận tải đa phương thức quốc tế, vận tải siêu trọng (hàng quá khổ quá tải) cho các khách hàng trong và ngoài ngành. Đơn vị đang thực hiện hợp đồng với các nhà thầu chính như Talisman, Biển Đông, Murphy oil, Petronas Over Sea, Cuu Long JOC, HLHV, PTSC, PVTrans, PVDrilling, PVFCCo, Gas Shipping... Trong tình hình khó khăn chung của ngành Dầu khí, đơn vị đã mở rộng ra một số khách hàng ngoài ngành như Vard, Kim Hoàng Ngân, Ngọc Quyết Thắng, Biomass và các khách hàng nhỏ lẻ khác...

Dịch vụ vận chuyển: Dịch vụ vận tải đường bộ do Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA) thực hiện. Kết thúc năm 2017, PSA có 72 xe ô tô đời mới cùng đội ngũ lái xe chuyên nghiệp, Tổng Công ty đảm bảo phục vụ tốt và ổn định việc đi lại công tác của cán bộ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội cũng như TP. HCM. Ngoài ra, Tổng Công ty còn cung cấp dịch vụ vận chuyển cho các nhà thầu dầu khí nhằm gia tăng các dịch vụ và tiện ích cho khách hàng.

Dịch vụ cung ứng, quản lý nhân sự và dịch vụ cho thuê lao động

Trong năm 2017, Petrosetco mở rộng sang lĩnh vực cung cấp dịch vụ quản lý chuyên gia cao cấp, bao gồm chuyên gia Việt Nam, chuyên gia nước ngoài trong các lĩnh vực: Khoan, Dự án, Khai thác dầu khí. Dịch vụ mở rộng sang cả cung ứng nhân sự văn phòng nếu Khách hàng có yêu cầu. Mảng dịch vụ này hiện giao cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam (PSL) liên doanh với công ty ORIENT thực hiện. Các khách hàng PSL đang triển khai dịch vụ cung cấp nhân sự, ký hợp đồng khung như: Hoàng Long Hoàn Vũ JOC, Phú Quốc POC, Rosneft BV VIỆT NAM, SCG, Long Son Refinery, First Solar, Exxon Mobil (Blue Whale Project), Bureau Veritas, Murphy Oil, Ematys International SA, Wood Kenny...

III. DỊCH VỤ ĐỜI SỐNG (CATERING)

Dịch vụ cung ứng, quản lý nhân sự và dịch vụ cho thuê lao động

Trong năm 2017, Petrosetco mở rộng sang lĩnh vực cung cấp dịch vụ quản lý chuyên gia cao cấp, bao gồm chuyên gia Việt Nam, chuyên gia nước ngoài trong các lĩnh vực: Khoan, Dự án, Khai thác dầu khí.

Dịch vụ mở rộng sang cả cung ứng nhân sự văn phòng nếu Khách hàng có yêu cầu. Mảng dịch vụ này hiện giao cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam (PSL) liên doanh với công ty ORIENT thực hiện. Các khách hàng PSL đang triển khai dịch vụ cung cấp nhân sự, ký hợp đồng khung như: Hoàng Long Hoàn Vũ JOC, Phú Quốc POC, Rosneft BV VIỆT NAM, SCG, Long Son Refinery, First Solar, Exxon Mobil (Blue Whale Project), Bureau Veritas, Murphy Oil, Ematys International SA, Wood Kenny...

IV. DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Mảng dịch vụ quản lý và khai thác bất động sản được giao cho các đơn vị là PSA, POTS và PSV thực hiện với các dịch vụ chính là dịch vụ khách sạn, nhà hàng, cho thuê văn phòng, quản lý vận hành và khai thác các tòa nhà.

Khách hàng chính của mảng dịch vụ này chủ yếu là trong Ngành bao gồm Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, các Công ty, Tổng Công ty thành viên của Tập đoàn như PVCombank, Viện Dầu khí (VPI), PVEP, PVGas... Trong chiến lược phát triển, PETROSETCO sẽ tận dụng ưu thế về kỹ năng và kinh nghiệm trong lĩnh vực này để tham gia quản lý và khai thác các tòa nhà, khách sạn, trung tâm thương mại ngoài ngành dầu khí nhằm từng bước xây dựng và khẳng định thương hiệu PETROSETCO trong lĩnh vực này.

Các tòa nhà tiếp tục được PETROSETCO quản lý, khai thác an toàn và hiệu quả trong năm 2017: Tòa nhà PetroVietnam Tower số 18 Láng Hạ, Hà Nội; Tòa nhà PetroVietnam Tower số 1-5 Lê Duẩn, Tp. HCM; Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam VPI số 167 Trung Kính, P.Yên Hòa, Q.Cầu Giấy, Hà Nội; Tòa nhà Trung tâm Thương mại Quận 6, Tp HCM; Tòa nhà PVGas Tower số 673 Nguyễn Hữu Thọ, Nhà Bè, TP HCM. Ngoài ra, trong năm 2017, PSA đã thành công trong việc mở rộng việc ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý và vận hành cho một số tòa nhà bên ngoài ngành Dầu khí như Tập đoàn điện lực, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam... và các khách hàng mới trong năm như Platium Plaza, Park Riverside, Khu dân cư Villa Park, Tòa nhà Trung tâm đào tạo trường Đại học Kinh tế Quốc dân,...

Trong năm 2017, Petrosetco đã đưa vào vận hành dự án Khu nhà ở và dịch vụ phục vụ liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn. Dự án cung cấp nơi ăn ở cho các cán bộ nhân viên của nhà máy lọc dầu Nghi Sơn.



PETROSETCO

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT 2017



CÔNG TY PSV: TIẾP TỤC MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG

PSV tiếp tục khẳng định vị thế là đơn vị cung cấp dịch vụ đời sống hàng đầu tại Việt Nam với việc triển khai cung cấp thêm các hợp đồng mới như: cung cấp dịch vụ ăn uống cho Nhà máy thép Hòa Phát – tại Quảng Ngãi vào tháng 3/2017 với giá trị hợp đồng đạt 6,5 tỷ đồng/năm; cung cấp dịch vụ ăn uống cho Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn tại Thanh Hóa vào tháng 5/2017 với hợp đồng giá trị hơn 161 tỷ đồng trong 2 năm và cung cấp dịch vụ ăn uống cho Công ty General Electric tại Quảng Ngãi với giá trị 5,5 tỷ đồng/năm.

Bên cạnh đó, mảng dịch vụ hậu cần của PSV cũng có những bước tiến mới với việc cung cấp dịch vụ lao động tại Sakhalin – Nga với hợp đồng hơn 4 tỷ đồng. Bên cạnh đó, tháng 10/2017 PSV triển khai cung cấp dịch vụ vệ sinh bên trong nhà Máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn với giá trị hợp đồng cho 02 năm là 21 tỷ đồng



CÁC ÔNG TY TRONG MẢNG PHÂN PHỐI: PSD - SMARTCOM - PHTD: TIẾP TỤC KHẲNG ĐỊNH VÀ MỞ RỘNG KHẢ NĂNG PHÂN PHỐI

PSD vẫn là đơn vị chủ lực của mảng dịch vụ này với 3 mảng sản phẩm gồm điện thoại, IT và điện lạnh. Tháng 10/2017, PSD được vinh danh là một trong những nhà Phân phối sản phẩm Dell - consumer tốt nhất khu vực Đông Nam Á. Tháng 11/2017, PSD phân phối thêm thương hiệu màn hình máy tính Viewsonic.

Smartcom trải qua một năm vô cùng khó khăn khi các nhãn hàng đang phân phối đồng loạt gặp các rủi ro và trở ngại lớn về mặt sản phẩm cung cấp cho thị trường VN. Để có định hướng bù đắp lại cho thời gian tiếp theo, Smartcom đã mở rộng phân phối và cung cấp dịch vụ cho các thương hiệu mới: WIKO - 01/2017; LEAGOO vào tháng 06/2017; và SYMPHONY vào tháng 12/2017.

PHTD có 1 năm với những bước tiến mới khả quan: ngoài việc phân phối thêm sản phẩm Techno, nhãn hàng ITel đã tạo dấu ấn mạnh khi đạt thị phần 4% sau 10 tháng xuất hiện tại thị trường Việt Nam.

CÔNG TY POTS: MỘT NĂM VƯỢT KHÓ THÀNH CÔNG

Năm 2017 là năm tiếp tục khó khăn cho các đơn vị trong ngành Dầu khí, đặc biệt là các đơn vị cung cấp VTTB. Tuy nhiên, nhờ ở sự chuẩn bị kỹ lưỡng, Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển- POTS đã vượt khó thành công, trong đó: Tháng 4/2017, POTS trúng Gói thầu cung cấp Vật tư sắt thép cho Dự án Cá Rồng Đỏ trị giá hơn 20 tỷ đồng. Tháng 5/2017, POTS trúng thầu gói quản lý & vận hành Trung tâm thương mại Quận 6 (Platinum Plaza) với giá trị hơn 8 tỷ đồng/năm và tháng 8/2017, Công ty đã trúng thầu gói thầu cung cấp dịch vụ bảo dưỡng tại nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, với giá trị hợp đồng gần 1.000 tỷ và thời gian thực hiện trong vòng 06 năm.



CÔNG TY PSA: CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NĂM VÀ NHỮNG THỬ THÁCH MỚI

Năm 2017 là năm PSA kỷ niệm 10 năm thành lập, Công ty đã trải qua thời gian tăng trưởng liên tục nhờ vào chính sách hướng ra ngoài ngành Dầu khí. Trong năm PSA cũng đã ký nhiều hợp đồng mới, trong đó có hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý tòa nhà cho trường Đại học Kinh tế Quốc dân với giá trị hợp đồng hơn 24 tỷ đồng/năm.



CÔNG TY PSL- PSMT: PHÁT TRIỂN ỔN ĐỊNH

Trong năm 2017, bất chấp các diễn biến khó lường của thị trường, các Công ty PSL-PSMT và ASSA đã có sự phát triển ổn định, đóng góp vào kết quả chung của Tổng công ty Petrosetco, trong đó: PSL tham gia cung cấp ổn định các dịch vụ như Logistics, xuất nhập khẩu, dịch vụ lao động; PSMT tiếp tục song hành tốt cùng Công ty lọc hóa Dầu Bình Sơn để phân phối các sản phẩm PP; LPG ra thị trường.



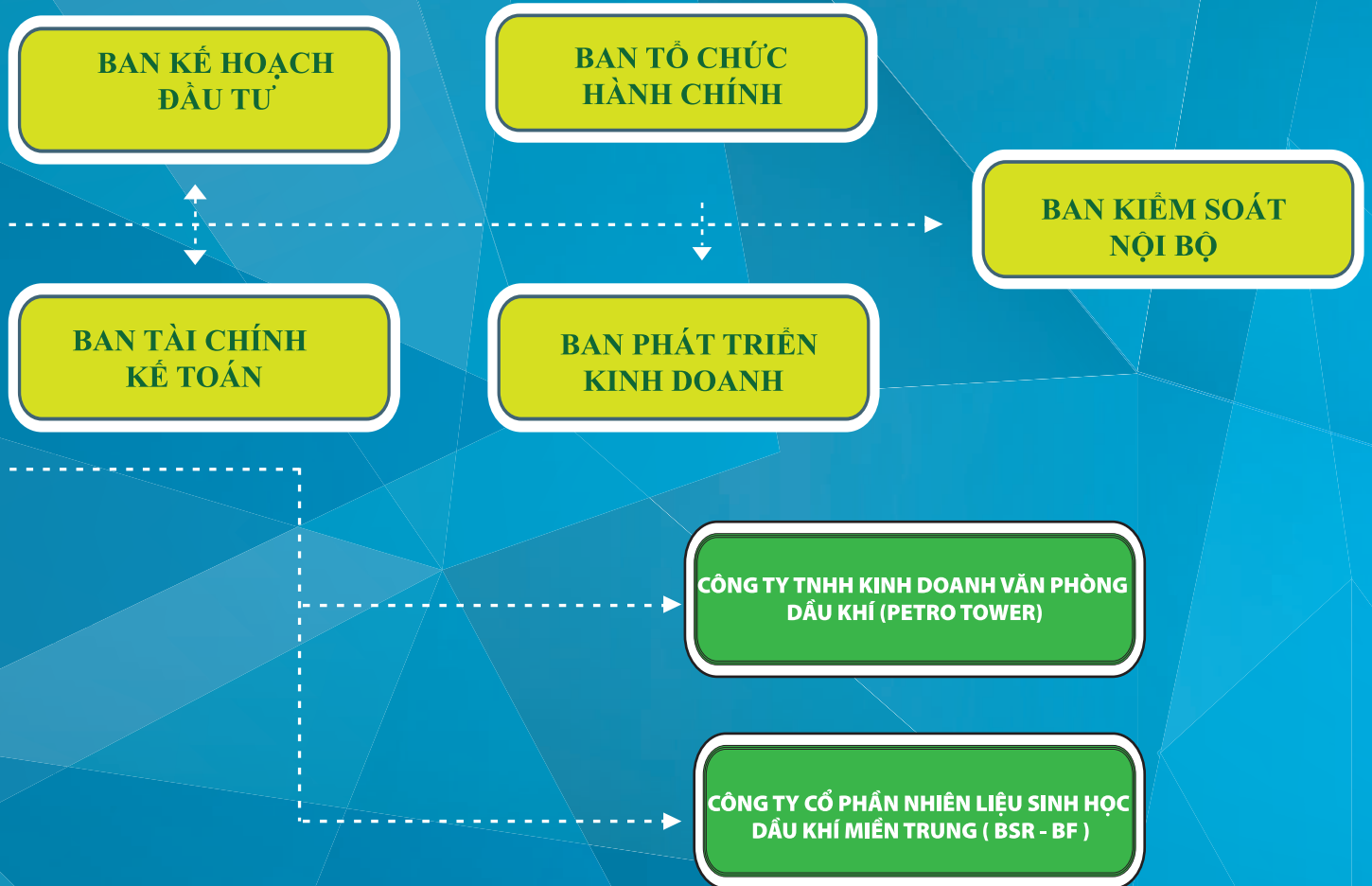






TỔNG CÔNG TY PETROSETCO KHÔNG THÀNH LẬP CÁC TIỂU BAN TRONG HĐQT

Sơ đồ tổ chức ◀



-  **BAN LÃNH ĐẠO**
-  **ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN PETROSETCO**
-  **CÁC BAN TỔNG CÔNG TY**
-  **ĐƠN VỊ PETROSETCO THAM GIA GÓP VỐN**

▶ Hội đồng quản trị

Ông PHÙNG TUẤN HÀ CHỦ TỊCH HĐQT

Ông tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học PRESTON Hợp chủng quốc Hoa Kỳ năm 2011.

Làm việc trong ngành Dầu khí 28 năm, ông từng giữ các chức vụ: Trưởng chi nhánh công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí TPHCM, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) và Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí từ năm 2009. Tháng 4 năm 2015 ông được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Petrosetco.

Ông là linh hồn, là người tập hợp lực lượng và luôn đưa ra những định hướng chiến lược quan trọng trong từng giai đoạn để giữ vững sự phát triển của Petrosetco trong những năm qua.

Thành tích đạt được: Huân chương lao động Hạng Nhất năm 2016, Huân chương lao động Hạng Nhì năm 2007, Huân chương lao động Hạng Ba năm 2002, Bằng khen Thủ tướng chính phủ năm 2013, Danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc năm 2014 và Chiến sỹ thi đua Bộ công thương năm 2013, Bằng khen Tập đoàn DKVN từ 2013-2017.

Ông VŨ TIẾN DƯƠNG THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

(vui lòng xem phần giới thiệu Ban Tổng giám đốc)





Ông VŨ TIẾN DƯƠNG

THÀNH VIÊN

(vui lòng xem phần giới thiệu Ban Tổng giám đốc)



Bà PHẠM THỊ HỒNG ĐIỆP

THÀNH VIÊN

Bà tốt nghiệp Đại học KHXH&NV(Ngữ văn Anh) năm 1999 và Thạc sỹ Quản trị kinh doanh & Marketing (Việt Bỉ) của Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh năm 2012.

Gia nhập ngành Dầu khí từ 1994, bà từng đảm nhiệm những vị trí quan trọng tại các công ty thành viên của Petrosetco và có nhiều kinh nghiệm quản lý và khai thác bất động sản/tòa nhà, chần drap gối nệm.

Thành tích đạt được: Huân chương Lao động Hạng ba năm 2014; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2008, Danh hiệu Chiến sỹ thi đua của Bộ Công thương năm 2013; Doanh nhân, nhà quản lý trẻ Dầu khí xuất sắc năm 2012.



Bà LÊ THỊ CHIẾN

THÀNH VIÊN

Bà tốt nghiệp ngành Tài chính Kế toán năm 1988 và có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và kế toán.

Bà gia nhập ngành Dầu khí năm 1999 và hiện giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD)

Thành tích đạt được: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2014

▶ Ban tổng giám đốc



4

2

1

1 Ông **VŨ TIẾN DƯƠNG** TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của Đại học Pacific Western (Hoa kỳ) năm 2006.

Làm việc trong ngành Dầu khí 24 năm, ông từng giữ các chức vụ: Phó giám đốc và Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển, Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí, Phó Tổng giám đốc và Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí từ tháng 4/2015.

Là một doanh nhân, nhà quản lý Dầu khí xuất sắc, ông có sở trường và kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, phân phối đặc biệt lĩnh vực cung cấp thiết bị cho ngành dầu khí, quản lý cao ốc văn phòng và phân phối thiết bị viễn thông.

Thành tích đạt được: Huân chương lao động Hạng Nhì năm 2016, Huân chương lao động Hạng ba năm 2008; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2014, Bằng khen Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ 2013-2017.

2 Bà **PHẠM THỊ HỒNG ĐIỆP** PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà tốt nghiệp Đại học KHXH&NV(Ngữ văn Anh) năm 1999 và Thạc sỹ Quản trị kinh doanh & Marketing (Việt Bỉ) của Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh năm 2012.

Gia nhập ngành Dầu khí từ 1994, bà từng đảm nhiệm những vị trí quan trọng tại các công ty thành viên của Petrosetco và có nhiều kinh nghiệm quản lý và khai thác bất động sản/tòa nhà, chăn drap gối nệm.

Thành tích đạt được: Huân chương Lao động Hạng ba năm 2014; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2008, Danh hiệu Chiến sỹ thi đua của Bộ Công thương năm 2013; Doanh nhân, nhà quản lý trẻ Dầu khí xuất sắc năm 2012.



3

5

3 Ông NGUYỄN THANH TÚ PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông tốt nghiệp Đại học Bách khoa Đà Nẵng (ngành kinh tế công nghiệp) năm 1988 và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của trường Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2006.

Gia nhập ngành Dầu khí từ 1993 và có gần 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ Dầu khí, đặc biệt trong công tác quản lý dịch vụ đời sống (catering) trên các công trình biển và các dịch vụ trên đất liền.

Thành tích đạt được: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2014; Bằng khen của Bộ công Thương 2013; Danh hiệu Chiến sỹ thi đua của Bộ công thương năm 2012; Bằng khen của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ năm 2013-2016.

5 Ông PHAN QUANG TUẤN ANH PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông tốt nghiệp Đại học Kinh tế năm 1999 và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của trường Đại học Columbia Southern năm 2011.

Gia nhập Petrosetco từ năm 2007, ông từng đảm nhiệm những vị trí quan trọng tại các công ty thành viên của Petrosetco và có nhiều kinh nghiệm quản lý và điều hành trong lĩnh vực Thương mại Phân phối.

Thành tích đạt được: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2014; Bằng khen của Bộ công Thương 2013; Doanh nhân Sao đỏ năm 2014.

4 Ông HỒ MINH VIỆT PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông tốt nghiệp Đại học Giao thông Vận Tải (ngành kinh tế xây dựng), Đại học Ngoại thương năm 1999 và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Đại học Pacific Western (Hoa kỳ) năm 2006.

Gia nhập Petrosetco từ tháng 8 năm 2017, với nền tảng kiến thức vững chắc cùng nhiều năm kinh nghiệm tư vấn chiến lược và đầu tư cho nhiều tập đoàn đa quốc gia như Tập đoàn Big C (Pháp), Lotte (Hàn quốc), OCHN (Pháp), Tập đoàn Posco (Hàn Quốc), ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Petrosetco từ ngày 11/8/2017.

▶ Ban kiểm soát

1 Ông PHAN KHẮC VINH TRƯỞNG BAN

Ông tốt nghiệp Đại học Kinh tế (ngành Tài chính kế toán doanh nghiệp) năm 1997.

Ông gia nhập Petrosetco năm 1999, từng đảm nhiệm chức vụ Phó giám đốc, Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị tại đơn vị thành viên thuộc Petrosetco và được bầu làm Trưởng ban kiểm soát Petrosetco vào tháng 4/2016.

2 Ông LÊ ANH QUỐC THÀNH VIÊN

Ông tốt nghiệp Đại học Tài chính Kế toán (ngành Tài chính kế toán doanh nghiệp) năm 1995.

Ông gia nhập Petrosetco năm 2000 và từ năm 2006-2010 ông đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kế toán và Kế toán trưởng tại các đơn vị thành viên thuộc Petrosetco. Tháng 10/2010 ông được bầu làm Trưởng ban kiểm soát Petrosetco và Thành viên ban kiểm soát vào tháng 4/2016.



3

1

2

3 Bà NGUYỄN THỊ MỸ DUNG THÀNH VIÊN

Bà tốt nghiệp Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh năm 2010.

Bà gia nhập Petrosetco năm 2010, đảm nhiệm công tác pháp chế của Petrosetco, tháng 6/2016 được bổ nhiệm Phó phòng pháp chế Petrosetco và được bầu làm Thành viên ban kiểm soát vào tháng 4/2016.

Bà NGUYỄN THỊ THANH
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà tốt nghiệp Đại học Mở Hà Nội (ngành kế toán) năm 1999 và Đại học ngoại ngữ Hà Nội (Ngữ văn Anh) năm 1999.

Gia nhập ngành Dầu khí từ 1999, bà có 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán và đã có nhiều đóng góp trong việc xây dựng hệ thống tài chính kế toán tại đơn vị thành viên theo chuẩn quốc tế. Tháng 5/2017 bà được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Petrosetco.

Thành tích đạt được: Bằng khen Bộ công thương năm 2013, Bằng khen Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ 2013-2016.



► Cơ cấu nguồn nhân lực




Kết thúc năm 2017, tổng số nhân lực PETROSETCO đạt 2.396 CBCNV, tăng 0,88 % so với năm 2016. Cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực tiếp tục duy trì sự ổn định với tỷ lệ lao động có trình độ từ trung cấp trở lên chiếm tỷ trọng 50.4% tổng nhân lực toàn Tổng công ty tương đương 1.205 người.

Số lượng và tỷ trọng theo trình độ

STT	Lao động (người)	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
		Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng
1	Trên đại học	51	2,0%	46	1,9%	49	2,1%
2	Đại học	583	23,2%	545	22,9%	526	22,0%
3	Cao đẳng, Trung cấp	639	25,4%	618	26,0%	630	26,3%
4	Công nhân kỹ thuật và Sơ cấp	878	34,9%	825	34,7%	686	28,6%
5	Lao động phổ thông	362	14,4%	341	14,4%	505	21,0%
	Tổng cộng:	2.513	100%	2375	100%	2396	100%

Cơ cấu lao động theo độ tuổi

STT	Lao động theo độ tuổi	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Bằng và dưới 30 tuổi	1128	1006	916
2	Từ 31 đến 49 tuổi	1105	1104	1357
3	Trên 49 tuổi	280	265	123
4	Tổng cộng:	2.513	2.375	2.396



Cơ cấu nguồn nhân lực (tiếp theo)

Cơ cấu lao động theo giới tính

STT	Lao động theo giới tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Nam	1807	1700	1695
2	Nữ	706	675	701
3	Tổng cộng	2.513	2.375	2.396

Cơ cấu lao động theo vùng, miền

STT	Lao động theo khu vực	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Vũng Tàu	1381	1195	1380
2	TP.HCM	588	557	610
3	Quảng Ngãi	144	164	54
4	Hà Nội	368	330	304
5	Các tỉnh khác	32	129	48
6	Tổng cộng	2.513	2.375	2.396

► Vốn cổ phần và cơ cấu cổ đông

1. THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Mã cổ phiếu: PET

Tên cổ phiếu: Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí

CỔ PHẦN	2015	2016	2017
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	84.600.124 CP	86.600.124 CP	86.600.124 CP
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	84.600.124 CP	86.600.124 CP	86.600.124 CP
Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	0 CP	0 CP	0 CP
Số lượng cổ phiếu quỹ	0 CP	0 CP	0 CP
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	84.600.124 CP	86.600.124 CP	86.600.124 CP
Mệnh giá của cổ phần	10.000 đồng	10.000 đồng	10.000 đồng

Năm 2015, PETROSETCO thực hiện việc tăng vốn điều lệ, trong đó:

- Tăng 13.268.124 cổ phiếu do chi cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 19% vốn điều lệ);
- Tăng 1.490.000 cổ phiếu cho chương trình ESOP.

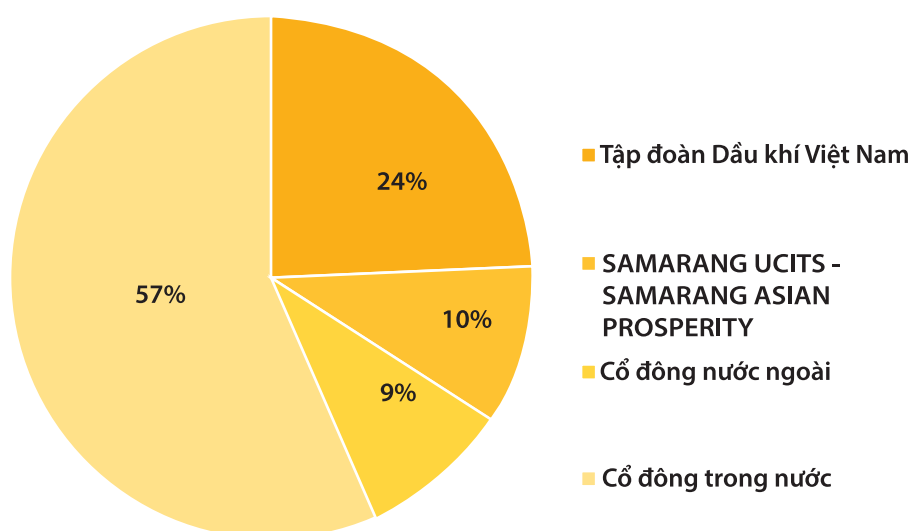
Năm 2016, PETROSETCO tiếp tục thực hiện chương trình ESOP đợt 2 đúng như kế hoạch đã trình ĐHĐCD năm 2015 đã được thông qua. Trong đợt tăng vốn này, 2.000.000 cổ phiếu được phát hành.

2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(cập nhật theo danh sách chốt ngày 22/11/2017 & tỷ lệ căn cứ trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành)

STT	ĐỐI TƯỢNG	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông lớn	29,468,619	34.0%	2
	Trong nước	20,973,851	24.2%	1
	Nước ngoài	8,494,768	9.8%	1
2	Cổ đông khác	57,131,505	66.0%	6,390
	Trong nước	49,028,556	56.6%	6,188
	Nước ngoài	8,102,949	9.4%	202
3	TỔNG	86,600,124	100.0%	6,392
	Trong nước	70,002,407	80.8%	6,189
	Nước ngoài	16,597,717	19.2%	203

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



► Vốn cổ phần và cơ cấu cổ đông

3. SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Đối tượng	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu CP
Hội đồng quản trị	Phùng Tuấn Hà	Chủ tịch HĐQT	2,034,989	2.35%
	Vũ Tiến Dương	UV HĐQT kiêm TGD	301,642	0.35%
	Lê Thị Chiến	UV HĐQT - TV độc lập	150,583	0.17%
	Phạm Quang Huy	UV HĐQT - TV độc lập	-	0.00%
	Phạm Thị Hồng Điệp	UV HĐQT kiêm Phó TGD	100,000	0.12%
Ban Tổng giám đốc	Vũ Tiến Dương	UV HĐQT kiêm TGD	301,642	0.35%
	Phạm Thị Hồng Điệp	UV HĐQT kiêm Phó TGD	100,000	0.12%
	Hồ Minh Việt	Phó TGD	-	0.00%
	Nguyễn Thanh Tú	Phó TGD	111,642	0.13%
	Phan Quang Tuấn Anh	Phó TGD	110,000	0.13%
	Nguyễn Thị Thanh	Kế toán trưởng	2	0.00%
Ban Kiểm soát	Phan Khắc Vinh	Trưởng ban kiểm soát	41,900	0.05%
	Lê Anh quốc	Kiểm soát viên	46,642	0.05%
	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Kiểm soát viên	-	0.00%
TỔNG CỘNG			2,897,400	3.35%

4. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ (không có)

Giao dịch cổ phiếu của người liên quan của người nội bộ

	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phan Khắc Lợi	Em ông Phan Khắc Vinh – TB.KS	2.900	0.00%	0	0%	Bán 2.900CP
2	Phạm Thị Thu Hiền	Em bà Phạm Thị Hồng Điệp – P.TGD	10.000	0.01%	2.000	0.00%	Bán 8.000CP

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	Cổ đông lớn	8.494.768	9.81%	0	0%	Bán 8.494.768CP
2	Samarang Ucits - Samarang Asian Prosperity	Cổ đông lớn	0	0%	8.494.768	9.81%	Mua 8.494.768CP

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN VÀ ĐƠN VỊ PETROSETCO THAM GIA GÓP VỐN





sm@rtcom

PSSSG



CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN VÀ ĐƠN VỊ PETROSETCO THAM GIA GÓP VỐN

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD)



* Lầu 2, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1-5 Lê Duẩn,
P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

* Điện thoại: 028.39115578

* Ngành nghề kinh doanh: Phân phối điện thoại di động; Phân phối máy tính xách tay, máy tính bảng, PC; Phân phối linh kiện điện tử; Phân phối phần mềm/bản quyền.

Vốn điều lệ: 213.265.490.000 VND

80.02 % Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco

Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh (Smartcom)



* Phòng 608, Lầu 6, Tòa nhà PetroVietNam,
Số 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

* Điện thoại: 028.39105566

* Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Chăn, drap gối nệm Lotus.

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VND

55 % Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco

Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam (PSL)



* Phòng 201, Lầu 2, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1-5 Lê Duẩn,
P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

* Điện thoại: 028.39104466

* Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Cung ứng và quản lý nguồn lao động.

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VND

44 % Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (PSV)



* Số 63, đường 30/4, Phường 9
TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

* Điện thoại: 0254.3833345

* Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ, sản phẩm sinh hoạt đời sống cho các hoạt động của ngành Dầu khí; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Dịch vụ khách sạn; Dịch vụ phục vụ đồ uống, nhà hàng; Dịch vụ nhà ở; Dịch vụ khai thác và quản lý tòa nhà; Dịch vụ vệ sinh công nghiệp; Kinh doanh lương thực, thực phẩm, nhu phẩm yếu, hàng nông sản.

Vốn điều lệ: 90.000.000.000 VND

70 % Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco

Công ty TNHH Petrosetco SSG (PSSSG)



* 92 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận,
TP. Hồ Chí Minh

* Điện thoại: 0287.3098805

* Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản

Vốn điều lệ: 450.000.000.000 VND

51 % Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco

Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí (PHTD)



* Phòng 608, Lầu 6, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, P. Bến Nghé, TP.HCM

* Điện thoại: 028.39107979

* Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VND

51 % Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco

Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA)



* Tầng 15, Tòa nhà PVI, Số 167 Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

* Điện thoại: 024.37726886

* Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ quản lý, vận hành tòa nhà văn phòng, chung cư; Dịch vụ ăn uống; Dịch vụ vận chuyển; Dịch vụ lễ tân; Dịch vụ lưu trú.

Vốn điều lệ: 68.000.000.000 VND

78.61 % Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển (POTS)



* Phòng 201 - 211, Lầu 2, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

* Điện thoại: 028.39106868

* Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp vật tư, máy móc, thiết bị cho các ngành công nghiệp; Cung cấp dịch vụ vận tải, hàng hóa đường bộ, đường thủy; Cung cấp dịch vụ hỗ trợ, khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Cung cấp dịch vụ lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị công nghiệp, hệ thống điện, các hệ thống xây dựng khác; Cho thuê và điều hành quản lý bất động sản (Văn phòng, mặt bằng nhà xưởng; nhà ở..)

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND

60 % Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (PSMT)



* Số 01 An Dương Vương, Phường Lê Hồng Phong Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

* Điện thoại: 0255.3738738

* Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí; Bán buôn tơ, xơ sợi dệt; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn nhựa tổng hợp, phân đạm.

Vốn điều lệ: 107.000.000.000 VND

99.79 % Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco

ĐƠN VỊ PETROSETCO THAM GIA GÓP VỐN

Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí (PETROTOWER)

* Số 08 Hoàng Diệu - Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

* Điện thoại: 0254.3850098

* Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ quản lý và Khai thác Tòa nhà Văn phòng

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF)

* Khu kinh tế Dung Quất, Bình Thuận, Bình Sơn, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.

* Điện thoại: 0255.3714180

* Ngành nghề kinh doanh: sản xuất Ethanol từ sắn lát

Vốn điều lệ: 164.040.911.440 VND

24 % Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco

Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 VND

0.2 % Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco





▶ Báo cáo của Hội đồng Quản trị

1. TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2017 là năm đánh dấu kỷ lục về sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong 10 năm qua với chỉ số tăng trưởng GDP đạt mức 6,81%, vượt mục tiêu đề ra là 6,7%. Quy mô nền kinh tế ở mức 5 triệu tỷ đồng, lạm phát được kiểm soát ở mức 3,53%, thấp hơn mức trần là 4%. Trong khi đó, về phía các doanh nghiệp trong nước, năm qua là một năm đầy khó khăn do gặp phải sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp, hàng hóa của nước ngoài khi kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập.

Đối với các đơn vị trong ngành Dầu khí nói chung và Tổng công ty Petrosetco nói riêng, năm 2017 tiếp tục là một năm khó khăn của Tổng công ty trong bối cảnh giá dầu thô vẫn ở mức thấp và kéo dài. Mặc dù đã định hướng phát triển ra ngoài ngành trong thời gian qua, nhưng tác động từ các khách hàng trong ngành dầu khí vẫn là rất lớn. Bên cạnh đó, các mảng kinh doanh ngoài ngành của Petrosetco cũng gặp phải rất nhiều khó khăn, đặc biệt là ở mảng phân phối. Tuy nhiên, bằng sự nỗ lực của toàn thể CBCNV, Petrosetco cơ bản đã hoàn thành kế hoạch được đại hội cổ đông thông qua.

2. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.1. Số lượng các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phùng Tuấn Hà	CT.HĐQT	10/10	100%	
2	Ông Vũ Tiến Dương	UVHĐQT	10/10	100%	
3	Ông Phạm Quang Huy	UVHĐQT	0/10	-	(Ủy quyền cho ông Phùng Tuấn Hà); từ nhiệm từ ngày 01/11/2017
4	Bà Lê Thị Chiến	UVHĐQT	10/10	100%	
5	Bà Phạm Thị Hồng Điệp	UVHĐQT	10/10	100%	

Báo cáo của

Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

2.2. Đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT

Ông Phùng Tuấn Hà: Với chức vụ chủ tịch HĐQT, ông Phùng Tuấn Hà đã thay mặt HĐQT trực tiếp chỉ đạo, định hướng hoạt động SXKD đối với Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty. Ngoài ra, ông trực tiếp điều hành các cuộc họp của HĐQT cũng như tham dự các họp quan trọng với các đối tác, khách hàng. Đặc biệt trong giai đoạn giá dầu suy giảm, ông quan tâm sát sao đến tình hình kinh doanh của các đơn vị thành viên, kịp thời chỉ đạo đơn vị mở rộng ra nhiều mảng kinh doanh ngoài thị trường, chủ động chủ trì các cuộc họp định kỳ cũng như các cuộc họp đột xuất, đồng thời tích cực tìm kiếm các cơ hội hợp tác với các đối tác lớn trên thế giới.

Ông Vũ Tiến Dương: Là thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty, ông Vũ Tiến Dương đã tiếp thu các ý kiến chỉ đạo của HĐQT và trực tiếp điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty đúng theo kế hoạch đã đề ra. Ông cũng đã có những đóng góp tích cực trong quá trình hoàn thiện hệ thống quy chế quản trị nội bộ, tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và là cầu nối quan trọng giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty.

Bà Phạm Thị Hồng Diệp: Là thành viên HĐQT kiêm nhiệm, bà đã tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT cũng như đóng góp nhiều ý kiến đối với việc hoàn thiện các Nghị quyết HĐQT đóng góp về mặt chiến lược và tư vấn cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đối với công tác tổ chức, truyền thông, phát triển dịch vụ. Với kinh nghiệm nhiều năm trong ngành dịch vụ bà đặc biệt quan tâm và có nhiều chỉ đạo, đóng góp ý kiến đối với việc phát triển dịch vụ, đặc biệt là phát triển cung cấp dịch vụ ra ngoài ngành Dầu khí.

Đánh giá về hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Bà Lê Thị Chiến: là thành viên HĐQT độc lập nhưng Bà đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT cũng như đóng góp nhiều ý kiến đối với việc hoàn thiện các Nghị quyết HĐQT đã ban hành. Đặc biệt, Bà Lê Thị Chiến còn quan tâm và có nhiều tư vấn, đóng góp cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đối với công tác tài chính, kế toán và kiểm toán. Công tác quản trị rủi ro cũng được Bà Chiến đặc biệt quan tâm và đã có nhiều chỉ đạo, đóng góp ý kiến có liên quan đến vấn đề này trong các cuộc họp của Tổng công ty.

Ông Phạm Quang Huy: Trong năm 2017, ông Phạm Quang Huy không tham dự các cuộc họp của HĐQT mà ủy quyền cho ông Phùng Tuấn Hà do không thể sắp xếp thời gian. Đối với các nội dung lấy ý kiến của HĐQT ông đều có trao đổi và đóng góp ý kiến từ xa qua điện thoại và email. Từ ngày 01/11/2017 ông Phạm Quang Huy đã xin từ nhiệm thành viên HĐQT của Petrosetco.

▶ Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ

3.1. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2017 tiếp tục là một năm thực sự khó khăn đối với Petrosetco khi mà các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động của Petrosetco hầu như không nhiều thay đổi so với năm 2016. Để đối phó với các thách thức đó, Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã tiếp tục chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện điều hành Tổng công ty theo hướng thận trọng, linh hoạt và bám sát trước những diễn biến của thị trường để có những cân chỉnh phù hợp như:

- Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ: tăng cường xúc tiến, tiếp cận với các hãng sản xuất nổi tiếng trên thế giới nhưng chưa có mặt tại Việt Nam để xây dựng hệ thống phân phối mới, thương hiệu mới; nghiên cứu cung cấp thêm các ngành mới bên cạnh các ngành hàng truyền thống dựa trên mạng lưới, kinh nghiệm sẵn có.
- Sắp xếp, ổn định chất lượng dịch vụ các mảng dịch vụ hậu cần dầu khí, dịch vụ quản lý bất động sản; sắp xếp, tái cấu trúc lại các mảng kinh doanh có hiệu quả thấp; tập trung hoàn thành các dự án đầu tư trọng điểm.
- Tối ưu hóa chi phí: xác định nội dung then chốt là cần phải rà soát tối ưu hóa các quy trình hoạt động, sắp xếp lại bộ máy nhân sự nhằm nâng cao chất lượng và giảm giá thành sản phẩm, dịch vụ.
- Nâng cao hiệu quả công tác dự báo thị trường thông qua việc kiện toàn nhân sự làm công tác dự báo, tham khảo các dự báo từ các tổ chức có uy tín, đồng thời sử dụng các công cụ khác để giảm thiểu rủi ro của thị trường.
- Đẩy mạnh việc mở rộng ra ngoài ngành và tiếp cận các thị trường mới, đồng thời tăng cường công tác rủi ro từ các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2017, Ban điều hành đã thực hiện rất tốt chủ trương trên của Hội đồng Quản trị Tổng công ty, góp phần mang lại những kết quả kinh doanh đáng khích lệ trong năm 2017.

3.2. Hoạt động đầu tư

Năm 2017, Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã có quyết định quan trọng trong việc triển khai các dự án đầu tư đã được tập đoàn phê duyệt từ năm trước nhưng chưa kịp triển khai xây dựng khu dân cư 41D Thành phố Vũng Tàu và sắp xếp lại các mảng hoạt động kinh doanh tại các công ty con cho hợp lý.

3.3. Hoạt động thu xếp và sử dụng vốn

Với hoạt động chính là kinh doanh thương mại và phân phối, hàng năm nhu cầu về vốn lưu động bình quân của Tổng công ty khoảng 2.000 tỷ đồng, Hội đồng Quản trị đã kịp thời chỉ đạo, phối hợp với Ban Tổng Giám đốc làm việc với các tổ chức tín dụng để thu xếp vốn kinh doanh cho Tổng công ty. Trong đó, HĐQT đã ban hành nhiều Nghị quyết thông qua nội dung cấp bảo lãnh vay vốn cho các đơn vị như PSD; Smartcom; PHTD; POTS; PSMT... tại các tổ chức tín dụng.

Có thể nói trong năm qua, nhu cầu vốn của Petrosetco cơ bản được thu xếp ổn thỏa, kịp thời, đáp ứng được yêu cầu của hoạt động SXKD.

3.4. Công tác tái cấu trúc Tổng Công ty

Năm 2017, Hội đồng Quản trị Tổng công ty tiếp tục thực hiện một số công tác tái cấu trúc Tổng công ty, cụ thể như sau:

Tại Nghị quyết số 22/NQ-DVTHDK ngày 21 tháng 6 năm 2017, HĐQT đã quyết định thoái toàn bộ phần vốn góp của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ bán lẻ Dầu khí (Petro Retail) và Công ty Cổ phần Công nghệ ASSA. Đây được xem là bước đi quyết liệt của Petrosetco nhằm loại bỏ những mảng kinh doanh có hiệu quả thấp.

Tại Nghị quyết số 02/NQ-DVTHDK ngày 20 tháng 01 năm 2017, HĐQT đã chấp thuận chủ trương tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng cho Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh Smartcom. Việc tăng vốn này nhằm hỗ trợ cho Smartcom nguồn vốn để phục vụ cho hoạt động phân phối.

3.5. Thay đổi về nhân sự và bộ máy làm việc.

Năm 2017, PETROSETCO thực hiện mạnh mẽ việc tinh gọn, sắp xếp bộ máy làm việc cũng như công tác cán bộ, nhân sự.

• Tại Nghị quyết số 35/NQ-DVTHDK ngày 01 tháng 11 năm 2017, HĐQT đã chấp thuận cho Ông Phạm Quang Huy từ nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT Tổng công ty kể từ ngày 01/11/2017.

• Tại Nghị quyết số 12/NQ-DVTHDK ngày 26 tháng 4 năm 2017, HĐQT đã quyết định bổ nhiệm ông Phan Quang Tuấn Anh giữ chức vụ Giám đốc Công ty Smartcom thay cho Bà Phạm Thị Hồng Điệp kể từ ngày 01/5/2017.

• Bên cạnh đó, trong năm 2017, HĐQT cũng đã có nhiều chỉ đạo về công tác nhân sự tại các đơn vị thông qua các Nghị quyết về công tác cán bộ tại Công ty PSD, PSV, PSA, POTS, Smartcom, PHTD, PSL, PSSSG,...

4. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2017

Trước những khó khăn đã được dự báo từ trước trong năm 2017, Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã chỉ đạo rất quyết liệt và kịp thời trong công tác điều hành hoạt động SXKD, khuyến khích tinh thần làm việc của toàn thể cán bộ công nhân viên Petrosetco. Kết thúc năm 2017, Petrosetco đạt kết quả như sau:

Đơn vị tính: Tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %
	1	2	3	4= (3)/(1)	5= (3)/(2)
Doanh thu (thuần)	9,882	9,000	10,703	108%	119%
Lợi nhuận trước thuế	212	200	202	95%	101%
Lợi nhuận sau thuế	167	158	144	86%	91%
EPS (đồng)	1,659	1,500	1,361	82%	91%

Doanh thu (thuần) năm 2017 đạt 10.703 tỷ đồng, bằng 108% so thực hiện năm 2016, vượt 19% so với kế hoạch năm 2017.

Lợi nhuận trước thuế năm 2017 đạt 202 tỷ đồng, bằng 95% so thực hiện năm 2016 và bằng 101% so với kế hoạch năm 2017.

Lợi nhuận sau thuế đạt 144 tỷ đồng, bằng 86% so thực hiện năm 2016 và bằng 91% so với kế hoạch năm 2017. (Mặc dù vượt kế hoạch về lợi nhuận trước thuế nhưng lợi nhuận sau thuế chưa đạt là do trong năm 2017 Petrosetco kiên quyết tái cơ cấu hoạt động kinh doanh trong đó Tổng công ty đã thoái vốn tại 02 đơn vị và chấm dứt hợp tác với một số thương hiệu dẫn đến phải xử lý tồn kho và thua lỗ ở một số đơn vị, chính sự thua lỗ này đã kéo lợi nhuận hợp nhất sau thuế giảm hơn so với kế hoạch).

Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu năm 2017 đạt 1.361 đồng, bằng 82% so với năm 2016 và bằng 91% kế hoạch đề ra.

▶ Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

5. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

Trong năm 2017, Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt việc điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, cụ thể:

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai tốt các chủ trương từ Hội đồng Quản trị với tinh thần quyết liệt ngay từ đầu năm.
- Đối với việc ra quyết định đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị thì Ban Tổng Giám đốc đã có những giải trình, tham mưu rất chi tiết giúp tạo sự đồng thuận cao và nhanh chóng trong việc ra quyết định của Hội đồng Quản trị.
- Dù áp lực về huy động vốn cho hoạt động thương mại và phân phối cũng như cho các dự án đầu tư là rất lớn nhưng trong năm qua Ban điều hành đã chủ động trong việc điều phối cân đối nguồn tài chính đảm bảo cho sản xuất kinh doanh, và chi trả các dự án đầu tư.
- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai đúng định hướng của Hội đồng Quản trị là tích cực đẩy mạnh đầu tư ra ngoài ngành, cải tiến hệ thống và bộ máy nhân lực mang lại hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng kịp thời tốc độ phát triển và hội nhập, mang lại hiệu quả về năng suất, chất lượng, góp phần tăng doanh thu trong năm 2017.
- Trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện sự phối hợp chỉ đạo tương đối tốt, nhạy bén trong các quyết định kinh doanh, hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời các khó khăn cho các đơn vị thành viên.

Kết luận:

Kết quả của năm 2017 đã minh chứng cho nỗ lực, sáng tạo không ngừng của tập thể Ban Điều hành Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí trong việc quyết tâm tìm kiếm mặt hàng phân phối mới, khai phá thị trường ra ngoài ngành nhằm tiếp tục đưa Tổng công ty trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ phân phối và dịch vụ dầu khí tốt nhất trong cả nước. Chính sự đồng tâm hiệp lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên và kỹ năng quản trị doanh nghiệp của Ban Tổng Giám đốc không chỉ giúp đơn vị vượt qua những năm thực sự khó khăn mà còn đạt được nhiều thành tựu trong lĩnh vực Phân phối các sản phẩm công nghệ, các dự án quản lý, đầu tư bất động sản, ... nhằm chuẩn bị đón đầu những cơ hội mới trong tương lai, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Tổng công ty trong những năm sắp đến. Với năng lực và kinh nghiệm của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị tin rằng Tổng công ty Petrosetco sẽ hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh đề ra cho năm 2018.

6. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Với tín hiệu tích cực của nền kinh tế trong năm 2018 với sự tăng trưởng 7,41% trong quý I, cao nhất trong cùng kỳ nhiều năm qua nhờ vào ngành điện tử (nguyên nhân do sản phẩm Galaxy S9 sẽ ra mắt vào tháng 3/2018, sớm hơn so với thời điểm ra mắt Galaxy S8 vào tháng 4/2017) và ngành khai khoáng cũng tăng trưởng dương 5,7% sau 2 năm liên tục giảm. Tuy nhiên, bên cạnh các tín hiệu đáng mừng thì chúng ta không thể thoát khỏi sự thật là các lĩnh vực kinh doanh của Petrosetco đang tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn trong năm 2018. Đó là sự phát triển mạnh mẽ của các chuỗi bán lẻ sẽ tiếp tục là mối đe dọa thị phần phân phối của Petrosetco, đó là việc giá dầu vẫn ở mức 60USD/thùng chưa thực sự hấp dẫn để các giàn khoan hoạt động trở lại. Chính vì vậy, Hội đồng Quản trị sẽ tiếp tục chủ trương điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty với tinh thần thận trọng và chắc chắn. Căn cứ vào nội lực của Tổng công ty và những dự đoán về nền kinh tế trong năm 2018, Hội đồng Quản trị đặt ra các mục tiêu kế hoạch như sau:

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Đơn vị tính: Tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Tỷ lệ %
	1	2	3= (2)/(1)
Doanh thu (thuần) hợp nhất	10,703	9,000	84%
Lợi nhuận trước thuế	202	180	89%
Lợi nhuận sau thuế	144	135	94%
Vốn điều lệ	866	866	100%
Tỷ lệ cổ tức tối thiểu	12%	10%	83%

6.2. Kế hoạch hành động trong năm 2018

Tiếp tục tái cơ cấu hoạt động phân phối theo hướng giảm dần các sản phẩm có nhiều rủi ro, ít có tiềm năng phát triển. Tích cực tìm kiếm thêm các đối tác mới để phân phối các sản phẩm mới, ngành hàng mới có tiềm năng và phù hợp với mô hình hoạt động của Petrosetco.

Chuyển dần hoạt động phân phối hạt nhựa PP, khí hóa lỏng LPG sang các hoạt động chế biến sản phẩm từ các mặt hàng này.

Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành quyết liệt hơn nữa trong định hướng mở rộng hoạt động Sản xuất kinh doanh ra thị trường ngoài ngành Dầu khí đối với các mảng như dịch vụ đời sống, dịch vụ logistics, dịch vụ bất động sản, dịch vụ lao động...

Mở rộng và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ và các sản phẩm để cung cấp cho thị trường.

Tiếp tục rà soát cơ cấu lại bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, tăng năng suất và tăng thu nhập cho người lao động.

Đảm bảo huy động đủ vốn, đồng thời quản lý và sử dụng vốn an toàn, hiệu quả, đúng mục đích, kiểm soát tốt chi phí.

Đẩy mạnh hoạt động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Thực hiện chăm lo đời sống cho cán bộ công nhân viên; xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tác phong làm việc ngày càng chuyên nghiệp hơn.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHÙNG TUẤN HÀ

CÁC NGHỊ QUYẾT HĐQT ĐÃ BAN HÀNH TRONG NĂM 2017

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-DVTHDK	10/01/2017	Bổ nhiệm cán bộ
2	02/NQ-DVTHDK	20/01/2017	Tăng vốn điều lệ tại Smartcom
3	03/NQ-DVTHDK	07/02/2017	Về việc thay đổi người đại diện theo Pháp Luật của công ty Smartcom
4	03A/NQ-DVTHDK	08/02/2017	Về việc cấp bảo lãnh cho PSD được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân Hàng PVCombank –Cn HCM
5	04/ NQ-DVTHDK	09/02/2017	Về việc thu hồi QĐ 314/QĐ-DVTHDK-HĐQT ngày 26/12/2011 về việc giải thể công ty PSG và chủ trương mở lại MST để triển khai các thủ tục bán cho đối tác
6	05/NQ-DVTHDK	09/02/2017	Cấp bảo lãnh cho PSD được cấp tín dụng tại Vietcombank CN HCM
7	06/NQ-DVTHDK	22/02/2017	Cấp bảo lãnh cho Smartcom được cấp tín dụng tại Vietcombank CN HCM
8	07/NQ-DVTHDK	23/02/2017	Công tác Cán bộ Công ty PSA,PSV
9	07A/NQ-DVTHDK	01/03/2017	Cấp bảo lãnh cho PHTD được cấp tín dụng tại Vietcombank CN HCM
10	08/NQ-DVTHDK	01/03/2017	Về việc cơ cấu lại các phòng, ban trực thuộc Văn phòng Tổng công ty
11	09/NQ-DVTHDK	09/03/2017	Công tác cán bộ các đơn vị thành viên
12	10/NQ-DVTHDK	26/04/2017	Về việc cơ cấu tổ chức và nhân sự
13	11/NQ-DVTHDK	26/04/2017	Về việc nhân sự các đơn vị thành viên
14	12/NQ-DVTHDK	26/04/2017	Về việc công tác nhân sự tại Công ty Smartcom
15	13/NQ-DVTHDK	26/04/2017	Về việc cấp bảo lãnh cho POTS được cấp tín dụng tại Vietcombank CN HCM
16	14/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ	26/04/2017	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
17	15/NQ-DVTHDK	28/04/2017	Về việc cấp bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Điện Tử Điện Lạnh Bình Minh được cấp hạn mức tín dụng tại NH TMCP Quân đội CN Sài gòn.

CÁC NGHỊ QUYẾT HĐQT ĐÃ BAN HÀNH TRONG NĂM 2017

Stt	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
18	16/NQ-DVTHDK	09/05/2017	Về việc bổ nhiệm cán bộ
19	17/NQ-DVTHDK	10/05/2017	Về việc cấp bảo lãnh cho PSD được cấp hạn mức tín dụng tại IBM Capital Singapore Pte Ltd
20	18/NQ-DVTHDK	06/06/2017	Cấp bảo lãnh cho công ty Cổ Phần Phân Phối sản phẩm công nghệ cao Dầu khí (PHTD) được cấp tín dụng tại NH TMCP Quân đội CN Sài Gòn
21	19/NQ-DVTHDK	12/06/2017	Về việc nâng hạn mức bảo lãnh cho PSD được cấp tín dụng tại IBM Capital Singapore Pte Ltd
22	20/NQ-DVTHDK	15/06/2017	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2017
23	21/NQ-DVTHDK	21/06/2017	Về việc cấp bảo lãnh cho Công ty Cổ Phần Hội tụ Thông minh (Smartcom) được cấp hạn mức tín dụng tại NH TMCP Quân đội CN Sài Gòn
24	22/NQ-DVTHDK	21/6/2017	Về việc tái cấu trúc các đơn vị thành viên Tổng công ty
25	23/NQ-DVTHDK	23/06/2017	Về việc dùng hợp đồng tiền gửi làm tài sản đảm bảo cho công ty Cổ Phần Hội tụ Thông minh vay vốn và các khoản cấp tín dụng khác tại NH TMCP Ngoại thương Việt nam CN Hồ Chí Minh
26	24/NQ-DVTHDK	07/08/2017	Về việc xin hạn mức tín dụng tại ngân hàng PVCombank – CN HCM
27	25/NQ-DVTHDK	11/08/2017	Bổ nhiệm cán bộ Hồ Minh Việt
28	27/NQ-DVTHDK	25/08/2017	Về việc xin hạn mức tín dụng tại ngân hàng PVCombank – CN HCM
29	28/NQ-DVTHDK	29/08/2017	Bổ nhiệm cán bộ Nguyễn Thị Hồng Vân
30	29/ NQ-DVTHDK	30/08/2017	Về việc cấp Bảo Lãnh cho công ty cổ phần điện tử điện lạnh Bình Minh được cấp hạn mức tín dụng tại ngân hàng Vietinbank-CN7
31	30/NQ-DVTHDK	07/09/2017	Về việc xin cấp bảo lãnh cho POTS được cấp hạn mức tín dụng tại NH TMCP Quân đội CN Sài Gòn

CÁC NGHỊ QUYẾT HĐQT ĐÃ BAN HÀNH TRONG NĂM 2017

Stt	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
32	31A/NQ-DVTHDK	20/10/2017	Về việc bảo lãnh cho công ty cổ phần dịch vụ phân phối Tổng hợp dầu khí được tái cấp hạn mức tại NH TMCP Tiên Phong –CN Bến Thành
33	32/NQ-DVTHDK	23/10/2017	Về việc nâng hạn mức bảo lãnh cho công ty cổ phần dịch vụ phân phối tổng hợp dầu khí được cấp tín dụng tại IBM Captital Singapore PTE LTD
34	33/NQ-DVTHDK	31/10/2017	Về việc công tác cán bộ tại Smartcom
35	34/NQ-DVTHDK	01/11/2017	Về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
36	35/NQ-DVTHDK	01/11/2017	Về việc xin từ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị
37	36/NQ-DVTHDK	6/11/2017	Về việc bảo lãnh cho công ty PSD được cấp hạn mức tín tại ngân hàng TMCP Quân đội-CN Sài gòn
38	37/NQ-DVTHDK	7/11/2017	Về việc giao người đại diện phần vốn của Petrosetco tại công ty PetroTower
39	38/NQ-DVTHDK	16/11/2017	Về việc cấp bảo lãnh cho công ty cổ phần dịch vụ logistic dầu khí việt nam được cấp hạn mức tín dụng tại Vietinbank-CN7
40	39/NQ-DVTHDK	27/11/2017	Về việc bảo lãnh cho công ty cổ phần thương mại và dịch vụ dầu khí biển được tái cấp hạn mức tại ngân hàng TMCP Quân đội – CN sài gòn
41	40/NQ-DVTHDK	27/11/2017	Về việc bảo lãnh cho công ty cổ phần thương mại và dịch vụ dầu khí biển được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Tiên phong – CN Bến Thành
42	41/NQ-DVTHDK	12/12/2017	Về việc công tác cán bộ
43	42/NQ-DVTHDK	12/12/2017	Về việc cấp bảo lãnh cho công ty cổ phần dịch vụ phân phối dầu khí được cấp hạn mức tín dụng tại Vietinbank-CN7
44	43/NQ-DVTHDK	18/12/2017	Về việc bảo lãnh cho công ty cổ phần dịch vụ phân phối tổng hợp dầu khí được tái cấp hạn mức tín dụng tại Vietcombank-CN TPHCM
45	44/NQ-DVTHDK	25/12/2017	Về phương án nhân sự tại các đơn vị
46	45/NQ-DVTHDK	28/12/2017	Về việc ký hạn mức tín dụng cho Tổng Công ty tại ngân hàng TMCP Việt nam Thịnh Vượng

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017

Năm 2017, chứng kiến kinh tế vĩ mô ở Việt Nam tăng trưởng phát triển tương đối ổn định với mức tăng trưởng 6,81%, tuy nhiên sự tăng trưởng này dựa phần lớn vào các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài FDI. Đối với các doanh nghiệp trong nước, năm qua tiếp tục là năm khó khăn do gặp phải sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp, hàng hóa của nước ngoài khi nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập. Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco) bước vào năm 2017 trong bối cảnh giá dầu thô ở mức thấp và kéo dài đe dọa ngày càng nghiêm trọng đến các hoạt động của cấp dịch vụ dầu khí của Tổng công ty. Bên cạnh đó, mảng dịch vụ phân phối của Petrosetco cũng vấp phải sự cạnh tranh rất lớn từ các đối thủ.

Trước những thách thức đó, từ đầu năm 2017, Ban lãnh đạo Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco) đã triển khai nhiều giải pháp để cố gắng hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Trong đó, Tổng công ty đã tổ chức nhiều cuộc họp, phong trào thi đua, đồng thời tập trung chỉ đạo một cách quyết liệt, huy động mọi nguồn lực nhằm thực hiện ổn định các hoạt động kinh doanh hiện có. Công tác marketing tìm kiếm khách hàng và phát triển các loại hình kinh doanh mới được đẩy mạnh, công tác tiết giảm chi phí được thực hiện triệt để, tất cả mọi nỗ lực cao nhất được tập trung nhằm nâng cao hiệu quả SXKD và duy trì công ăn việc làm cho người lao động.

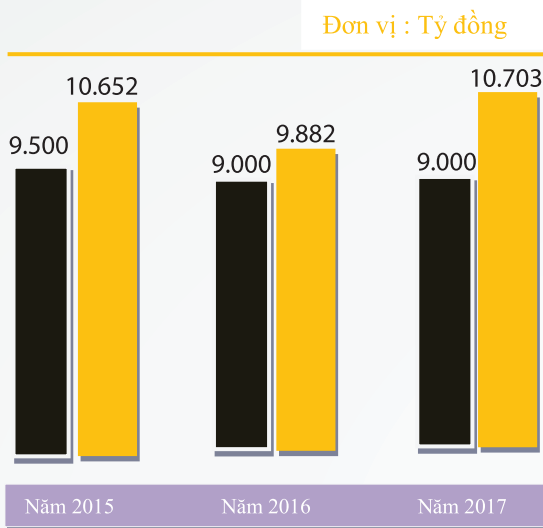
Kết thúc năm qua, toàn thể CBCNV đã đoàn kết và nỗ lực phấn đấu, được sự ủng hộ, tin dùng của khách hàng, Petrosetco cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017.

Chỉ tiêu	Đvt	TH 2016	KH 2017	TH 2017	Tỷ lệ (%)	
		1	2	3	4=3/1	5=3/2
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	9,882	9,000	10,703	108%	119%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	212	200	202	95%	101%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	167	158	144	86%	91%

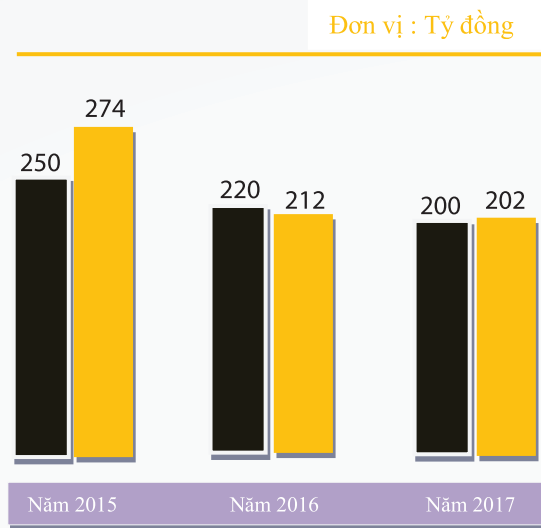
- Doanh thu thuần hợp nhất năm 2017 đạt 10.703 tỷ đồng, bằng 119% kế hoạch năm, bằng 108% so với cùng kỳ năm 2016.
- Lợi nhuận hợp nhất trước thuế năm 2017 đạt 202 tỷ đồng, bằng 101% kế hoạch năm, bằng 95% so với cùng kỳ năm 2016.
- Lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2017 đạt 144 tỷ đồng, bằng 91% kế hoạch năm, bằng 86% so với cùng kỳ năm 2016.

▶ Báo cáo của ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

Doanh thu thuần giai đoạn 2015-2017



Lợi nhuận trước thuế giai đoạn 2015-2017



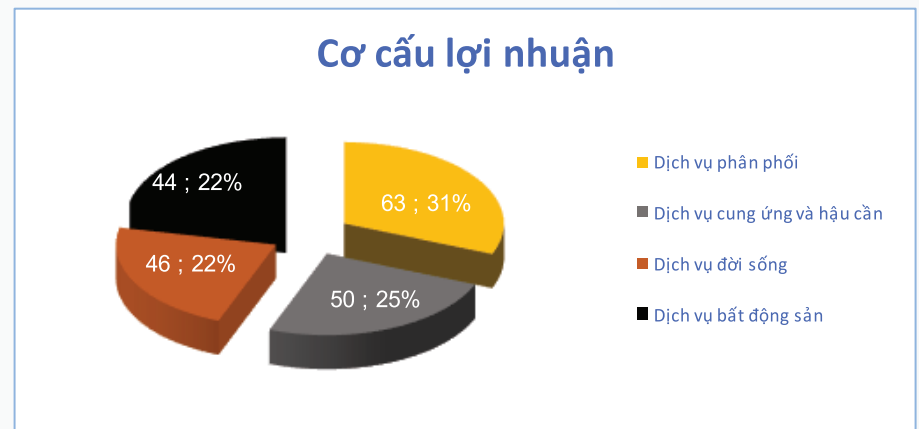
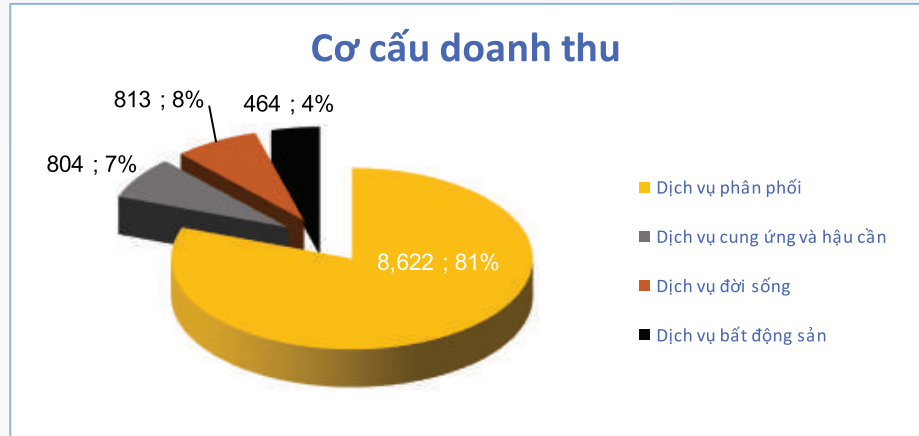
Kế Hoạch
 Thực Hiện

1. KẾT QUẢ KINH DOANH THEO TỪNG MẢNG HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2016	KH 2017	TH 2017	Tỷ trọng 2017	Tỷ lệ (%)	
	1	2	3	4	3/1	3/2
Tổng doanh thu, trong đó:	9,882	9,000	10,703	100%	108%	119%
Dịch vụ phân phối	8,184	7,420	8,622	81%	105%	116%
Dịch vụ cung ứng và hậu cần	621	600	804	8%	129%	134%
Dịch vụ đời sống	747	650	813	8%	109%	125%
Dịch vụ bất động sản	330	330	464	4%	141%	141%
Tổng lợi nhuận trước thuế, trong đó:	212	200	202	100%	95%	101%
Dịch vụ phân phối	91	81	62.6	31%	69%	77%
Dịch vụ cung ứng và hậu cần	37	35	50.0	25%	137%	143%
Dịch vụ đời sống	43	43	45.6	23%	105%	106%
Dịch vụ bất động sản	41	41	43.8	22%	107%	107%

Báo cáo của ban Tổng giám đốc (tiếp theo)



1.1. Dịch vụ phân phối

Dịch vụ phân phối tiếp tục là mảng kinh doanh chính của Tổng công ty Petrosetco với tỷ trọng 81% về doanh thu và 31% về lợi nhuận. Trong năm 2017, các mặt hàng chính được Tổng công ty phân phối bao gồm điện thoại di động, sản phẩm công nghệ thông tin, sản phẩm điện máy, điện lạnh, hạt nhựa PP, khí hóa lỏng LPG và các sản phẩm chăn drap gối nệm... Chi tiết các loại hình kinh doanh như sau:

▶ Báo cáo của ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

1.1 Dịch vụ phân phối (tiếp theo)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2016	KH 2017	TH 2017	Tỷ trọng 2017	Tỷ lệ (%)	
	1	2	3	4	3/1	3/2
Tổng doanh thu, trong đó:	8,184	7,420	8,622	100%	105%	116%
Điện thoại	4,625	4,200	4,636	54%	100%	110%
Sản phẩm CNTT	2,165	1,820	2,352	27%	109%	129%
Điện máy, điện lạnh	-	200	414	5%	-	207%
Nguyên liệu dầu khí và khác	1,394	1,200	1,220	14%	87%	102%
Tổng lợi nhuận, trong đó:	91.0	81.0	62.6	100%	69%	77%
Điện thoại	43.0	40.0	14.6	23%	34%	37%
Sản phẩm IT và linh kiện	25.2	25.0	24.8	40%	98%	99%
Điện máy, điện lạnh	-	5.0	8.9	14%	-	178%
Nguyên liệu dầu khí và khác	22.8	11.0	14.3	23%	63%	130%

Phân phối điện thoại di động

Hiện tại mảng kinh này do các đơn vị thành viên là Công ty CP Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD), Công ty CP Hội Tụ Thông Minh (Smartcom) và Công ty CP Phân phối Sản phẩm Công nghệ Cao Dầu khí (PHTD) thực hiện.

Hoạt động kinh doanh này tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong năm 2017, với các thách thức như:

- (1) Nhiều hãng tổ chức bán hàng trực tiếp cho các chuỗi bán lẻ mà không thông qua nhà phân phối.
- (2) Quy mô thị trường vẫn tăng trưởng, tuy nhiên ngày càng nhiều hãng điện thoại gia nhập thị trường Việt Nam khiến cho cạnh tranh trên thị trường rất khốc liệt, chiết khấu cho nhà phân phối do đó cũng giảm theo.
- (3) Các nhà phân phối đối diện rủi ro xử lý tồn kho ngày càng lớn khi một hãng không thành công và rời bỏ thị trường Việt Nam.

Báo cáo của ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

Kết quả hoạt động năm 2017

Petrosetco tiếp tục cung cấp tốt dịch vụ phân phối, dịch vụ giao nhận fulfillment cho các hãng đã hợp tác như Samsung, Sony, HTC, Philips, Lenovo, Vivo, Blackberry, Gionee và mở rộng cung cấp dịch vụ cho các hãng mới như ITEL, Wiko, Leagoo, Symphony, Techno.

Nhằm hạn chế rủi ro, Petrosetco tiến hành thẩm định và xem xét kỹ hơn kế hoạch phát triển của hãng tại thị trường Việt Nam trước khi đàm phán để thực hiện phân phối trên hệ thống của mình.

Năm qua ngoài việc cung cấp dịch vụ ổn định cho thương hiệu lớn Samsung, Petrosetco đã tương đối thành công khi giúp thương hiệu ITEL đạt thị phần 4% sau 10 tháng có mặt tại thị trường Việt Nam.

Kết quả mảng kinh doanh này đạt doanh thu 4.636 tỷ đồng, vượt 10% kế hoạch và tương đương với cùng kỳ. Tuy nhiên lợi nhuận mảng này giảm mạnh khi chỉ bằng 34% cùng kỳ là do Petrosetco mạnh tay cơ cấu lại danh mục phân phối, cũng như xử lý hàng tồn kho, công nợ.

Phân phối sản phẩm điện máy, điện lạnh

Mảng kinh doanh này do Công ty CP Điện tử Điện lạnh Bình Minh đơn vị thành viên của Công ty CP Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD) triển khai thực hiện. Đây là hoạt động kinh doanh mà Petrosetco triển từ đầu năm 2017 trên cơ sở góp vốn mua lại một đơn vị hoạt động lĩnh vực này.

phân phối sản phẩm CNTT

Hiện tại mảng kinh này do Công ty CP Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD) triển khai thực hiện.

Phân phối sản phẩm điện máy, điện lạnh

Mảng kinh doanh này do Công ty CP Điện tử Điện lạnh Bình Minh đơn vị thành viên của Công ty CP Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD) triển khai thực hiện. Đây là hoạt động kinh doanh mà Petrosetco triển từ đầu năm 2017 trên cơ sở góp vốn mua lại một đơn vị hoạt động lĩnh vực này.

1.2. Dịch vụ Cung ứng và hậu cần Dầu khí

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2016	KH 2017	TH 2017	Tỷ trọng 2017	Tỷ lệ (%)	
	1	2	3	4	3/1	3/2
Tổng doanh thu, trong đó:	621	600	804	100%	129%	134%
Cung ứng VTTB	436	430	580	72%	133%	135%
Dịch vụ Logistics và vận chuyển	151	120	118	15%	78%	98%
Dịch vụ lao động và khác	34	50	106	13%	312%	212%
Tổng lợi nhuận, trong đó:	36.5	35.0	50.0	100%	137%	143%
Cung ứng VTTB	14.0	14.0	23.4	47%	167%	167%
Dịch vụ Logistics và vận chuyển	15.8	15.0	12.0	24%	76%	80%
Dịch vụ lao động và khác	6.7	6.0	14.6	29%	218%	243%

► Báo cáo của ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

Cung ứng vật tư thiết bị

Mảng kinh doanh này do Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (POTS) triển khai thực hiện. Năm 2017, giá dầu tiếp tục ở mức thấp khiến cho các dự án trong ngành Dầu khí vẫn chưa khởi động trở lại, nhiều đơn vị tiếp tục triển khai chính sách cắt giảm chi phí thay thế, bảo dưỡng, nhiều đơn vị tự thực hiện mua sắm bảo dưỡng mà không qua đấu thầu. Trước tình hình đó, Petrosetco một mặt thực hiện tốt các hợp đồng đã ký từ các năm trước, mặt khác tập trung vào các mặt hàng mới, các dự án mới như các dự án bảo dưỡng của máy lọc dầu Dung Quất, lọc dầu Nghi Sơn, các dịch vụ hàng hải...

Nhờ vào các khách hàng mới và các mặt hàng mới, Petrosetco đã có một năm hoạt động tương đối thành công ở mảng này với doanh thu đạt 580 tỷ đồng vượt 35% kế hoạch và tăng 33% so với cùng kỳ; lợi nhuận đạt 23,4 tỷ đồng vượt 67% kế hoạch và tăng 67% so với cùng kỳ năm trước.

1.3. Dịch vụ đời sống

Đây là mảng kinh doanh truyền thống của Petrosetco trong suốt những năm qua, với hơn 1.600 lao động. Mảng kinh doanh này hiện do Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (PSV) và Công ty CP Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA) triển khai thực hiện với khách hàng trải dài từ bắc đến nam.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2016	KH 2017	TH 2017	Tỷ trọng 2017	Tỷ lệ (%)	
	1	2	3		3/1	3/2
Tổng doanh thu, trong đó:	747	650	813	100%	109%	125%
Dịch vụ Catering	653	600	751	92%	115%	125%
Cung cấp thực phẩm	94	50	62	8%	66%	124%
Tổng lợi nhuận, trong đó:	43.4	43.0	45.6	100%	105%	105%
Dịch vụ Catering	40.1	40.0	43.8	96%	109%	109%
Cung cấp thực phẩm	3.3	3.0	1.8	4%	55%	55%

Giá dầu thô xuống thấp trong thời gian qua khiến cho các hoạt động thăm dò khai thác bị cắt giảm, một số công trình biển không có việc phải về bờ, số lượng người làm việc trên các giàn giảm vì vậy ảnh hưởng lớn đến không chỉ doanh thu, lợi nhuận mảng này mà còn tạo áp lực lớn cho Tổng công ty trong việc duy trì công ăn việc làm cho người lao động khi các công trình, dự án bị cắt giảm.

Trước tình hình giá dầu giảm mạnh thời gian qua, Petrosetco đã quyết liệt mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ đời sống ra ngoài ngành để duy trì việc làm cho người lao động. Năm 2017, Tổng công ty cung cấp dịch vụ catering cho các khách hàng mới như nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, Trường tiểu học FPT, Trường THCS Alpha, Thép hòa Phát (Quảng Ngãi)...

Dịch vụ logistics, dịch vụ vận chuyển

Mảng kinh doanh này có một năm tương đối khó khăn khi giá dầu tiếp tục ở mức thấp khiến các đơn vị trong ngành thắt chặt chi phí, do đó nhu cầu dịch vụ vì thế tiếp tục giảm.

Petrosetco đã triển khai nhiều biện pháp như cắt giảm chi phí đầu vào, tối ưu quy trình cung cấp dịch vụ, đồng thời cung cấp thêm các dịch vụ mới như cho thuê xe... Mảng kinh doanh này đạt 118 tỷ đồng doanh thu bằng 78% cùng kỳ và 12 tỷ lợi nhuận bằng 76% cùng kỳ năm trước.

Dịch vụ lao động và khác

Đây là mảng kinh doanh có sự phát triển tốt trong năm qua nhờ vào quá trình tăng cường marketing của Petrosetco cho mảng kinh doanh này. Ngoài ra, Petrosetco cũng đã hợp tác với tập đoàn Orientis của Anh Quốc để triển khai mảng cung ứng nhân lực chất lượng cao cho các khối ngành dầu khí, năng lượng... Mảng kinh doanh này mang lại 106 tỷ đồng doanh thu, bằng gấp 3 lần cùng kỳ và 14,6 tỷ lợi nhuận bằng hơn 2 lần so với cùng kỳ năm trước.

Báo cáo của ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

Kết quả mảng kinh doanh này mang lại 813 tỷ đồng doanh thu, tăng trưởng 9% so với cùng kỳ và 45,6 tỷ đồng lợi nhuận, tăng trưởng 5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó mảng Dịch vụ đời sống, cung cấp suất ăn có sự tăng trưởng mạnh nhờ vào việc phát triển thêm các dự án mới và các mảng mới như (suất ăn văn phòng, trường học...); đồng thời mảng cung cấp thực phẩm có sự sụt giảm so với năm trước là do việc cung cấp hàng hóa, thực phẩm cho các đội tàu trong và ngoài nước sụt giảm khi tần suất hoạt động của các đội tàu này tại Việt Nam năm qua giảm mạnh.

1.4. Dịch vụ bất động sản

Mảng kinh doanh này bao gồm các dịch vụ như cho thuê mặt bằng, căn hộ, kinh doanh khách sạn và quản lý, vận hành các tòa nhà. Trước sức ép giảm giá dịch vụ cho các đơn vị trong ngành Dầu khí trong năm 2015, 2016, Petrosetco đã định hướng con đường duy nhất là phải liên tục tối ưu hóa quy trình cung cấp dịch vụ để nâng cao hiệu quả và mở rộng ra thị trường ngoài ngành. Nhờ ở chính sách đó, Petrosetco liên tục mở rộng cung cấp dịch vụ cho các khách mới, đặc biệt là các khách hàng ngoài Dầu khí như: Tập đoàn điện lực, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam các trung tâm thương mại hay dân cư như Platium Plaza, Capital Garden, Khu dân cư Villa Park,...

Bên cạnh đó, dự án Khu nhà ở và dịch vụ phục vụ liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn là dự án do Tổng công ty Petrosetco làm chủ đầu tư đã chính thức đưa vào vận hành khai thác từ quý III/2016, do đó, dự án này đã đóng góp một phần đáng kể vào kết quả của mảng kinh doanh này.

Kết thúc năm 2017, mảng này đạt 464 tỷ đồng doanh thu, tăng 41% so với cùng kỳ và lợi nhuận đạt 43,8%, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ tiêu	TH	KH	TH	Tỷ trọng	Tỷ lệ (%)	
	2016	2017	2017		2017	3/1
	1	2	3			
Tổng doanh thu, trong đó:	329.7	330	464	100%	141%	141%
Dịch vụ Quản lý & khai thác tòa nhà	242.7	230	276	59%	114%	120%
Dịch vụ khách sạn và mặt bằng	87	100	188	41%	216%	188%
Tổng lợi nhuận, trong đó:	40.8	41.0	43.8	100%	107%	107%
Dịch vụ Dịch vụ Quản lý & khai thác tòa nhà	24.4	25.0	27.8	63%	114%	111%
Dịch vụ khách sạn và mặt bằng	16.4	16.0	16.0	37%	98%	100%

► Báo cáo của ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

2. Tình hình triển khai công tác đầu tư

Dự án Khu nhà ở và dịch vụ phục vụ liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn: Đây là dự án đã được hoàn thành và đưa vào vận hành vào quý III/2016. Trong năm 2017, Petrosetco tiến hành công tác quyết toán, kiểm toán dự án cũng như rà soát, kiểm tra các hạng mục xây dựng để quyết toán hạng mục bảo hành với các nhà thầu xây lắp.

Dự án Khu dân cư số 41D: Đây là dự Petrosetco đưa vào kế hoạch triển khai từ năm 2015 với tổng mức đầu tư gần 165 tỷ đồng gồm 32 căn nhà phố đơn lập và 12 căn song lập, tuy nhiên do tình hình thị trường chưa thuận lợi nên dự án đã tạm hoãn và chính thức khởi công vào quý cuối quý III/2017. Đợt mở bán đầu tiên chủ yếu là giành cho CBCNV Tổng công ty với khoảng 80% số lượng căn hộ. Dự kiến dự án sẽ hoàn thành và bàn giao cho khách hàng vào quý II/2018.

Dự án Cape Pearl: Dự án được triển khai tại khu đất số 12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh. Hiện dự án đang được Petrosetco hoàn thiện các thủ tục về mặt pháp lý, cụ thể là Petrosetco đang làm việc với các cơ quan ban ngành có liên quan về thực hiện nghĩa vụ tài chính của dự án.

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

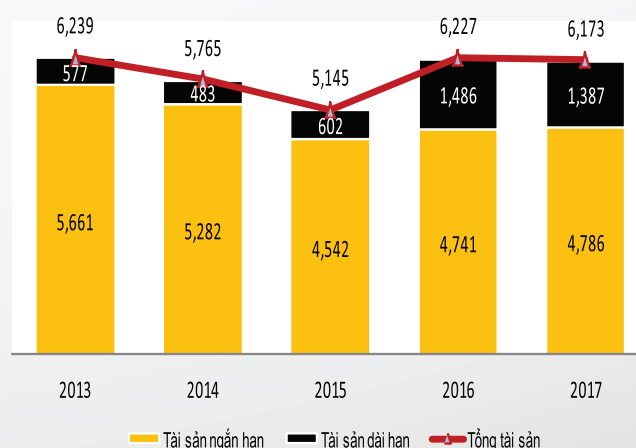
Tài sản- Nguồn vốn	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng tài sản	6.239	5.765	5.145	6.227	6.173
- Tài sản ngắn hạn	5.661	5.282	4.542	4.741	4.786
- Tài sản dài hạn	577	483	602	1.486	1.387
Vốn chủ sở hữu	1.233	1.352	1.415	1.466	1.490
Lợi ích cổ đông thiểu số	135	147	159	182	171
Tổng nợ phải trả	4.870	4.265	3.570	4.579	4.512
<i>Trong đó: vốn vay</i>	<i>3.132</i>	<i>2.642</i>	<i>1.864</i>	<i>2.554</i>	<i>2.308</i>
Vốn vay/Tổng nguồn vốn	50,2%	45,8%	36,2%	41,0%	37,4%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	60,5%	56,3%	63,9%	77,8%	72,3%(*)

(*) Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức năm 2017 tương ứng với tỷ lệ cổ tức kế hoạch là 12% vốn điều lệ.

1. TÀI SẢN

Tính đến thời điểm 31/12/2017, tổng tài sản của PETROSETCO là 6.173 tỷ đồng, trong đó 78% tài sản ngắn hạn, tương đương 4.786 tỷ đồng và tài sản dài hạn chiếm 22%, tương đương 1.387 tỷ đồng. Cơ cấu tài sản của Tổng công ty có sự thay đổi kể từ năm 2016, sau khi công ty ghi nhận giá trị tài sản của dự án Khu nhà ở và Dịch vụ phục vụ Lọc hóa dầu Nghi Sơn – Thanh Hóa. Do đó, giá trị tài sản dài hạn tăng gấp đôi so với những năm trước.

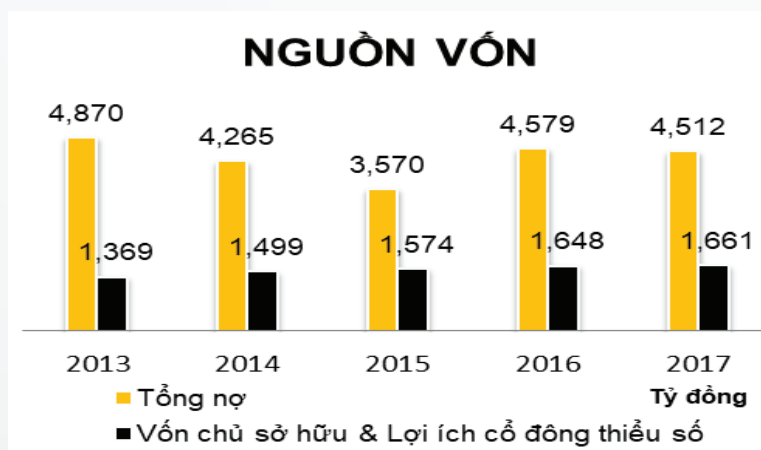
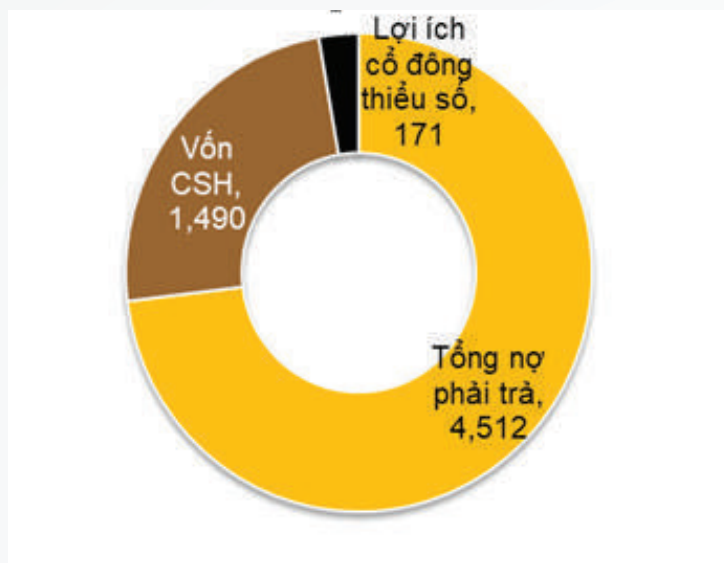
CƠ CẤU TÀI SẢN



▶ Báo cáo của ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

2. NGUỒN VỐN

Nguồn vốn chủ sở hữu của PETROSETCO tính đến 31/12/2017 là 1.490 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 24% tổng nguồn vốn; nợ phải trả là 4.512 tỷ đồng giảm 67 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2016, trong đó 91% là nợ ngắn hạn, tương đương 4.099 tỷ đồng. Vay và nợ ngắn hạn là 2.030 tỷ đồng, giảm 273 tỷ đồng, tương đương giảm 12% so với cùng kỳ năm ngoái.



Tỷ trọng của nợ phải trả trong 3 năm vừa qua vẫn duy trì ở mức trên 70% trong cơ cấu nguồn vốn của Tổng công ty, tương đương gấp 3 lần so với vốn chủ sở hữu. PETROSETCO luôn chủ động tìm kiếm, huy động những nguồn vốn vay phù hợp, và đưa ra những biện pháp kịp thời, đúng đắn để quản lý dòng vốn hiệu quả, qua đó tối ưu hóa chi phí sử dụng vốn và mang lại lợi nhuận cao.

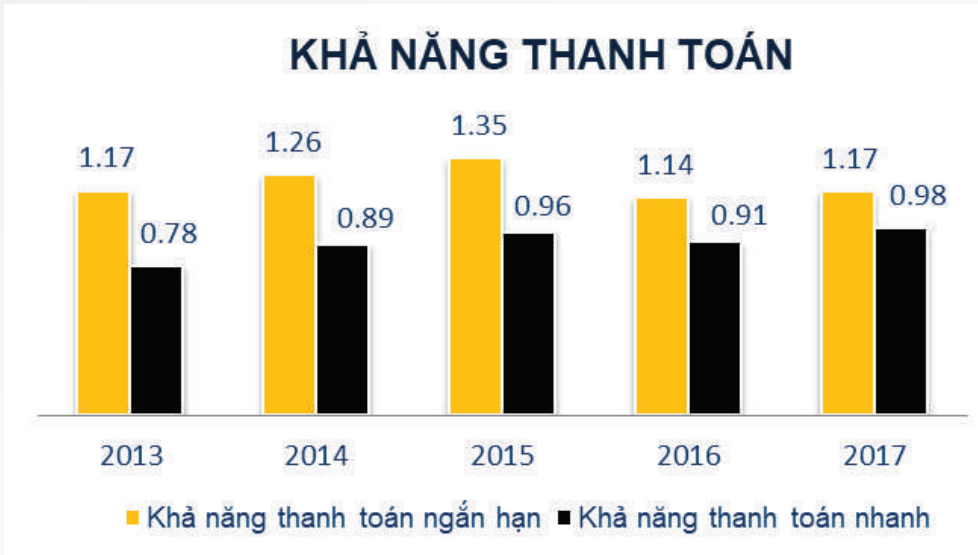
Báo cáo của ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

III. CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	2013	2014	2015	2016	2017
1. Chỉ tiêu tăng trưởng					
Tăng trưởng doanh thu	12%	0%	-7%	-8%	8%
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	-8%	20%	-10%	-21%	-14%
Tăng trưởng EPS	-16%	21%	-27%	-22%	-14%
Tăng trưởng tổng tài sản	46%	-8%	-11%	21%	-1%
Tăng trưởng vốn chủ sở hữu	-1%	10%	5%	4%	2%
2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán hiện hành	1.2	1.3	1.3	1.1	1.2
Hệ số thanh toán nhanh	0.8	0.9	1.0	0.9	1.0
Khả năng thanh toán lãi vay	3.6	3.5	3.9	3.6	2.9
3. Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay tổng tài sản	2.2	1.9	2.0	1.7	1.7
Vòng quay tài sản cố định	19.4	21.9	19.6	9.5	7.5
Vòng quay vốn lưu động bình quân	4.8	4.5	4.0	3.9	4.1
Kỳ thu tiền bình quân (ngày)	41	41	45	55	66
Kỳ trả tiền bình quân (ngày)	51	53	55	64	70
Thời gian tồn kho (ngày)	41	41	52	45	32
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1.85	2.01	2.07	1.59	1.73
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi					
Lợi nhuận gộp biên	6.4%	7.3%	7.7%	6.7%	7.0%
Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	2.4%	2.4%	2.6%	2.1%	1.9%
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	1.8%	1.4%	1.7%	1.6%	1.5%
ROE (Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu)	12.8%	14.3%	12.2%	9.8%	8.4%
ROA (Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	2.5%	3.3%	3.4%	2.3%	2.0%
5. Cơ cấu vốn					
Tổng nợ/Tổng tài sản	78%	74%	69%	74%	73%
Tổng nợ vay/Tổng tài sản	50%	46%	36%	41%	37%
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	3.95	3.16	2.52	3.12	3.03

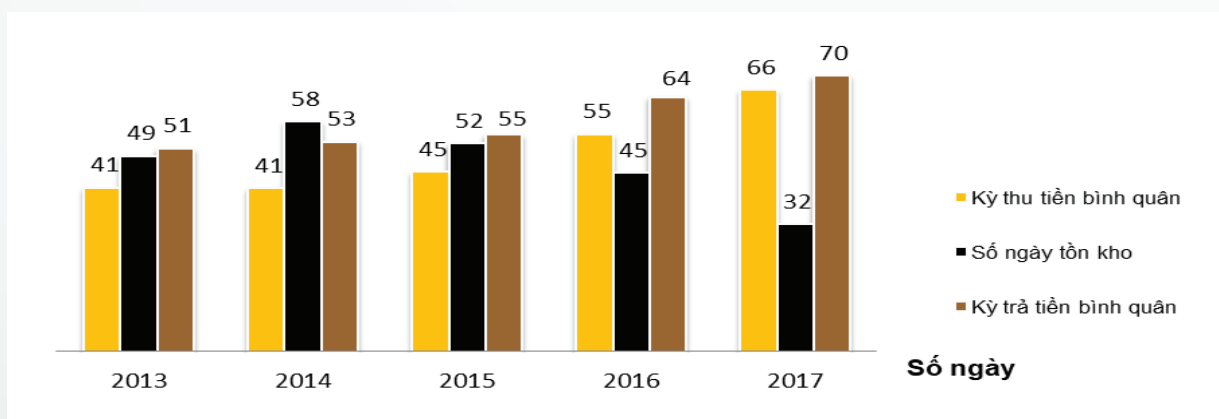
▶ Báo cáo của ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

1. KHẢ NĂNG THANH TOÁN



Nhờ việc tối ưu hóa kho hàng và nâng cao năng lực quản lý chuỗi logistics cũng như nắm bắt thị trường nhanh nhạy, mức tồn kho của PETROSETCO đã và đang được kiểm soát chặt chẽ và tạo ra hiệu quả có thể thấy rõ thông qua chỉ số Khả năng thanh toán nhanh được cải thiện đáng kể của công ty trong 3 năm gần đây.

2. CHU KỲ TIỀN MẶT



Báo cáo của ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

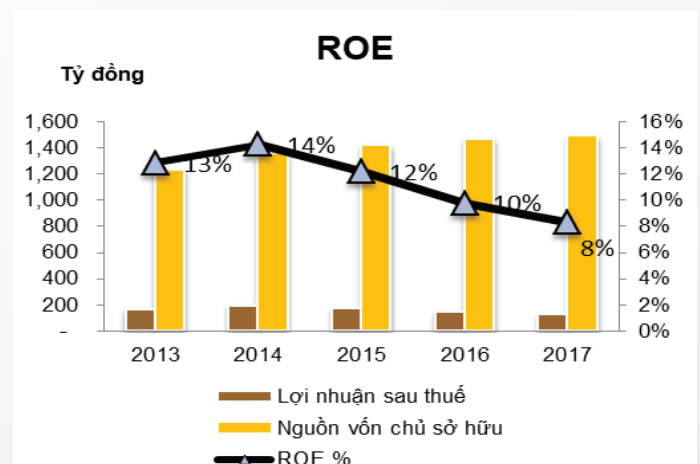
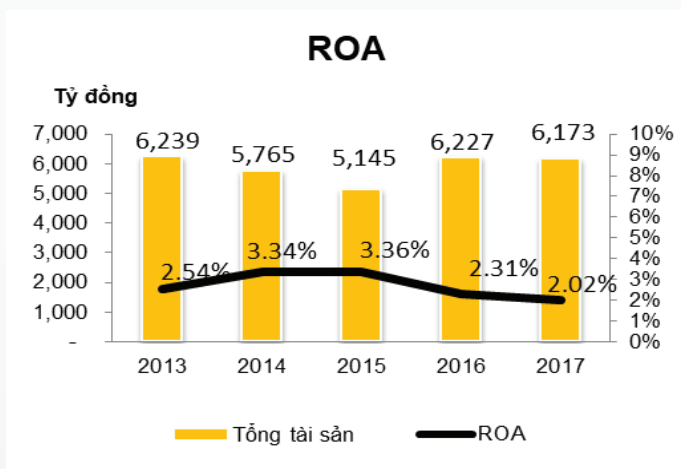
Chu kỳ tiền mặt của PETROSETCO liên tục được rút ngắn và đến năm 2017 là 28 ngày, thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Góp phần quan trọng trong sự cải thiện chỉ số này là thời gian tồn kho bình quân của hàng hóa được rút ngắn đáng kể, từ 45 ngày xuống còn 32 ngày. Bên cạnh các biện pháp quản lý và kiểm soát hàng tồn kho hiệu quả, công ty cũng thực hiện điều chỉnh cơ cấu hoạt động của hệ thống kho theo hướng linh hoạt hơn để bắt kịp với sự phát triển của các công ty con trong mảng phân phối, cũng như kết nối và phối hợp chặt chẽ với các nhà vận chuyển để giảm thiểu chi phí vận chuyển đồng thời tăng hiệu quả lưu thông hàng hóa kho bãi.

Năm 2017 tiếp tục ghi nhận sự gia tăng đối với kỳ thu và trả tiền bình quân, lần lượt tương ứng là 66 ngày và 70 ngày do áp lực cạnh tranh cũng như sự thay đổi mô hình hoạt động của một số nhà cung ứng lớn. Đồng thời cuối năm 2017, POTS - một công ty đơn vị thành viên của PETROSETCO đã trúng gói thầu 43 triệu USD về cung cấp thiết bị và bảo dưỡng cho dự án của nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn. POTS được chủ thầu ứng trước 232 tỷ đồng, đồng thời POTS cũng ứng trước cho nhà cung cấp số tiền tương ứng. Do vậy, khoản trả trước người bán của công ty tăng đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái và khiến cho kỳ thu tiền tăng mạnh.

PETROSETCO vẫn luôn không ngừng nỗ lực để duy trì sự ổn định trong hoạt động kinh doanh cũng như trong công tác thanh toán, thu hồi công nợ qua đó tạo dựng niềm tin, uy tín, xây dựng thương hiệu trong tâm trí khách hàng. Ngoài ra, để đảm bảo tính kịp thời và chính xác trong công tác quản lý, Tổng công ty đã tích cực phối hợp với các đơn vị trong việc thực hiện quản trị tình hình công nợ phải thu, phải trả hàng tuần, áp dụng công nghệ hiện đại để đánh giá kết quả hoạt động cũng như đưa ra các giải pháp phù hợp, kịp thời nhằm mục đích mang lại doanh thu, lợi nhuận cao nhất

3. KHẢ NĂNG SINH LỜI

Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và trên vốn chủ sở hữu (ROE) của công ty trong năm 2017 giảm tương đối so với cùng kỳ năm 2016 chủ yếu do sự giảm mạnh của lợi nhuận sau thuế. Trong quý IV năm 2017, một số đơn vị thành viên của PETROSETCO đã tập hợp các chi phí hợp lý, hợp lệ trong năm về mặt thuế để xác định chi phí thuế TNDN năm. Điều này dẫn đến chi phí thuế TNDN năm 2017 tăng mạnh và khiến cho lợi nhuận sau thuế của công ty giảm mạnh.



Báo cáo của Ban kiểm soát

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Petrosetco gồm 3 thành viên:

Stt	Thành viên BKS	Chức danh	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Phan Khắc Vinh	Trưởng Ban	4/4	100%
2	Ông Lê Anh Quốc	Thành viên	4/4	100%
3	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Thành viên	4/4	100%

Hoạt động của Ban Kiểm soát tuân thủ chặt chẽ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Petrosetco đã ban hành. Ban kiểm soát đã tiến hành xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể từ đầu năm 2017, được thông qua và chấp thuận của HĐQT. Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của Petrosetco và các đơn vị thành viên. Qua đó phản ánh những kết quả đạt được, những tồn tại, thiếu sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị và nêu những kiến nghị, giải pháp khắc phục. Định kỳ hàng quý, năm Ban kiểm soát đều lập báo cáo kiểm tra, giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của Petrosetco để báo cáo cho Hội đồng Quản trị.

2. Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Thành viên

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã kiểm tra, giám sát theo Nghị quyết ĐHĐCĐ, kế hoạch hoạt động SXKD và tình hình thực tế. Ban kiểm soát tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ và các điều lệ, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Thực hiện gửi đầy đủ, trung thực các báo cáo giám sát và báo cáo khác theo quy định.

Các Thành viên Ban kiểm soát làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cẩn trọng; Duy trì mối quan hệ công tác và phối hợp tốt với các Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban chức năng của Petrosetco, các cổ đông khác và Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam. Các thành viên của Ban Kiểm soát được phân công nhiệm vụ cụ thể và đã hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ trong kế hoạch phân công công việc cho mỗi thành viên đã được Ban Kiểm soát Petrosetco thông qua. Trong quá trình làm việc các thành viên Ban Kiểm soát luôn trao đổi công việc và phối hợp chặt chẽ với nhau để hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả.

Ban Kiểm soát tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định để thông qua các hoạt động của Ban Kiểm soát, công tác kiểm tra giám sát theo quy định, nội dung cụ thể như sau:

Ngày họp	Nội dung	Kết quả
31/03/2017	- Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2016. - Thảo luận, đánh giá báo cáo tài chính năm 2016, đánh giá kết quả hoạt động SXKD trong năm 2016. - Thảo luận, thông qua kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2018 trình ĐHĐCĐ phê duyệt.	Các thành viên Ban kiểm soát thông qua 100%
21/07/2017	- Thảo luận, đánh giá kết quả hoạt động của BKS quý II và 6 tháng đầu năm 2017. - Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017. - Thảo luận, thông qua kế hoạch hoạt động của BKS trong 6 tháng cuối năm 2017.	Các thành viên Ban kiểm soát thông qua 100%
27/10/2017	- Thảo luận, đánh giá kết quả hoạt động của BKS quý III và 9 tháng năm 2017. - Thẩm định Báo cáo tài chính Quý III năm 2017. - thông qua kế hoạch hoạt động của BKS trong Quý IV năm 2017.	Các thành viên Ban kiểm soát thông qua 100%
29/12/2017	- Đánh giá kết quả hoạt động của BKS quý 4 năm 2017. - Thảo luận, đánh giá khả năng hoàn thành kế hoạch và xem xét kết quả hoạt động SXKD năm 2017. - Thảo luận kế hoạch và phân công nhiệm vụ các thành viên BKS cho kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2018.	Các thành viên Ban kiểm soát thông qua 100%

3. Lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

Lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát thực hiện theo đúng Điều lệ Petrosetco và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017. Tổng tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2017 là 586,89 triệu đồng.

Tiền lương, thù lao và số lượng cổ phiếu PET của các thành viên Ban kiểm soát trong năm 2017 cụ thể như sau:

Stt	Thành viên BKS	Tiền lương-Thù lao (DVT: triệu đồng)	Cổ phiếu sở hữu (CP)
1	Phan Khắc Vinh	532,89	41.900
2	Ông Lê Anh Quốc	27	46.642
3	Nguyễn Thị Mỹ Dung	27	0
	Tổng cộng	586,89	88.542

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA PETROSETCO

1. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2017

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính, Ban kiểm soát thống nhất xác nhận kết quả Báo cáo tài chính năm 2017 của Petrosetco và đánh giá như sau :

Báo cáo tài chính năm 2017 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017. Báo cáo tài chính của Petrosetco đã được kiểm toán theo qui định tại Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam (PwC) đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017.

Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành. Thực hiện báo cáo và công bố thông tin định theo đúng các qui định hiện hành.

2. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ TH2017/2016	Tỷ lệ TH2017/KH
Doanh thu (thuần)	9,882	9,000	10,703	108%	119%
Lợi nhuận trước thuế	212	200	202	95%	101%
Lợi nhuận sau thuế	167	158	144	86%	91%

Tổng doanh thu thuần thực hiện năm 2017 đạt 10.703 tỷ đồng, đạt 119% kế hoạch năm, và bằng 108% so với thực hiện năm 2016. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế là 202 tỷ đồng đạt 101% kế hoạch năm, bằng 95% so với thực hiện năm 2016. Lợi nhuận sau thuế 144 tỷ đồng đạt 91% kế hoạch năm, bằng 86% so với thực hiện năm 2016.

Các chỉ số tài chính đều khả quan, tình hình tài chính năm 2017 của Tổng công ty là lành mạnh, khả năng thanh toán nợ đều đảm bảo: chỉ số khả năng thanh toán hiện hành được duy trì khá tốt ở mức 1,17; chỉ số khả năng thanh toán nhanh là 0,98. Hai chỉ số này đều cao hơn qua từng năm do việc kiểm soát tốt lượng hàng tồn kho và công tác quản lý logistics trong thời gian vừa qua.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 8,4% năm 2017 giảm hơn so với năm 2016 (9,8%); tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) đạt 2,0% giảm hơn so với năm 2016 (2,3%). Nguyên nhân do trong năm 2017 tình hình kinh doanh khó khăn làm kết quả kinh doanh tại Petrosetco giảm sút cũng là nguyên nhân khiến các chỉ số trên giảm.

3. Hoạt động giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Petrosetco trong năm 2017 đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. HĐQT đã ban hành và các quy định pháp luật.

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị Petrosetco đã tổ chức 10 cuộc họp, ban hành 47 nghị quyết để quản lý hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. HĐQT thường xuyên theo dõi hoạt động kinh doanh và tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định đã ban hành. HĐQT giám sát tình hình hoạt động của các Đơn vị thành viên thông qua các báo cáo định kỳ của Người đại diện và các buổi làm việc trực tiếp với Đơn vị. HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm trong vai trò chỉ đạo, giám sát, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai, chỉ đạo việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sâu sát mọi hoạt động của Tổng công ty; chủ động nghiên cứu, thực hiện các giải pháp và triển khai kịp thời các quyết sách để tháo gỡ khó khăn; tích cực mở rộng thị trường. Bên cạnh đó Ban Tổng Giám đốc cũng đã áp dụng nhiều biện pháp làm nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý giúp tiết giảm, tiết kiệm chi phí. Ban Tổng Giám đốc làm việc thường xuyên với các đơn vị trực thuộc để kịp thời chấn chỉnh các hoạt động SXKD theo đúng định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động SXKD và đầu tư của từng đơn vị.

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN

Trong năm 2017, Tổng công ty triển khai 03 dự án chính như sau:

Dự án khu dân cư tại số 41D đường 30-4, thành phố Vũng Tàu: là dự án được chuyển tiếp từ năm 2016. Giai đoạn này Petrosetco tập trung triển khai dự án Khu nhà ở và dịch vụ phục vụ lọc hóa dầu Nghi Sơn nên dự án này được lùi lại sang năm 2017. Dự án được triển khai tại khu đất số 41D đường 30-4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, với tổng mức đầu tư của dự án là 164,7 tỷ đồng bao gồm khối nhà liên kế (32 căn) và khu biệt thự song lập (12 căn). Trong năm qua Petrosetco đã hoàn thiện các thủ pháp lý về đất và đã khởi công xây dựng vào ngày 29/9/2017. Hiện giá trị khối lượng thực hiện đạt 40% tổng khối lượng đầu tư, dự kiến sẽ được hoàn thành vào quý II/2018.

Dự án Khu nhà ở và Dịch vụ phục vụ Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn: Đây là dự án PETROSETCO tiếp nhận chuyển nhượng từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, hiện dự án đã hoàn thành và đưa vào vận hành vào quý III/2016, trong năm 2017 dự án cũng đã hoàn tất khâu quyết toán dự án hoàn thành.

Dự án Cape Pearl: Dự án được triển khai tại khu đất số 12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh. Hiện dự án đang được Petrosetco hoàn thiện các thủ tục về mặt pháp lý, cụ thể là Petrosetco đang làm việc với các cơ quan ban ngành có liên quan về thực hiện nghĩa vụ tài chính của dự án.

Công tác chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án và giám sát đầu tư đều được thực hiện đúng theo quy định của Luật đầu tư, Luật xây dựng, Luật đấu thầu, các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, Ngành.

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp trong hoạt động kiểm tra, giám sát theo quy định.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình, như việc cung cấp các thông tin tài liệu, cử các cán bộ phối hợp làm việc với Ban kiểm soát khi có yêu cầu. BKS được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT, Tổng công ty.

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã thông báo cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc về kế hoạch kiểm tra, kiểm soát trong năm. Ban kiểm soát đã phối hợp với các Ban chức năng của Tổng công ty trong việc kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các đơn vị thành viên và báo cáo kết quả cho HĐQT được biết. Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát đều lập báo cáo kiểm tra giám sát đối với tất cả các hoạt động SXKD gửi tới HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS TRONG NĂM 2018

Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ của Petrosetco, tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng quản trị.

Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Petrosetco.

Giám sát việc chấp hành các quy chế, quy trình quản lý nội bộ của Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Đồng thời rà soát để góp ý chỉnh sửa các quy chế, quy trình cho phù hợp với các quy định hiện hành của nhà nước và thực tiễn hoạt động của đơn vị.

Giám sát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các dự án đầu tư được thực hiện trong năm 2018.

Giám sát việc thực hiện công tác tái cấu trúc của Tổng công ty Petrosetco.

Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm của Petrosetco. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản trị của Tổng công ty. Lập và gửi các báo cáo kiểm tra giám sát theo đúng quy định.

Phối hợp chặt chẽ với các Ban chức năng Tổng công ty và Ban kiểm soát tại các đơn vị triển khai kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD tại các đơn vị thành viên.

BÁO CÁO THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BKS NĂM 2017

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tháng làm việc thực tế	Chi từ Quỹ tiền lương	Tiền thưởng và các khoản thu nhập khác	Tổng thu nhập trước thuế 2017	Thuế TNCN năm 2017 phải nộp	Tổng thu nhập sau thuế	Thu nhập bình quân trước thuế	Thu nhập bình quân sau thuế
I	Hội đồng Quản trị									
1	Phùng Tuấn Hà	Chủ tịch HĐQT	12	905,902,991	61,125,400	967,028,391	162,516,900	804,511,491	80,585,699	67,042,624
3	Vũ Tiến Dương	Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	12	838,682,543	61,125,400	899,807,943	131,160,768	768,647,175	74,983,995	64,053,931
4	Phạm Thị Hồng Điệp	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	12	48,000,000	-	48,000,000	4,800,000	43,200,000	4,000,000	3,600,000
5	Phạm Quang Huy	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm (thời giữ chức vụ từ 11/2017)	10	40,000,000	-	40,000,000	4,000,000	36,000,000	4,000,000	3,600,000
6	Lê Thị Chiến	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	12	48,000,000	-	48,000,000	4,800,000	43,200,000	4,000,000	3,600,000
II	Ban kiểm soát									
7	Phan Khắc Vĩnh	Trưởng Ban KS	12	560,741,263	37,125,400	597,866,663	64,970,316	532,896,347	49,822,222	44,408,029
8	Lê Anh Quốc	Thành viên BKS	12	30,000,000	-	30,000,000	3,000,000	27,000,000	2,500,000	2,250,000
9	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Thành viên BKS	12	30,000,000	-	30,000,000	3,000,000	27,000,000	2,500,000	2,250,000
	TỔNG			2,501,326,798	159,376,200	2,660,702,998	378,247,984	2,282,455,014	222,391,916	190,804,584

► Định hướng kinh doanh 2018

1. NHẬN ĐỊNH TỔNG QUAN NĂM 2018

Giá dầu tiếp tục sẽ ở mức thấp (trong ngưỡng khoảng 60 usd/thùng) khiến cho việc cung cấp các dịch vụ cho ngành Dầu khí sẽ tiếp tục khó khăn, do các đơn vị thăm dò, khai thác sẽ tiếp tục cắt giảm các chi phí đầu vào.

Tỷ giá đồng USD có xu hướng ngày càng tăng sẽ gây khó khăn cho các đơn vị có đầu vào từ hàng nhập khẩu như: lĩnh vực cung cấp VTTB, lĩnh vực phân phối.

Lãi suất ngân hàng dự báo có thể tăng thêm trong năm 2018 khiến cho chi phí tài chính đối với một đơn vị đi vay nhiều như Petrosetco sẽ ở mức cao.

Mảng kinh doanh điện thoại sẽ tiếp tục khó khăn do sự cạnh tranh ngày quyết liệt giữa các hãng, và chiết khấu cho nhà phân phối ngày càng bị thu hẹp.

Thị trường sản phẩm CNTT sẽ bảo hòa, thậm chí đi xuống sẽ khiến việc phân phối ngày càng khó khăn.

Mảng phân phối điện máy, điện lạnh sẽ có sự tăng trưởng nhờ vào việc khai phá thêm các khách hàng mới, thị trường mới.

Petrosetco tiếp tục được giao phân phối ổn định các sản phẩm PP, LPG (của nhà máy lọc dầu Dung Quất).

Mảng dịch vụ đời sống và dịch vụ bất động sản sẽ tiếp tục tăng trưởng nhanh về doanh thu và chậm hơn về lợi nhuận dựa vào chính sách mở rộng thị trường ra ngoài ngành của Petrosetco.

Các mảng kinh doanh mới như dịch vụ hàng hải, cung ứng lao động, phân phối hàng tiêu dùng... sẽ có đóng góp nhất định vào kết quả kinh doanh của Petrosetco.

4. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2018

Chỉ tiêu	Đvt	KH 2017	TH 2017	KH 2018	Tỷ lệ	
					%	
		1	2	3	4=3/1	5=3/2
Doanh thu (thuần)	Tỷ đồng	9,000	10,703	9,000	100%	84%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	200	202	180	90%	89%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	158	144	135	85%	94%
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	866	866	866	100%	100%
Tỷ lệ cổ tức tối thiểu	%	12	12	10	83%	83%

2. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH 2018

Giữ vững doanh số đối với mảng phân phối điện thoại và sản phẩm CNTT. Đảm bảo không để xảy ra các rủi ro về tồn kho và công nợ.

Đảm bảo tốc độ tăng trưởng mảng phân phối điện máy, điện lạnh không dưới 50% so với năm trước.

Giữ vững hiệu quả mảng kinh doanh phân phối hạt nhựa PP và LPG, tiến tới sản xuất sản phẩm từ nhựa PP.

Tận dụng tối đa lợi thế trong ngành để cung ứng VTTB, phấn đấu tăng trưởng 30% đối với mảng kinh doanh này.

Cung cấp ổn định các dịch vụ logistics và hậu cần cho ngành Dầu khí, phấn đấu mở rộng thêm 15% ra thị trường ngoài dầu khí.

Dịch vụ đời sống: Giữ vững 95% thị phần trong ngành Dầu khí, nâng cao chất lượng và đa dạng hoá các loại hình dịch vụ, đảm bảo thị phần ngoài ngành tăng trưởng tối thiểu 15%.

Dịch vụ BĐS: Quản lý và khai thác an toàn, hiệu quả các tòa nhà, văn phòng, khách sạn; tăng cường công tác tìm kiếm khách hàng mới, đặc biệt là mở rộng ra các tòa nhà ngoài ngành. Phấn đấu tăng trưởng doanh số tối thiểu 10%.

3. MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

PETROSETCO tiếp tục có nhiều đóng góp cho các chương trình an sinh xã hội, các hoạt động vì môi trường, đồng thời khẳng định trách nhiệm đối với cộng đồng và góp phần hướng tới sự phát triển bền vững của xã hội.

Các tổ chức đoàn thể xã hội và các đơn vị trong toàn Tổng công ty đặt mục tiêu mức an sinh xã hội cho năm 2018 là 2,5 tỷ đồng.

Định hướng kinh doanh 2018 (tiếp theo)

5. Giải pháp thực hiện kế hoạch

Dịch vụ Phân phối

Mảng kinh doanh phân phối điện tử gồm điện thoại di động, các sản phẩm CNTT và sản phẩm điện máy, điện lạnh:

Tái cơ cấu danh mục phân phối, kiên quyết loại bỏ các sản phẩm có hiệu quả thấp, mang lại nhiều rủi ro cho quá trình kinh doanh.

Áp dụng KHCN để tối ưu hoá quy trình kinh doanh, giảm chi phí nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Mở rộng các kênh phân phối mới thay cho kênh truyền thống như khách hàng dự án, các chuỗi online...

Không ngừng tìm kiếm thêm sản phẩm, thương hiệu mới có tiềm năng để bổ sung vào danh mục phân phối.

Mảng phân phối sản phẩm công nghiệp hoá dầu gồm hạt nhựa PP và khí hoá lỏng LPG:

Thực hiện tốt công tác dự báo thị trường, xem đây là nhân tố quyết định đến hiệu quả kinh doanh của mảng này.

Tiếp tục tìm kiếm thêm và chọn lọc để tạo dựng được hệ thống tiêu thụ vững chắc, ít rủi ro.

Tìm kiếm cơ hội phân phối thêm sản phẩm, ngành hàng mới.

Dịch vụ Cung ứng VTTV và hậu cần Dầu khí

Mảng cung ứng VTTV: Tập trung triển khai tốt các gói thầu đã trúng trong năm 2017 và các năm trước. Bám sát các dự án lớn trong ngành để tham gia đấu thầu cung ứng VTTV. Tiếp tục mở rộng quan hệ đối tác đối với các nhà sản xuất lớn trên thế giới để có chính sách tốt về giá vật tư thiết bị đầu vào.

Dịch vụ logistics: nâng cao chất lượng cạnh tranh thông qua việc kiểm soát chi phí, cải thiện chất lượng dịch vụ. Từng bước xây dựng cơ sở vật chất để tạo thế chủ động trong việc cung cấp dịch vụ. Đẩy mạnh công tác marketing tìm kiếm dự án, khách hàng mới ngoài ngành dầu khí.

Dịch vụ đời sống

Triển khai tốt các hợp đồng, dự án hiện có với phương châm an toàn chất lượng vệ sinh thực phẩm là tiêu chí hàng đầu, phấn đấu không để xảy ra bất kỳ trường hợp ngộ độc thực phẩm nào.

Bám sát các dự án mới, kế hoạch hoạt động của các tàu dịch vụ, các dự án trong ngành Dầu khí để triển khai cung cấp dịch vụ.

Tăng cường công tác Marketing và mở rộng các loại hình dịch vụ như suất ăn trường học, suất ăn văn phòng, suất ăn, thực phẩm chế biến sẵn, dịch vụ tiệc, liên hoan... để cung cấp tối đa các loại hình dịch vụ, để cố gắng hoàn thành mức tăng trưởng ngoài ngành tối thiểu 15%.

Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu vào, hoàn thiện quy trình cung cấp dịch vụ để giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Dịch vụ Bất động sản

Tập trung khai thác an toàn, hiệu quả các dự án, các công trình đang có. Đảm bảo công tác an toàn, vệ sinh môi trường và PCCC.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động marketing, nâng cao năng lực cạnh tranh để tìm kiếm thêm khách hàng ngoài ngành Dầu khí.

Triển khai các dự án BĐS phù hợp với tình hình của thị trường để mang lại hiệu quả tối ưu nhất.

► Định hướng kinh doanh 2018 (tiếp theo)

6. ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN 2025

Dịch vụ phân phối: Đây sẽ tiếp tục là mảng kinh doanh chủ đạo của Petrosetco, nhưng tỷ trọng có thể giảm dần (dự kiến đến năm 2020 mảng này sẽ đóng góp khoảng 40% lợi nhuận, đến năm 2025 sẽ đóng góp khoảng 25-30% lợi nhuận). Ngoài các sản phẩm đang triển khai phân phối như điện thoại, sản phẩm CNTT, điện máy thì Petrosetco sẽ định hướng phân phối thêm các sản phẩm khác như: các sản phẩm nhà thông minh smart home, thiết bị điện gia dụng, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, thiết bị y tế và mỹ phẩm các loại. Với sự thay đổi về hành vi tiêu dùng, nên chắc chắn trong thời gian tới loại hình khách hàng và quy trình phân phối của Petrosetco cũng sẽ dẫn thay đổi, Petrosetco sẽ nhắm đến các chuỗi bán lẻ online, các khách hàng dự án thay vì chuỗi đại lý cố định như hiện nay.

Cung ứng VTTB và hậu cần dầu khí: mảng kinh doanh này sẽ được tiếp tục mở rộng thị trường ra ngoài ngành dầu khí và ra nước ngoài (trước năm 2020), song song đó Petrosetco tiếp tục đa dạng hóa các sản phẩm như thiết bị ngành dầu khí, thiết bị ngành điện, thiết bị ngành vận tải... dịch vụ cung cấp như dịch vụ vận chuyển, vận tải, các dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa.... Với nhu cầu năng lượng tiếp tục tăng cao, các dự án về điện, về dầu khí... dự báo tiếp tục xuất hiện trong các năm tới sẽ đảm bảo sự tăng trưởng cho mảng này trong các năm tới với tỷ trọng đóng góp 30% lợi nhuận đến năm 2020 và 35% lợi nhuận đến năm 2025.

Dịch vụ đời sống: Song song với việc giữ vững thị phần trong ngành Dầu khí, Petrosetco phân đầu mở rộng cung cấp dịch vụ đến tất cả các ngành nghề có liên quan như cung cấp suất ăn công nghiệp, suất ăn văn phòng, trường học, chế biến và cung cấp thực phẩm chế biến sẵn. Mục tiêu đến năm 2020, mảng kinh doanh này sẽ tăng gấp đôi doanh thu và lợi nhuận so với hiện tại. Đến năm 2025, mảng này sẽ đóng góp 25-30% lợi nhuận.

Dịch vụ Bất động sản: Thời gian qua, ngoài việc cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành các tòa nhà, khu dân cư, trung tâm thương mại... Petrosetco đã từng bước thành công trong việc triển khai các dự án bất động sản cho thuê. Trong thời gian tới, Petrosetco sẽ tiếp tục triển khai thêm các dự án với các loại hình mới như bất động sản nghỉ dưỡng, bất động sản du lịch, nhà ở xã hội...

7. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển bền vững luôn nằm trong chiến lược phát triển của Tổng công ty Petrosetco. Bên cạnh vấn đề tăng trưởng kinh tế, hệ thống báo cáo của Petrosetco cũng trình bày, đánh giá các tác động từ hoạt động của Tổng công ty dựa trên 3 yếu tố: kinh tế, xã hội và môi trường, giúp cho Petrosetco xác định được vai trò, trách nhiệm của Tổng công ty trong việc đóng góp vào sự phát triển bền vững chung của đất nước.

Tác động đối với nền kinh tế: Petrosetco là đơn vị cung cấp dịch vụ đời sống cho các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực Dầu khí tại Việt Nam gồm Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị thăm dò khai thác dầu khí của nước ngoài, trong đó chỉ riêng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã chiếm 15-20% GDP cả nước. Ngoài vai trò trên, Petrosetco cũng đóng góp vào ngân sách nhà nước với mức bình quân hàng năm từ 700-800 tỷ đồng.

Tác động đối với xã hội: Trong nhiều năm qua, tuy giá dầu suy giảm, gây khó khăn không ít cho các công ty trong ngành, tuy nhiên Petrosetco vẫn luôn đảm bảo đầy đủ công ăn việc làm cho người lao động, đem lại thu nhập ổn định cho khoảng 2.500 lao động, góp phần mang lại sự ổn định cho xã hội. Bên cạnh đó, Tổng công ty luôn xem công tác An sinh xã hội là một trong những hoạt động ưu tiên hàng đầu. Petrosetco luôn tổ chức thường xuyên các hoạt động quan tâm đến cộng đồng như ủng hộ đồng bào lũ lụt, nạn nhân chất độc da cam, tổ chức hoạt động khám bệnh từ thiện, hiến máu nhân đạo... Tổng số tiền ASXH Petrosetco ủng hộ trong năm 2017 là hơn 2,5 tỷ đồng.

Tác động đối với môi trường: Ngành thương mại dịch vụ là ngành nghề thân thiện với môi trường nên các tác động đến môi trường của Petrosetco là không đáng kể. Tác động chủ yếu đến từ việc tiêu thụ năng lượng tại các văn phòng làm việc. Tuy nhiên mức này so với các đơn vị khác như đơn vị sản xuất, vận tải... thì mức tiêu thụ năng lượng của Petrosetco là rất nhỏ bé. Bên cạnh đó, Petrosetco thường xuyên tuyên truyền, nâng cao ý thức của CBNV trong việc tiết kiệm điện, nước, giấy in và sử dụng giấy tái chế, phát động phong trào thi đua an toàn sức khỏe môi trường, "Xanh – sạch – đẹp" tại trụ sở làm việc và trên các công trình biển.

Công tác quản trị rủi ro (QTRR) tại PETROSETCO được xây dựng và triển khai nhằm các mục tiêu sau đây:

- Hỗ trợ chiến lược phát triển kinh doanh thông qua việc triển khai các quy trình, công cụ và kỹ thuật QTRR hiệu quả và nhất quán trong toàn Tổng công ty.
- Kịp thời nhận diện các rủi ro và khai thác tối đa các cơ hội có lợi.
- Xây dựng cơ chế giám sát và báo cáo rủi ro định kỳ trong toàn Tổng công ty.

Cơ hội trong rủi ro là quan điểm của PETROSETCO. Vì vậy, QTRR không phải chỉ bao gồm giảm thiểu rủi ro mà cần phải phân tích tường tận rủi ro, tối ưu hóa tương quan giữa rủi ro và cơ hội và chấp nhận rủi ro trong phạm vi cho phép của Tổng công ty. Nhờ đó, PETROSETCO chọn lọc và chấp nhận rủi ro một cách thận trọng, có kiểm soát vì những mục tiêu kinh doanh hợp lý.

Cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro của PETROSETCO được cụ thể như sau:

Bộ phận	Vai trò Quản trị rủi ro
Hội đồng quản trị	Ban hành Quy chế, chiến lược, chính sách quản trị rủi ro; Quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy QTRR
Tổng giám đốc	Giám sát, đảm bảo hoạt động QTRR được thực hiện phù hợp với chiến lược và chính sách QTRR
Bộ phận quản trị rủi ro	Phối hợp với các ban khác thực hiện QTRR bằng việc sử dụng các công cụ, hạn mức rủi ro và quy trình QTRR

1. HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2017

PETROSETCO tiếp tục kiện toàn các quy trình QTRR cho toàn bộ hệ thống, phù hợp với chiến lược QTRR của Tổng công ty. Ngoài ra, để hệ thống QTRR hoạt động hiệu quả cần tăng cường nhận thức về QTRR đến với từng cán bộ trong công ty. Do đó, trong năm 2017, Tổng công ty đã tổ chức các buổi hội thảo, đào tạo, truyền thông về các rủi ro mới, các thay đổi về môi trường pháp lý, luật pháp cho Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV.

2. CÁC NHÓM RỦI RO CHÍNH

2.1 Rủi ro về kinh tế vĩ mô

Là một đơn vị có nhiều hoạt động trong ngành dầu khí, tất cả những biến động liên quan từ giá dầu đến tình hình hoạt động của các dự án khai thác dầu đều ảnh hưởng và nằm trong mục tiêu giám sát và QTRR của Tổng công ty. Bên cạnh đó, Thương mại - Phân phối là lĩnh vực kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu và lợi nhuận của Tổng công ty nhưng có xu hướng biến động mạnh theo tình hình kinh tế vĩ mô. Các yếu tố quan trọng của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tăng trưởng tín dụng, tỷ giá, chỉ số tiêu dùng, tỷ lệ tiết kiệm, đầu tư hay tỷ lệ thất nghiệp đều có ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả kinh doanh của PETROSETCO. Tổng công ty tiến hành QTRR bằng cách tập trung vào các ngành có doanh thu thường xuyên như quản lý vận hành bất động sản, catering và phân phối thiết bị điện tử viễn thông. Ngoài ra, các bộ phận chuyên môn giám sát môi trường kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời tư vấn cho Ban Tổng giám đốc các xu hướng kinh tế vĩ mô tương lai cũng như tác động đối với các lĩnh vực kinh doanh trọng yếu để từ đó đưa ra các quyết sách, chiến lược phù hợp.

2.2 Rủi ro về tài chính

Chính sách của Petrosetco luôn đặt vấn đề giảm thiểu tối đa những rủi ro về tài chính mang lại gây ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty thông qua hoạt động quản lý, theo dõi và phối hợp chặt chẽ của các bộ phận quản lý, trong đó có bộ phận Kiểm soát nội bộ và bộ phận tài chính.

▶ Quản trị rủi ro (tiếp theo)

2.3 Rủi ro về cân đối dòng tiền và tính thanh khoản

Vấn đề cân đối dòng tiền và đảm bảo tính thanh khoản luôn được Petrosetco đặc biệt quan tâm và đưa lên hàng đầu. Mất cân đối dòng tiền sẽ khiến cho công ty khó kiểm soát khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, thiếu vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh và từ đó càng làm cho tình hình kinh doanh xấu hơn.

Để kiểm soát yếu tố rủi ro trên, Petrosetco đặc biệt quan tâm, thường xuyên theo dõi và quản lý chặt chẽ nhu cầu vốn phát sinh cũng như sự cân đối của dòng tiền trong hoạt động kinh doanh, và can thiệp kịp thời nhằm bảo đảm nguồn vốn phục vụ cho kinh doanh và đầu tư, cũng như tăng cường tính thanh khoản cho Tổng công ty. Trên thực tế, việc các chỉ số về thanh toán của Petrosetco liên tiếp được cải thiện và hiện ở mức tốt (trên hoặc xấp xỉ 1 lần) chứng tỏ Tổng công ty đã thành công trong công tác kiểm soát yếu tố này.

Bên cạnh đó, Petrosetco còn có một bộ phận chuyên trách phối hợp cùng các đơn vị thành viên lập kế hoạch dòng tiền, cũng như theo dõi vấn đề thu hồi công nợ, điều vốn từ Tổng công ty nhằm giúp cho nguồn vốn được sử dụng hiệu quả, đạt được tối đa lợi nhuận đồng thời giảm thiểu chi phí tài chính.

2.4 Rủi ro về lãi suất

Với đặc thù kinh doanh thương mại và phân phối chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, Petrosetco luôn phải duy trì số tiền vay rất lớn, hầu hết trong số đó là các khoản vay ngắn hạn. Bên cạnh đó, Petrosetco còn nắm giữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền khá lớn 1.342 tỷ đồng. Do đó, Tổng công ty luôn cố gắng kết hợp nguồn vốn vay và vốn tự có một cách linh hoạt để điều vốn cho các công ty thành viên khi có nhu cầu và sử dụng vốn một cách hiệu quả, hợp lý nhất. Ngoài ra, Petrosetco cũng làm việc với nhiều ngân hàng, tổ chức tín dụng để có thể huy động được nguồn vốn với chi phí hợp lý nhất. Mặc dù tỷ lệ nợ phải trả luôn cao, nhưng Petrosetco không ngừng tìm cách giảm sự lệ thuộc vào nguồn vốn vay, thể hiện qua tỷ lệ nợ phải trả giảm dần qua từng năm. Bên cạnh đó, trong các năm gần đây Petrosetco đã rất thành công trong việc huy động vốn với mức lãi vay hợp lý, dẫn đến việc tiết kiệm được chi phí lãi vay.

Năm 2018, Petrosetco dự kiến vẫn sẽ tiếp tục duy trì nguồn vốn vay như hiện tại để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Tổng công ty sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp trong năm 2017 và nghiên cứu các biện pháp mới nhằm giảm thiểu chi phí lãi vay.

2.5 Rủi ro do biến động tỷ giá hối đoái

Tất cả các hoạt động kinh doanh của PETROSETCO hầu hết đều liên quan đến mua bán với đối tác nước ngoài. Do đó, ảnh hưởng của biến động tỷ giá luôn là quan tâm hàng đầu của công ty. Công ty luôn chủ động sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá (hedging) thông qua các hợp đồng phái sinh (kỳ hạn, tương lai). Với các biện pháp linh hoạt và nhạy cảm nắm bắt các tín hiệu biến động tỷ giá, ảnh hưởng cho biến động tỷ giá hối đoái đối với công ty không đáng kể và luôn trong tầm kiểm soát.

2.6 Rủi ro về Chi phí hoạt động

Trong công tác quản lý những rủi ro tài chính, không thể không quan tâm đến chi phí hoạt động, vốn dĩ là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Tổng công ty. Do đó, việc kiểm soát chi phí hoạt động chặt chẽ cũng chính là một biện pháp phòng ngừa rủi ro hữu hiệu đồng thời giúp tăng cường rõ rệt hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Sớm nhận thức được tầm quan trọng của yếu tố này, Petrosetco đã tăng cường hoạt động kiểm soát, quản lý chặt chẽ không chỉ kết quả kinh doanh của Tổng công ty, mà hiệu quả đi kèm cùng những chi phí hoạt động phát sinh trong quá trình kinh doanh cũng được chú ý theo dõi sát sao.

Trong giai đoạn kinh tế còn rất nhiều khó khăn như hiện nay đặc biệt đối với lĩnh vực phân phối hàng điện tử và ngành dầu khí nhiều biến động, bên cạnh công tác kiểm soát rủi ro về chi phí phát sinh, Petrosetco cũng đã chủ động thực hiện những chính sách tiết kiệm, chống lãng phí nhằm góp phần duy trì sự ổn định trong quá trình phát triển của Tổng công ty.

2.7 Rủi ro về việc tuân thủ các quy định

Rủi ro về tuân thủ các quy định có liên quan trực tiếp đến những sự cố và sai sót trong quá trình hoạt động, gây ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty. Nguyên nhân chủ yếu gây ra rủi ro này chính là do con người không tuân thủ chặt chẽ các quy trình hoạt động hay quy định trong công tác liên quan, do không nắm bắt đầy đủ thông tin về những chuẩn mực, luật pháp và quy định vốn thay đổi khá thường xuyên.

Petrosetco đã thành lập Ban kiểm toán nội bộ tại Tổng công ty, cũng như thành lập Ban kiểm soát tại từng đơn vị thành viên, nhằm thực hiện kiểm tra, đánh giá các vấn đề về tuân thủ các quy định đã ban hành. Hiện nay, các Ban kiểm soát cũng như Ban kiểm toán nội bộ thực hiện định kỳ cũng như đột xuất việc kiểm tra, giám sát các đơn vị thành viên trong việc tuân thủ các quy định, quy trình, quy chế nội bộ trong Tổng công ty cũng như việc thực hiện các quy định, chính sách của Nhà nước; đồng thời đánh giá công tác quản lý điều hành các đơn vị nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động.

Ngoài ra, Petrosetco cũng tiến hành nghiên cứu và liên tục cập nhật các chính sách thuế để áp dụng phù hợp với tình hình của Tổng công ty, tối ưu hóa các ưu đãi về miễn giảm thuế, nhằm tăng cường hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty trong khi vẫn đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ của mình đối với ngân sách Nhà nước.

Với đặc thù của các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh có các hoạt động trên các vùng biển xa bờ, thời tiết khắc nghiệt cũng như các điều kiện làm việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, công tác Sức khỏe – An toàn – Môi trường – Chất lượng (HSEQ) luôn được các cấp lãnh đạo và cán bộ công nhân viên nhận thức sâu sắc, thực hiện quyết liệt và là một trong những ưu tiên hàng đầu. Petrosetco luôn chú trọng trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, tiện nghi phục vụ cho quá trình làm việc của cán bộ nhân viên, thực hiện kiểm soát nghiêm ngặt chất lượng sản phẩm cung ứng. Trong năm 2017, Petrosetco không có sự cố về an toàn lao động và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm một cách tuyệt đối. HSEQ được thực hiện tốt đã góp phần xây dựng, duy trì và nâng cao hình ảnh chất lượng trong cung cấp dịch vụ của Petrosetco theo phương châm “Chuyên tay, Chuyên tâm”.

CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN VỀ SỨC KHỎE, AN TOÀN, MÔI TRƯỜNG

1. Tổng số giờ công hoạt động an toàn của CBCNV: 5.872.343 giờ

Trong đó: 1.895.733 giờ làm việc cung cấp dịch vụ trên các giàn khoan biển và 3.976.610 giờ làm việc tại văn phòng.

2. Đào tạo về công tác HSEQ

Petrosetco luôn chú trọng thực hiện các chương trình đào tạo xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, đảm bảo an toàn và nâng cao chất lượng cho công việc như đào tạo nghiệp vụ Phòng cháy chữa cháy, An toàn vệ sinh thực phẩm, Đào tạo An toàn biển, An toàn lao động, An toàn Điện, Ứng cứu tình huống khẩn cấp... Trong năm 2017, toàn Tổng công ty thực hiện đào tạo mới và đào tạo lại về HSEQ với 2614 lượt cán bộ công nhân viên.

3. Kiểm tra/ giám sát về HSEQ và kiểm soát HSEQ đối với các nhà thầu phụ

Các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn được bảo hành, bảo trì và vận hành, đạt hệ số an toàn và được kiểm định theo đúng yêu cầu. Tổng công ty thực hiện chỉ đạo các Công ty kiểm soát chất lượng, phương thức vận hành đảm bảo theo đúng quy định và định kỳ kiểm tra 01 lần/năm đối với các nhà thầu phụ về HSEQ.

4. Quản lý tế và An toàn vệ sinh thực phẩm

Với dịch vụ cung cấp suất ăn Catering, công tác quản lý, giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm được Petrosetco xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để nâng cao chất lượng dịch vụ trong lĩnh vực này. Nguyên liệu thực phẩm đầu vào đảm bảo tất cả được giám sát chặt chẽ từ xuất xứ nguyên liệu đầu vào, quá trình vận chuyển, lưu trữ và chế biến thực phẩm được tuân thủ tích hợp theo quy trình kiểm soát chất lượng thực phẩm HACCP 9001-2003 và tiêu chuẩn ISO 9001:2008 dành cho nhà cung cấp thực phẩm an toàn do TUV chứng nhận. Bên cạnh đó các đơn vị cung cấp dịch vụ Catering như PSV đã tiến hành xây dựng các mô hình trồng rau sạch theo chuẩn Vietgap để sử dụng trực tiếp.

Hàng năm, Petrosetco thực hiện khám sức khỏe định kỳ người lao động. Đối với các lao động đặc thù trên biển, người lao động được thực hiện các chương trình giám sát sức khỏe theo yêu cầu của các khách hàng. Người lao động làm việc trong các môi trường độc hại được khám tầm soát sức khỏe và được hỗ trợ các phụ cấp độc hại theo quy định.

► Sức khỏe - An toàn Môi trường - Chất lượng (HSEQ) (tiếp theo)

5. An toàn, Môi trường và Quản lý chất thải

Năm 2017, Petrosetco đã thực hiện duy trì hợp đồng với các đơn vị môi trường tại các địa phương có đơn vị hoạt động trong việc xử lý chất thải nguy hại, xử lý rác thải và nước thải. Công tác kiểm tra đo đạc môi trường xung quanh các tòa nhà và văn phòng được thực hiện định kỳ theo quy định với các chỉ tiêu về không khí, nước và tiếng ồn đều nằm trong các định mức quy chuẩn.

Petrosetco đang thực hiện vận hành và quản lý các tòa nhà trải dài trên nhiều nơi. Công tác Phòng chống cháy nổ và ứng cứu tình huống khẩn cấp được thực hiện diễn tập hàng năm với các phương án phòng chống cháy nổ được tư vấn của các cơ quan chuyên ngành, sự phối hợp của các lực lượng chức năng địa phương và các khách hàng tại các tòa nhà, cùng với việc diễn tập thường xuyên của liên quân các lực lượng ban ngành hữu quan. Đảm bảo chủ động trước mọi tình huống, hạn chế tối đa thiệt hại trong tình huống xấu nhất.

QUALITY-



Đối với cổ đông, nhà đầu tư và khách hàng, “minh bạch thông tin” luôn luôn được PETROSETCO đặt lên hàng đầu. Trao đổi cởi mở, thẳng thắn và hai chiều với cổ đông là nguyên tắc hoạt động của Tổng công ty.

PETROSETCO đã và luôn tuân thủ đúng theo các yêu cầu về thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán một cách chính xác và kịp thời như Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính quý, năm; Các thông tin bất thường; Các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị liên quan đến các chiến lược, kế hoạch phát triển trung và dài hạn cũng như kế hoạch kinh doanh và các hoạt động khác.

Nhận thức rõ vai trò của việc trao đổi thường xuyên và hiệu quả với các nhà đầu tư, Tổng công ty luôn duy trì các kênh thông tin đến các Cổ đông và nhà Đầu tư như Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội thảo các nhà đầu tư qua đó tạo điều kiện để các cổ đông và nhà đầu tư góp ý về các vấn đề có liên quan đến Tổng công ty; các phương tiện truyền thông đại chúng. Website của Tổng công ty (www.petrosetco.com.vn) liên tục được duy trì và cập nhật thường xuyên đặc biệt là các chuyên mục Quan hệ cổ đông; thông tin về các sự kiện, các hoạt động của Tổng công ty cũng như các tin liên quan được đăng trên các kênh truyền thông chuyên về thông tin kinh tế tài chính như báo Đầu tư Chứng khoán, báo Đầu tư, Thời báo Kinh tế Việt Nam, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, Nhịp cầu Đầu tư, Vietstock, CafeF, Vietnam Business Forum, ...

Trong năm 2017, Tổng công ty tiếp tục kí hợp đồng sử dụng gói dịch vụ cung cấp thông tin của FPT Securities trong mục Quan hệ Cổ đông trên website của Tổng công ty. Thông qua phương tiện này, Tổng công ty muốn cung cấp thông tin tài chính cũng như những thông tin chi tiết về các hoạt động và tổ chức của Tổng công ty phù hợp với sự quan tâm của các cổ đông và các nhà đầu tư. Bên cạnh đó, PETROSETCO cũng liên tục cập nhật thông tin bằng tiếng Anh để giúp cho các nhà đầu tư nước ngoài có thể dễ dàng hơn trong việc tìm hiểu và cập nhật thông tin về Tổng công ty cũng như giúp PETROSETCO mở rộng hơn nữa mạng lưới đầu tư của mình

Một mặt PETROSETCO chủ động công bố thông tin. Mặt khác, khi có nhu cầu cần tìm hiểu thêm một số thông tin cụ thể, các cổ đông, đối tác và nhà đầu tư cũng có thể liên hệ trực tiếp và Petrosetco luôn luôn hỗ trợ hết mình để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu và hợp tác của các bên. PETROSETCO tiếp tục duy trì nhóm chuyên trách hoạt động quan hệ cổ đông nhằm thường xuyên cập nhật thông tin về các chỉ số tài chính, các dự án quan trọng đã, đang và sẽ được tiến hành, những khó khăn và thuận lợi mà Tổng công ty đang có cũng như định hướng phát triển của Tổng công ty cho các cổ đông và nhà đầu tư.

Trong năm 2017, bộ phận quan hệ cổ đông đã thực hiện:

- Tổ chức các cuộc họp giới thiệu về Tổng công ty đáp ứng nhu cầu của các quỹ đầu tư trong và ngoài nước.
- Giải đáp thắc mắc của các cổ đông, các nhà đầu tư tiềm năng qua kênh email hoặc điện thoại, nỗ lực giải đáp các thắc mắc, yêu cầu của nhà đầu tư trong thời gian nhanh nhất với hiệu quả cao nhất và đầy đủ nhất. Bên cạnh đó, nhóm chuyên trách cũng tham gia một số cuộc hội thảo do các công ty chứng khoán tổ chức.
- Cung cấp các tài liệu giới thiệu về PETROSETCO và các đơn vị thành viên thông qua việc thực hiện các video clip giới thiệu, brochure, các tài liệu cung cấp thông tin định kỳ cập nhật kết quả kinh doanh bằng tiếng Việt và tiếng Anh.
- Xây dựng và phát triển các kênh tương tác thường xuyên với cổ đông và các nhà đầu tư, đặc biệt là xây dựng mục quan hệ cổ đông trên website ngày càng chuyên nghiệp và tương tác với cổ đông hơn nữa.

Chúng tôi hy vọng với những nỗ lực đã làm trong năm 2017, cùng với sự tích cực trong cách thức tiếp cận và cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư sẽ giúp cổ đông, nhà đầu tư và khách hàng hiểu rõ hơn về những hoạt động sản xuất kinh doanh, cập nhật các thông tin tài chính của Tổng công ty và đặc biệt mang lại hiệu quả cao nhất cho các cổ đông.

BẢO ĐẢM QUYỀN LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

Con người là tài sản lớn nhất của Petrosetco, vì vậy chúng tôi luôn ghi nhận và hiện thực hóa những nỗ lực và đóng góp của CBCNV vào sự tăng trưởng và phát triển bền vững của Tổng công ty.

Petrosetco luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về sử dụng lao động và đảm bảo đầy đủ quyền lợi của người lao động. Năm 2017 Petrosetco đã đảm bảo công việc làm cho 100% người lao động với mức thu nhập bình quân là 11.600.000 đồng/người/tháng.

Petrosetco đảm bảo quyền tự do tham gia các hoạt động công đoàn của người lao động và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức công đoàn hoạt động theo Luật công đoàn và Bộ luật lao động. 100% người lao động tại Petrosetco tham gia các Thỏa ước lao động tập thể ở các cấp. Quyền lợi của người lao động được cụ thể hóa qua các chế độ, chính sách sau:

1. Chế độ đãi ngộ:

Lương gồm: Lương sản xuất kinh doanh (12 tháng), lương tháng thứ 13 và được thưởng vào dịp thành lập Petrosetco, Lễ, Tết.

- Chế độ hỗ trợ: Chi phí đi lại, cước điện thoại, kèm nhiệm, đi công tác trong và ngoài nước.

- Thưởng theo hiệu quả kinh doanh và theo thành tích thực hiện dự án/công việc. Các thành tích luôn được ghi nhận, khen thưởng kịp thời, công bằng, minh bạch với các phần thưởng có giá trị về tinh thần lẫn vật chất.

2. Chế độ phúc lợi:

Bên cạnh các chế độ phúc lợi chung cho người lao động do pháp luật quy định, Petrosetco xây dựng các chế độ phúc lợi khác nhằm mang đến sự chăm sóc sức khỏe tốt hơn cho người lao động, cụ thể như sau:

- Kiểm tra sức khỏe định kỳ: Toàn thể CBCNV đã ký hợp đồng lao động chính thức được kiểm tra sức khỏe định kỳ ít nhất mỗi năm một lần tại các cơ sở y tế do Petrosetco chỉ định và được thanh toán 100% chi phí.

- Chế độ bảo hiểm sức khỏe: Ngoài các chế độ bảo hiểm theo quy định của nhà nước, tất cả CBCNV ký hợp đồng chính thức được Petrosetco mua gói Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe PVI CARE.

- Chế độ cho nữ CBCNV nghỉ thai sản: được hưởng thấp nhất từ 1 triệu đồng/tháng/người trở lên.

- Chế độ hưu trí và tử tuất: được hưởng mức từ 5-20 triệu đồng tùy theo thâm niên làm việc.

3. Chính sách đào tạo: Tất cả CBCNV đã ký hợp đồng lao động chính thức được cử đi đào tạo/tập huấn tối thiểu 1 lần/năm.

HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THỂ VÀ XÃ HỘI

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Trách nhiệm xã hội

Để công ty phát triển trường tồn, ngoài việc chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ hiện tại, Petrosetco cần có trách nhiệm và hành động cụ thể để đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội. Chính vì vậy Petrosetco khuyến khích mỗi cán bộ công nhân viên thực hiện và sẽ chia những nghĩa cử tốt đẹp bằng những hành động thiết thực, đồng hành cùng Tổng công ty trong các hoạt động thiện nguyện và xây dựng cộng đồng qua việc đóng góp tài chính và tham gia trực tiếp vào các hoạt động thiện nguyện. Với cách thực hiện như vậy, trong năm 2017 Petrosetco đã chi cho các hoạt động thiện nguyện/cộng đồng như sau:

- Khoản chi lấy từ ngân sách Tổng công ty Petrosetco: 180 triệu đồng (hỗ trợ nhân dân xã Xuân Thịnh, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên bị thiệt hại do bão Damrey; nạn nhân chất độc da cam Quận 1, TPHCM; bệnh nhân nghèo mổ mắt)



- Khoản chi từ nguồn Quỹ tương trợ Dầu khí: 278,5 triệu đồng (hỗ trợ cho cán bộ hưu trí tại Petrosetco và người lao động có hoàn cảnh khó khăn)



HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THỂ VÀ XÃ HỘI (tiếp theo)

- Khoản chi lấy từ nguồn đóng góp CBCNV: 542,5 triệu đồng (hỗ trợ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt tại tỉnh Thanh Hóa và Hòa Bình; hỗ trợ bệnh nhân nghèo tại Bệnh viện nhi đồng 1; hỗ trợ thân nhân của CBCNV bị ảnh hưởng bởi lũ lụt; hỗ trợ CBCNV và thân nhân có hoàn cảnh khó khăn)



- Khoản chi từ nguồn Quỹ vì phụ nữ khó khăn: 175 triệu đồng (hỗ trợ cho người lao động nữ có hoàn cảnh khó khăn)



HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Các hoạt động bảo vệ môi trường

Petrosetco luôn tuân thủ các quy định liên quan đến bảo vệ môi trường, ưu tiên sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, cụ thể:

Xây dựng văn phòng làm việc thân thiện với môi trường: Petrosetco luôn ý thức mô hình văn phòng xanh không chỉ giúp Tổng công ty đạt được những hiệu quả nhất định trong việc tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí vận hành văn phòng mà còn góp phần nâng cao nhận thức về môi trường cho CBCNV.

Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường: Petrosetco thường xuyên thực hiện các hoạt động và chương trình tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong CBCNV:

- + Hưởng ứng chiến dịch giờ trái đất
- +Thực hiện việc điều tiết điện, nước phù hợp với thời tiết và hoạt động toàn bộ tòa nhà/văn phòng làm việc.
- +Tuyên truyền nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường của toàn thể CBCNV.
- +Tuyên truyền, khuyến khích CBCNV đi bằng cầu thang bộ và hạn chế sử dụng thang máy.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

GIỜ TRÁI ĐẤT 2017

CÙNG TẮT ĐÈN

Từ 20h30 - 21h30 ngày 25/3/2017

TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG





▶ Báo cáo của ban Tổng giám đốc

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp Số 4103005338 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu
ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 23 tháng
5 năm 2016.

Hội đồng Quản trị	Ông Phùng Tuấn Hà	Chủ tịch
	Bà Lê Thị Chiến	Thành viên
	Ông Vũ Tiến Dương	Thành viên
	Bà Phạm Thị Hồng Điệp	Thành viên
	Ông Phạm Quang Huy	Thành viên

(Miễn nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2017)

Ban Kiểm soát	Ông Phan Khắc Vinh	Trưởng ban
	Ông Lê Anh Quốc	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Vũ Tiến Dương	Tổng Giám đốc
	Ông Hồ Minh Việt	Phó Tổng Giám đốc
		(Bổ nhiệm ngày 11 tháng 8 năm 2017)
	Bà Phạm Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Tú	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Quang Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc

(Miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2018)

Người đại diện theo pháp luật	Ông Phùng Tuấn Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
--	-------------------	----------------------------

Trụ sở chính	Lầu 6, Tòa nhà Petro Việt Nam, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
---------------------	--

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
--------------------------	-----------------------------

Báo cáo của ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (“Công ty mẹ”) và các công ty con (“Tổng Công ty”) thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Chủ tịch HĐQT được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Chủ tịch HĐQT của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Chủ tịch HĐQT của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 54. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Phùng Tuấn Hà

Chủ tịch HĐQT

TP Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí và các công ty con (“Tổng Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017, và được Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) phê duyệt vào ngày 29 tháng 3 năm 2018. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 54.

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Mai Viết Hùng Trần
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Đào Quang Huy
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán:
1895-2018-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM 6932
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

▶ Bảng cân đối Kế toán hợp nhất

Mẫu số B 01 – DN/HN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.786.143.044.848	4.741.485.264.868
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.342.345.339.986	1.694.402.253.760
111	Tiền		338.508.337.541	388.862.253.760
112	Các khoản tương đương tiền		1.003.837.002.445	1.305.540.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		28.244.800.000	13.500.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5(a)	28.244.800.000	13.500.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		2.229.463.525.562	1.631.677.896.355
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.684.907.681.145	1.425.783.612.685
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	431.103.266.432	76.220.418.183
136	Phải thu ngắn hạn khác	8	211.045.807.038	173.194.455.448
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(98.255.510.692)	(44.259.869.663)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		662.281.639	739.279.702
140	Hàng tồn kho	10	774.605.298.993	969.659.943.435
141	Hàng tồn kho		790.864.877.778	985.760.389.976
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(16.259.578.785)	(16.100.446.541)
150	Tài sản ngắn hạn khác		411.484.080.307	432.245.171.318
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		10.140.752.223	6.617.348.798
152	Thuế GTGT được khấu trừ		400.131.863.898	423.299.760.670
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	1.211.464.186	2.328.061.850

Các thuyết minh này là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất.

Bảng cân đối

Kế toán hợp nhất

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.386.636.201.219	1.485.521.151.402
210	Các khoản phải thu dài hạn		8.361.270.031	5.308.517.717
211	Phải thu dài hạn của khách hàng		-	1.256.100.000
216	Phải thu dài hạn khác		8.361.270.031	4.052.417.717
220	Tài sản cố định		203.600.840.740	233.964.209.561
221	Tài sản cố định hữu hình	12(a)	100.747.708.067	130.931.767.076
222	Nguyên giá		327.870.252.182	339.681.880.486
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(227.122.544.115)	(208.750.113.410)
227	Tài sản cố định vô hình	12(b)	102.853.132.673	103.032.442.485
228	Nguyên giá		107.082.807.737	106.704.875.769
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.229.675.064)	(3.672.433.284)
230	Bất động sản đầu tư	13	802.740.513.854	915.227.460.670
231	Nguyên giá		861.998.984.242	934.696.415.019
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(59.258.470.388)	(19.468.954.349)
240	Tài sản dở dang dài hạn		102.728.014.308	77.085.251.139
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	102.728.014.308	77.085.251.139
250	Đầu tư tài chính dài hạn		42.001.621.150	37.063.714.702
252	Đầu tư vào công ty liên kết	5(b)	17.294.889.230	16.903.714.702
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5(c)	27.560.000.000	22.160.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.853.268.080)	(2.000.000.000)
260	Tài sản dài hạn khác		227.203.941.136	216.871.997.613
261	Chi phí trả trước dài hạn	15	213.430.498.636	201.267.567.590
262	Tá sản thuê thu nhập hoãn lại	24	-	189.110.129
269	Lợi thế thương mại	16	13.773.442.500	15.415.319.894
270	TỔNG TÀI SẢN		6.172.779.246.067	6.227.006.416.270

▶ Bảng cân đối Kế toán hợp nhất

Mẫu số B 01 – DN/HN

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND (Điều chỉnh lại - Thuyết minh 44)
300	NỢ PHẢI TRẢ		4.512.198.485.463	4.582.547.844.658
310	Nợ ngắn hạn		4.099.088.566.592	4.162.315.961.176
311	Phải trả người bán ngắn hạn	17	1.375.987.881.476	1.446.414.809.155
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	304.168.612.427	19.037.977.620
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	11	31.400.887.211	21.287.963.647
314	Phải trả người lao động		86.684.642.775	64.202.977.309
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	19	22.227.978.586	72.948.847.410
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20(a)	35.076.695.490	30.362.744.050
319	Phải trả ngắn hạn khác	21	144.946.961.090	140.627.818.410
320	Vay ngắn hạn	22(a)	2.031.170.448.265	2.302.634.027.522
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		67.424.459.272	64.798.796.053
330	Nợ dài hạn		413.109.918.871	420.231.883.482
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20(b)	75.077.806.678	102.350.533.942
337	Phải trả dài hạn khác	23	55.850.108.311	66.576.995.606
338	Vay dài hạn	22(b)	278.882.003.882	251.304.353.934
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	24	3.300.000.000	-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.660.580.760.604	1.644.458.571.612
410	Vốn chủ sở hữu		1.660.580.760.604	1.644.458.571.612
411	Vốn góp của chủ sở hữu	25, 26	866.001.240.000	866.001.240.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		866.001.240.000	866.001.240.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	26	133.918.052.614	133.918.052.614
414	Vốn khác của chủ sở hữu	26	56.740.087.775	56.740.087.775
415	Cổ phiếu quỹ	26	(35.523.322.342)	(35.523.322.342)
418	Quỹ đầu tư phát triển	26	172.453.174.126	172.453.174.126
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	26	303.178.676.162	270.142.492.969
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		171.816.089.358	126.460.602.490
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		131.362.586.804	143.681.890.479
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	27	163.812.852.269	180.726.846.470
440	TỔNG NGUỒN VỐN		6.172.779.246.067	6.227.006.416.270

Hà Văn Phương
Người lập

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Phùng Tuấn Hà
Chủ tịch HĐQT
Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.834.566.185.375	10.058.565.973.290
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(131.307.913.285)	(176.507.006.819)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.703.258.272.090	9.882.058.966.471
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(9.955.349.766.791)	(9.223.562.797.487)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	747.908.505.299	658.496.168.984
21	Doanh thu hoạt động tài chính	66.337.307.855	68.131.386.998
22	Chi phí tài chính	(113.393.202.528)	(104.195.476.130)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>(105.602.842.553)</i>	<i>(81.342.268.416)</i>
24	Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	391.174.529	(378.312.558)
25	Chi phí bán hàng	(255.769.838.013)	(236.590.286.036)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(246.738.361.502)	(175.683.250.956)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	198.735.585.640	209.780.230.302
31	Thu nhập khác	12.001.994.383	11.774.290.030
32	Chi phí khác	(8.275.065.574)	(9.843.764.170)
40	Lợi nhuận khác	3.726.928.809	1.930.525.860
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	202.462.514.449	211.710.756.162
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(55.154.138.356)	(43.718.626.868)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(3.489.110.129)	(1.014.402.501)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	143.819.265.964	166.977.726.793
Phân bổ cho:			
61	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	131.362.586.804	143.681.890.479
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	12.456.679.160	23.295.836.314
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.441	1.578

Hà Văn Phương
Người lập

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Phùng Tuấn Hà
Chủ tịch HĐQT
Ngày 29 tháng 3 năm 2018

▶ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 – DN/HN

Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc	
		2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	202.462.514.449	211.710.756.162
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”) và bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	39 82.646.733.051	46.976.983.663
03	Các khoản dự phòng	55.008.041.353	(13.602.639.075)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	34 585.648.946	1.281.020.127
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(49.830.020.287)	(55.983.010.417)
06	Chi phí lãi vay	34 105.602.842.553	81.342.268.416
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	396.475.760.065	271.725.378.876
09	Tăng các khoản phải thu	(627.252.864.667)	(270.908.955.749)
10	Giảm hàng tồn kho	194.895.512.198	426.956.675.471
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	206.005.326.977	(176.648.704.659)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(2.427.463.087)	7.770.241.596
14	Tiền lãi vay đã trả	(101.358.064.470)	(80.637.851.647)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	11 (49.225.276.378)	(48.369.479.667)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	83.681.659.609
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(12.994.231.753)	(10.678.882.194)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	4.118.698.885	202.890.081.636
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(35.467.376.989)	(493.455.030.883)
22	Thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	584.629.383	807.902.754
23	Chi đầu tư tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	(28.244.800.000)	(13.500.000.000)
24	Thu hồi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	13.500.000.000	9.222.550.381
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5(c) (5.400.000.000)	(46.470.086.614)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3 (1.074.399.778)	-
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	53.862.131.587	47.654.921.388
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2.239.815.797)	(495.739.742.974)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu	27 2.352.773.000	45.740.000.000
32	Mua lại cổ phiếu đã phát hành	27 -	(795.000.000)
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	41 6.965.782.684.792	6.568.717.739.850
34	Chi trả nợ gốc vay	41 (7.209.668.614.101)	(5.954.788.807.093)
36	Chi trả cổ tức cho cổ đông	28 (112.485.661.597)	(133.211.683.333)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(354.018.817.906)	525.662.249.424
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(352.139.934.818)	232.812.588.086
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4 1.694.402.253.760	1.461.210.798.980
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	83.021.044	378.866.694
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4 1.342.345.339.986	1.694.402.253.760

Hà Văn Phương
Người lập

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Phùng Tuấn Hà
Chủ tịch HĐQT
Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (“Công ty mẹ”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 18 ngày 23 tháng 5 năm 2016. Công ty mẹ được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Tập đoàn” hay “PVN”).

Cổ phiếu của Công ty mẹ đã chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PET, theo Quyết định số 94/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 13 tháng 8 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty mẹ và các công ty con (“Tổng Công ty”) bao gồm:

- Kinh doanh bán buôn các sản phẩm hạt nhựa, xơ sợi, sản lát;
- Cung cấp dịch vụ hỗ trợ và quản lý, dịch vụ hỗ trợ nhân sự;
- Cho thuê kho, nhà xưởng, mặt bằng, văn phòng;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị;
- Mua bán thiết bị viễn thông;
- Cung cấp vật tư, thiết bị chuyên ngành dầu khí;
- Vận tải và xếp dỡ cấu kiện siêu trường siêu trọng;
- Kinh doanh dịch vụ, sản phẩm sinh hoạt đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu LPG, chiết nạp ga;
- Phát triển và kinh doanh bất động sản;
- Quản lý bất động sản (tòa nhà, khách sạn, các công trình nhà ở); và
- Gia công linh kiện điện tử, thiết bị tin học và truyền thông.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có 2.396 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.375 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có 13 công ty con sở hữu trực tiếp, 2 công ty con sở hữu gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 1 công ty liên kết gián tiếp được trình bày như sau:

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tổng tỷ lệ quyền biểu quyết	Tổng tỷ lệ quyền sở hữu
I. Công ty con trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (“PSD”)	Phân phối thiết bị điện tử viễn thông	TP. HCM	80,02%	80,02%
2	Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (“POTS”)	Thương mại, dịch vụ	TP. HCM	60%	60%
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (“PSV”)	Cung cấp dịch vụ	Vũng Tàu	70%	70%

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tổng tỷ lệ quyền biểu quyết	Tổng tỷ lệ quyền sở hữu
I. Công ty con trực tiếp (tiếp theo)					
4	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (“PSMT”)	Thương mại, dịch vụ	Quảng Ngãi	99,79%	99,79%
5	Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (“PSA”)	Quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà	Hà Nội	78,61%	78,61%
6	Công ty TNHH Petrosetco - SSG (“PSSSG”)	Kinh doanh bất động sản	TP. HCM	51%	51%
7	Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh (“Smartcom”)	Thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi, phần mềm	TP. HCM	55%	55%
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí (“PSR”)	Bán lẻ điện thoại	TP. HCM	75%	72,75%
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam (“PSL”) (*)	Hỗ trợ vận tải	TP. HCM	67%	44%
10	Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí (“PHTD”)	Phân phối thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi	TP. HCM	56%	56%
11	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Cầu kiện Siêu trường Siêu trọng Petrosetco - Ale (“Petrosetco - Ale”)	Vận tải và xếp dỡ cầu kiện siêu trường siêu trọng	TP.HCM	51%	51%
12	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí (“PST”) (**)	Ngưng hoạt động và đang chờ giải thể	TP.HCM	100%	100%
13	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí (“PSG”) (**)	Ngưng hoạt động và đang chờ giải thể	TP.HCM	100%	100%
II. Công ty con gián tiếp					
1	Công ty Cổ phần Điện tử Điện lạnh Bình Minh (“Bình Minh”)	Kinh doanh sản phẩm điện tử, điện lạnh, điện gia dụng	TP.HCM	51%	40,81%
2	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí Nha Trang (“Nha Trang PST”)	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	Nha Trang	100%	99,79%

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tổng tỷ lệ quyền biểu quyết	Tổng tỷ lệ quyền sở hữu
III. Công ty liên kết trực tiếp					
1	Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	Dịch vụ cho thuê văn phòng	Bà Rịa - Vũng Tàu	24%	24%
IV. Công ty liên kết gián tiếp					
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại số Vietecom (***)	Kinh doanh thiết bị điện tử, công nghệ thông tin, chuyển giao công nghệ, giao nhận hàng hóa	Hà Nội	20%	16%

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ tại PSL chỉ là 44%, Công ty mẹ vẫn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của PSL thông qua 2/3 đại diện trong Ban Giám đốc của PSL. Do đó, Công ty mẹ kiểm soát PSL và PSL vẫn được trình bày và phân loại là công ty con của Công ty mẹ cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính.

(**) Theo các Quyết định số 313/QĐ-DVTHDK-HĐQT và 314/QĐ-DVTHDK-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2011, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty quyết định giải thể PST và PSG kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012. Hiện tại, PST và PSG đang trong quá trình quyết toán với cơ quan thuế để hoàn thiện các thủ tục cho việc giải thể doanh nghiệp và trong giai đoạn từ năm 2012 đến nay không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh.

(***) Vietecom đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “đồng”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo một tỷ giá là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch. Tổng Công ty đảm bảo tỷ giá xấp xỉ có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua hoặc tỷ giá bán của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tổng Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phương pháp kế toán mua được Tổng Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh trong nội bộ các công ty thành viên được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tổng Công ty áp dụng.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tổng Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tổng Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tổng Công ty vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tổng Công ty được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty liên kết, Tổng Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tổng Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tổng Công ty với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tổng Công ty trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành. Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tổng Công ty áp dụng.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

2.5 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tổng Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tổng Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định kỳ hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Chủ tịch HĐQT đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2.9 Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Chủ tịch HĐQT của Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Chủ tịch HĐQT của Tổng Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	2% - 20%
Máy móc thiết bị	5% - 33%
Phương tiện vận tải	10% - 33%
Thiết bị quản lý	10% - 33%
Phần mềm máy tính	12,5% - 33%

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không phải trích khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian sử dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Quyền sử dụng đất	10%
Nhà cửa, vật kiến trúc	2% - 20%
Trang thiết bị	14% - 33%

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là tiền thuê văn phòng và tiền thuê kho trả trước. Chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí vỏ bình ga được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm phù hợp với quy định tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn về chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai”.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2.14 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.16 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

2.17 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.18 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

Mẫu số B 09 – DN/HN

2.19 Vốn chủ sở hữu

(a) Vốn cổ phần

Vốn góp cổ phần của các cổ đông và được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

(b) Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

(c) Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành và được mua lại bởi chính Công ty mẹ, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

(d) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập của Tổng Công ty tại thời điểm báo cáo.

(e) Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

2.20 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để đầu tư mở rộng và phát triển kinh doanh.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để dùng cho công tác khen thưởng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

(c) Chia cổ tức

Cổ tức của Tổng Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được tạm chia theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và sẽ được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

2.21 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Tổng Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tổng Công ty thì Tổng Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Doanh thu hoạt động cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động khi Tổng Công ty là bên cho thuê được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê.

(d) Thu nhập lãi

Lãi tiền gửi được ghi nhận khi được hưởng, được xác định dựa trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(e) Thu nhập từ cổ tức/lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia từ các đơn vị đầu tư.

(f) Thu nhập từ ký cược, ký quỹ vô bình ga

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình ga được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình ga đã nhận từ khách hàng theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, tương ứng với cách thức phân bổ chi phí vô bình ga (Thuyết minh 2.13), theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn về chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai”.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

2.22 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

2.23 Giá vốn

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.24 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, và chiết khấu thanh toán.

2.25 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói và vận chuyển.

2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; và các chi phí bằng tiền khác.

2.27 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.28 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

2.30 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tại Việt Nam yêu cầu Chủ tịch HĐQT phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch HĐQT, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

3 HỢP NHẤT KINH DOANH

Thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ ASSA (“ASSA”)

Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 09/2017/PETROSETCO ngày 23 tháng 10 năm 2017, Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại ASSA tương đương 18,5 tỷ đồng cho bên thứ ba với giá chuyển nhượng là 18,5 tỷ đồng. Khoản lỗ 245.247.378 đồng là chênh lệch giữa tổng giá chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 34). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, bên nhận chuyển nhượng đã thanh toán số tiền là 6.476.500.000 đồng.

	Giá trị ghi nhận tại ngày bán VND
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.550.899.778
Các khoản phải thu ngắn hạn	3.688.862.373
Tài sản cố định	7.456.917.711
Tài sản khác	500.000.000
	19.196.679.862
Nợ phải trả	451.432.484
	18.745.247.378
Tài sản thuần	18.745.247.378
Giá chuyển nhượng	18.500.000.000
Lỗ do thanh lý công ty con	(245.247.378)
	6.476.500.000
Khoản tiền thu được trong năm	6.476.500.000
	1.074.399.778
Tiền thuần thu hồi đầu tư trong năm	(1.074.399.778)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2017 VND	2016 VND
Tiền mặt	7.250.188.703	7.892.234.694
Tiền gửi ngân hàng	331.258.148.838	380.970.019.066
Các khoản tương đương tiền (*)	1.003.837.002.445	1.305.540.000.000
	<u>1.342.345.339.986</u>	<u>1.694.402.253.760</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, một hợp đồng tiền gửi tại một ngân hàng thương mại với giá trị là 10 tỷ đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay được cấp bởi ngân hàng thương mại cho Công ty Cổ phần Điện tử Điện lạnh Bình Minh, là một công ty con của Tổng Công ty (Thuyết minh 41(b)).

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2017		2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>28.244.800.000</u>	<u>28.244.800.000</u>	<u>13.500.000.000</u>	<u>13.500.000.000</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, một hợp đồng tiền gửi tại một ngân hàng thương mại với giá trị là 10 tỷ đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay được cấp bởi ngân hàng thương mại cho Công ty Cổ phần Hội tụ Thông Minh, là một công ty con của Tổng Công ty (Thuyết minh 41(b)).

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

	2017			2016		
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	16.441.621.150	(*)	-	16.050.446.622	(*)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại số Vietecom	853.268.080	(*)	(853.268.080)	853.268.080	(*)	-
	<u>17.294.889.230</u>		<u>(853.268.080)</u>	<u>16.903.714.702</u>		<u>-</u>

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày ở Thuyết minh 1.

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do các công ty này không phải là công ty niêm yết đại chúng.

Biến động trong đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	16.903.714.702	16.428.759.180
Tăng do đầu tư mới	-	853.268.080
Lãi/(lỗ) trong năm	391.174.528	(378.312.558)
Số dư cuối năm	<u>17.294.889.230</u>	<u>16.903.714.702</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(c) Đầu tư vào đơn vị khác

	2017			2016		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	2.000.000.000	(*)	(2.000.000.000)	2.000.000.000	(*)	(2.000.000.000)
Công ty TNHH Coolpad Việt Nam	20.160.000.000	(*)	-	20.160.000.000	(*)	-
Công ty CP Khí Công nghiệp Dầu khí Việt Hàn (**)	5.400.000.000	(*)	-	-	-	-
	<u>27.560.000.000</u>		<u>(2.000.000.000)</u>	<u>22.160.000.000</u>		<u>(2.000.000.000)</u>

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do các công ty này không phải là công ty niêm yết đại chúng.

(**) Trong năm 2017, PSMT, một công ty con của Tổng Công ty, đã đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Khí Công nghiệp Dầu khí Việt Hàn với tổng vốn đầu tư là 5,4 tỷ đồng, tương đương 12% vốn chủ sở hữu.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba		
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	133.225.047.545	110.341.725.392
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	202.772.207.964	37.687.183.365
Công ty TNHH Kỹ Thuật Icool	72.210.248.974	94.210.248.974
Công ty TNHH Coolpad Việt Nam	64.773.758.615	27.004.245.385
Các bên thứ ba khác	1.102.962.522.899	1.045.586.820.267
	<u>1.575.943.785.997</u>	<u>1.314.830.223.383</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 42(b)(i))		
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	31.621.779.201	27.607.958.118
Công ty TNHH Lọc Hoá Dầu Nghi Sơn	31.909.312.911	32.045.013.639
Các bên liên quan khác	45.432.803.036	51.300.417.545
	<u>108.963.895.148</u>	<u>110.953.389.302</u>
	<u>1.684.907.681.145</u>	<u>1.425.783.612.685</u>

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba		
<i>Global Consulting and Mechanical Services LLC (*)</i>	201.462.439.669	-
<i>Rosemount Technology Limited (*)</i>	82.247.625.736	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát</i>	42.025.456.603	42.025.456.603
<i>Itel Mobile Limited</i>	34.109.668.290	6.612.510.000
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Cường Thịnh</i>	20.059.023.213	-
<i>Các bên thứ ba khác</i>	51.199.052.921	27.582.451.580
	<u>431.103.266.432</u>	<u>76.220.418.183</u>

(*) Trong năm 2017, POTS, một công ty con của Tổng Công ty, ký hợp đồng và đã nhận ứng trước từ người mua với số tiền là 232 tỷ đồng (Thuyết minh 18) và đồng thời POTS cũng đã ứng trước cho các nhà cung cấp là Global Consulting and Mechanical Services LLC và Rosemount Technology Limited liên quan đến hợp đồng dịch vụ này. Nội dung dịch vụ sẽ được thực hiện từ ngày ký đến năm 2022.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Chiết khấu thương mại được hưởng phải thu	77.929.081.416	66.412.185.181
Phải thu lãi tiền gửi	2.825.578.761	7.572.079.938
Phải thu khác từ nhà cung cấp	71.950.709.329	79.819.833.522
Ký quỹ, ký cược	27.359.900.443	1.524.837.600
Các khoản khác	30.980.537.089	17.865.519.207
	<u>211.045.807.038</u>	<u>173.194.455.448</u>

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	16.100.446.541	30.086.714.085
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 32, 39)	4.430.546.901	6.366.306.120
Tăng do mua công ty con gián tiếp	-	359.957.654
Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh 32, 39)	(4.271.414.657)	(20.712.531.318)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	<u>16.259.578.785</u>	<u>16.100.446.541</u>

11. THUẾ PHẢI THU VÀ THUẾ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

(a) Thuế phải thu Nhà nước

	2017 VND	2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.083.452.440
Thuế thu nhập cá nhân	432.613.901	613.448.058
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	190.237.056	455.167.122
Các khoản thuế khác	588.613.229	175.994.230
	<hr/>	<hr/>
	<u>1.211.464.186</u>	<u>2.328.061.850</u>

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	2017 VND	2016 VND (Điều chỉnh lại - Thuyết minh 44)
Thuế thu nhập cá nhân	8.130.155.785	1.455.661.282
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	19.518.892.604	5.060.854.446
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.751.838.822	14.763.470.719
Các khoản thuế khác	-	7.977.200
	<hr/>	<hr/>
	<u>31.400.887.211</u>	<u>21.287.963.647</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. THUẾ PHẢI THU VÀ THUẾ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Tình hình biến động trong năm của các khoản thuế phải thu Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2017	Trong năm	Tại ngày 31.12.2017
	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.083.452.440	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	613.448.058	-	-
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	455.167.122	-	-
Thuế, phí và lệ phí phải nộp khác	175.994.230	-	-
	2.328.061.850	-	-
		Số đã cán trừ VND	Phân loại lại VND
		(1.173.440.093)	89.987.653
		(613.448.058)	432.613.901
		-	(264.930.066)
		(175.994.230)	588.613.229
		(1.962.882.381)	846.284.717
			1.211.464.186
			Giảm do thanh lý công ty con VND
			-
			Phải thu VND
			432.613.901
			190.237.056
			588.613.229

Tình hình biến động trong năm của các khoản thuế phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2017	Trong năm	Tại ngày 31.12.2017
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.763.470.719	55.154.138.356	(49.225.276.378)
Thuế thu nhập cá nhân	1.455.661.282	21.954.513.621	(19.476.747.045)
Thuế, phí và lệ phí phải nộp khác	7.977.200	9.335.391.655	(9.755.987.854)
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	5.060.854.446	1.597.925.109.436	(376.380.556.243)
	21.287.963.647	1.684.369.153.068	(454.838.567.520)
		Số đã cán trừ VND	Phân loại lại VND
		(1.173.440.093)	89.987.653
		(613.448.058)	432.613.901
		(175.994.230)	588.613.229
		(1.220.173.204.169)	(264.930.066)
			8.130.155.785
			Giảm do thanh lý công ty con VND
			(89.987.653)
			(754.879)
			Phải nộp VND
			19.518.892.604
			3.751.838.822
			-
			8.130.155.785
			31.400.887.211

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	98.775.127.871	105.314.513.695	121.943.249.525	13.648.989.395	339.681.880.486
Mua trong năm	208.030.736	1.271.377.111	2.900.510.726	633.987.205	5.013.905.778
Thanh lý, nhượng bán	-	(249.335.048)	(2.006.226.222)	(127.739.300)	(2.383.300.570)
Giảm do bán công ty con	-	(14.442.233.512)	-	-	(14.442.233.512)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	98.983.158.607	91.894.322.246	122.837.534.029	14.155.237.300	327.870.252.182
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	52.180.777.751	67.120.235.558	76.855.077.439	12.594.022.662	208.750.113.410
Khấu hao trong năm	4.844.925.841	10.350.180.641	11.534.057.651	995.716.287	27.724.880.420
Thanh lý, nhượng bán	-	(233.168.392)	(2.006.226.222)	(127.739.300)	(2.367.133.914)
Giảm do bán công ty con	-	(6.985.315.801)	-	-	(6.985.315.801)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	57.025.703.592	70.251.932.006	86.382.908.868	13.461.999.649	227.122.544.115
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	46.594.350.120	38.194.278.137	45.088.172.086	1.054.966.733	130.931.767.076
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	41.957.455.015	21.642.390.240	36.454.625.161	693.237.651	100.747.708.067

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	101.988.494.434	4.716.381.335	106.704.875.769
Mua trong năm	-	377.931.968	377.931.968
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	101.988.494.434	5.094.313.303	107.082.807.737
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	-	3.672.433.284	3.672.433.284
Khấu hao trong năm	-	557.241.780	557.241.780
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	4.229.675.064	4.229.675.064
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	101.988.494.434	1.043.948.051	103.032.442.485
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	101.988.494.434	864.638.239	102.853.132.673

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2,7 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1,9 tỷ đồng).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Trang thiết bị VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	6.120.000.000	727.299.868.660	201.276.546.359	934.696.415.019
Tăng trong năm	-	3.394.866.163	144.763.200	3.539.629.363
Phân loại lại giữa các khoản mục	-	69.780.470.110	(69.780.470.110)	-
Phân loại lại sang chi phí trả trước (Thuyết minh 15)	-	-	(26.192.088.802)	(26.192.088.802)
Điều chỉnh giảm sau quyết toán giá trị công trình (*)	-	-	(50.044.971.338)	(50.044.971.338)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	6.120.000.000	800.475.204.933	55.403.779.309	861.998.984.242
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	1.428.000.000	11.110.909.433	6.930.044.916	19.468.954.349
Khấu hao trong năm	158.213.790	36.941.645.081	15.622.874.586	52.722.733.457
Phân loại lại sang chi phí trả trước (Thuyết minh 15)	-	-	(12.933.217.418)	(12.933.217.418)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.586.213.790	48.052.554.514	9.619.702.084	59.258.470.388
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.692.000.000	716.188.959.227	194.346.501.443	915.227.460.670
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	4.533.786.210	752.422.650.419	45.784.077.225	802.740.513.854

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư chủ yếu bao gồm:

- Nhà cửa, vật kiến trúc và các trang thiết bị liên quan đến khu nhà ở tại Khu liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn (“Dự án Nghi Sơn”) được Công ty mẹ xây dựng và cho thuê.

- Quyền sử dụng đất liên quan đến khu đất sở hữu bởi PSMT đang được sử dụng để cho thuê.

(*) Theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành của Dự án Nghi Sơn ngày 13 tháng 11 năm 2017, Tổng Công ty đã điều chỉnh giảm giá trị tạm tính liên quan đến khoản mục trang thiết bị của dự án là 50.044.971.338 đồng.

Tổng Công ty không thể thu thập được thông tin về các bất động sản tương tự làm cơ sở để so sánh giá trị hợp lý nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

14 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2017 VND	2016 VND
Dự án khu dân cư 41D Vũng Tàu	64.546.743.156	40.840.408.691
Dự án Cape Pearl	37.202.219.052	35.300.069.469
Các dự án khác	979.052.100	944.772.979
	<u>102.728.014.308</u>	<u>77.085.251.139</u>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	77.085.251.139	133.979.477.868
Xây dựng cơ bản trong năm	25.642.763.169	612.348.211.927
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(669.242.438.656)
Số dư cuối năm	<u>102.728.014.308</u>	<u>77.085.251.139</u>

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi tiết chi phí trả trước dài hạn được trình bày như sau:

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuê văn phòng (*)	126.359.903.609	126.585.789.845
Chi phí vỏ bình ga	56.718.116.343	61.430.299.515
Công cụ, dụng cụ xuất dùng (**)	26.893.678.447	9.250.019.938
Các khoản khác	3.458.800.237	4.001.458.292
	<u>213.430.498.636</u>	<u>201.267.567.590</u>

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (tiếp theo)

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	201.267.567.590	202.166.255.334
Tăng trong năm	17.186.236.698	24.454.671.133
Phân bổ trong năm	(18.282.177.036)	(25.353.358.877)
Phân loại từ Bất động sản đầu tư (Thuyết minh 13)	13.258.871.384	-
Số dư cuối năm	<u>213.430.498.636</u>	<u>201.267.567.590</u>

(*) Bao gồm khoản trả trước cho PVN để thuê văn phòng. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ năm 2010.

(**) Bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng cho Dự án Nghi Sơn, được phân loại lại từ Bất động sản đầu tư (Thuyết minh 13) sau khi quyết toán giá trị công trình.

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	15.415.319.894	-
Tăng trong năm	-	15.427.708.216
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 36, 39)	(1.641.877.394)	(12.388.322)
Số dư cuối năm	<u>13.773.442.500</u>	<u>15.415.319.894</u>

Chi tiết lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh trong năm và thời gian phân bổ ước tính như sau:

	2017 VND	2016 VND
Nha Trang PST	-	111.494.894
Bình Minh	13.773.442.500	15.303.825.000
	<u>13.773.442.500</u>	<u>15.415.319.894</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba		
<i>Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên</i>	250.308.282.400	354.845.181.900
<i>Shenzhen Sang Fei Consumer Communications Co, Ltd</i>	70.813.364.481	69.357.559.116
<i>Microsoft Regional Sales Corporation</i>	70.779.044.651	48.915.388.511
<i>Dell Global B.V. (Singapore Branch)</i>	60.427.356.500	68.611.680.700
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp</i>	42.854.273.564	79.430.928.503
<i>Các bên thứ ba khác</i>	372.470.921.933	338.564.682.150
	<u>867.653.243.529</u>	<u>959.725.420.880</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 42(b)(ii))		
<i>PVN</i>	288.362.356.866	280.990.702.572
<i>Công ty TNHH Một thành viên Lọc Hóa Dầu Bình Sơn</i>	214.854.136.911	193.502.091.457
<i>Các bên liên quan khác</i>	5.118.144.170	12.196.594.246
	<u>508.334.637.947</u>	<u>486.689.388.275</u>
	<u>1.375.987.881.476</u>	<u>1.446.414.809.155</u>

Tổng Công ty không có nghi ngờ nào về khả năng hoàn trả đầy đủ các khoản nợ khi đến hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào quá hạn thanh toán.

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba	71.857.576.677	19.037.977.620
Bên liên quan (Thuyết minh 42(b)(iv))		
<i>Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Lọc Hóa Dầu Nghị Sơn (*)</i>	232.311.035.750	-
	<u>304.168.612.427</u>	<u>19.037.977.620</u>

(*) Đây là khoản nhận ứng trước cho hợp đồng dịch vụ như trình bày ở Thuyết minh 7.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

19 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	7.153.947.917	2.909.169.834
Chi phí thuê kho và vận chuyển	2.814.459.673	799.741.877
Các khoản khác	12.259.570.996	11.214.496.014
Chi phí phải trả liên quan đến dự án Nghi Sơn	-	58.025.439.685
	<u>22.227.978.586</u>	<u>72.948.847.410</u>

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

(a) Ngắn hạn

	2017 VND	2016 VND
Tiền thuê nhận trước (Thuyết minh 42(b)(v)) (*)	27.272.727.273	27.272.727.273
Các khoản khác	7.803.968.217	3.090.016.777
	<u>35.076.695.490</u>	<u>30.362.744.050</u>

(b) Dài hạn

	2017 VND	2016 VND
Tiền thuê nhận trước (Thuyết minh 42(b)(vi)) (*)	75.000.000.011	102.272.727.275
Các khoản khác	77.806.667	77.806.667
	<u>75.077.806.678</u>	<u>102.350.533.942</u>

(*) Đây là khoản tiền ứng trước nhận từ Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn để cho thuê khu nhà ở và cung cấp dịch vụ phục vụ cho Dự án Nghi Sơn (Thuyết minh 13).

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh 42(b)(iii))	4.075.406.016	4.685.961.165
Các khoản phải trả khác cho đại lý, khách hàng	61.169.602.857	79.089.029.187
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 28)	22.777.755.034	20.833.461.631
Các khoản khác	56.924.197.183	36.019.366.427
	<u>144.946.961.090</u>	<u>140.627.818.410</u>

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

22. CÁC KHOẢN VAY

(a) Vay ngắn hạn

	Trong năm				Phân loại từ vay dài hạn VND	Tại ngày 31.12.2017 VND
	Tại ngày 1.1.2017 VND	Vay mới VND	Trả nợ vay VND			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	362.940.406.297	988.469.738.116	(1.056.841.057.038)	-	-	294.569.087.375
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	20.345.236.005	159.018.610.510	(132.363.846.515)	-	-	47.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	25.000.000.000	-	(25.000.000.000)	-	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	53.349.172.995	87.669.450.844	(117.814.609.951)	-	-	23.204.013.888
Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam	99.962.829.711	153.876.878.184	(199.728.868.611)	-	-	54.110.839.284
Ngân hàng TMCP Á Châu	17.196.790.006	25.348.936.249	(42.545.726.255)	-	-	-
Ngân hàng TMCP An Bình	-	32.072.485.721	(12.175.722.002)	-	-	19.896.763.719
Ngân hàng TMCP Á Châu (*) (Thuyết minh 22(b))	18.096.233.992	-	(21.793.173.523)	25.484.513.458	-	21.787.573.927
Ngân hàng Standard Chartered	-	263.291.698.939	-	-	-	263.291.698.939
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	53.099.204.000	(46.426.481.500)	-	-	6.672.722.500
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	24.210.729.540	-	-	-	24.210.729.540
Vay các cá nhân	57.090.000.000	9.600.000.000	(66.690.000.000)	-	-	-
	<u>2.302.634.027.522</u>	<u>6.911.521.731.386</u>	<u>(7.208.469.824.101)</u>	<u>25.484.513.458</u>	<u>-</u>	<u>2.031.170.448.265</u>

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

22. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(a) Vay ngắn hạn (tiếp theo)

Số dư các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, được thực hiện dưới hình thức vay ngắn hạn, hợp đồng hạn mức tín dụng hoặc phát hành tín dụng thư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng giá trị của các cam kết bảo lãnh tín dụng mà Công ty mẹ bảo lãnh cho các công ty con là 4.309,5 tỷ đồng và 10 triệu Đô la Mỹ và PSD bảo lãnh cho Bình Minh là 10 tỷ đồng (Thuyết minh 43(b)). Các khoản vay này còn được đảm bảo bằng một phần giá trị hàng tồn kho, các khoản phải thu và tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 4, 5(a), 10). Lãi suất tiền vay được xác định theo lãi suất do các ngân hàng công bố tại thời điểm giải ngân hoặc lãi suất điều chỉnh theo từng thời kỳ do các ngân hàng công bố.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

22. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Vay dài hạn

	Trong năm			Phân loại sang vay ngắn hạn VND	Tại ngày 31.12.2017 VND
	Tại ngày 1.1.2017 VND	Vay vốn VND	Trả nợ vay VND		
Ngân hàng TMCP Á Châu	1.198.790.000	-	(1.198.790.000)	-	-
Ngân hàng TMCP Á Châu (*)	250.105.563.934	54.260.953.406	-	(25.484.513.458)	278.882.003.882
	<u>251.304.353.934</u>	<u>54.260.953.406</u>	<u>(1.198.790.000)</u>	<u>(25.484.513.458)</u>	<u>278.882.003.882</u>

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

23. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Ký quỹ, ký cược vô bình ga	34.821.597.036	37.653.017.593
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.582.583.990	12.254.177.404
Phải nộp Kho bạc Nhà nước Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (*)	7.030.627.285	7.030.627.285
Các khoản khác	415.300.000	9.639.173.324
	<u>55.850.108.311</u>	<u>66.576.995.606</u>

(*) Đây là khoản tiền thuế đất phải nộp Kho bạc Nhà nước Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu liên quan đến hợp đồng thuê đất số 14/HDTD ngày 25 tháng 1 năm 1996 cho lô đất số 8 và số 9 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu. Số tiền thuế đất hàng năm phải trả sẽ dựa trên thông báo của Kho bạc Nhà nước Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

24. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

(a) Thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu về bù trừ như sau:

	2017 VND	2016 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	189.110.129	1.203.512.630
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
	<u>189.110.129</u>	<u>1.203.512.630</u>
Số dư đầu năm	189.110.129	1.203.512.630
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(3.489.110.129)	(1.014.402.501)
	<u>(3.300.000.000)</u>	<u>189.110.129</u>
Số dư cuối năm	<u>(3.300.000.000)</u>	<u>189.110.129</u>
Trong đó:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	189.110.129
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (*)	(3.300.000.000)	-

(*) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ chênh lệch tạm thời liên quan đến các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả năm 2017 là 20% (2016: 20%).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI (tiếp theo)

(b) Các khoản lỗ tính thuế mà không được ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai của các công ty con để căn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai của các công ty con trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của các công ty con. Tuy nhiên, Tổng Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại này vì khả năng các công ty con có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

25. VỐN CỔ PHẦN

(a) Số lượng cổ phiếu

	2017		2016	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	86.600.124	-	86.600.124	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	86.600.124	-	86.600.124	-

Công ty mẹ chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 Đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 18 ngày 23 tháng 5 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty mẹ là 866.001.240.000 đồng.

Cơ cấu vốn cổ phần thực tế của Công ty mẹ như sau:

	2017		2016	
	VND	%	VND	%
PVN	209.738.510.000	24,22	209.738.510.000	24,22
Các cổ đông khác	656.262.730.000	75,78	656.262.730.000	75,78
	866.001.240.000	100	866.001.240.000	100

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

25. VỐN CỔ PHẦN (tiếp theo)

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Cổ phiếu phổ thông VND	Cổ phiếu ưu đãi VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	846.001.240.000	-	846.001.240.000
Cổ phiếu mới phát hành	20.000.000.000	-	20.000.000.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2017	866.001.240.000	-	866.001.240.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Mệnh giá: 10.000 Đồng/cổ phiếu

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

26. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý đầu tư và phát triển VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Điều chỉnh lại - Thuyết minh 44) VND	Cổ phiếu quỹ VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	846.001.240.000	133.918.052.614	173.203.515.481	56.740.087.775	239.260.494.367	(35.523.322.342)	1.413.600.067.895
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	143.681.890.479	-	143.681.890.479
Phát hành cổ phiếu cho nhân viên Hoàn nhập quỹ đã trích	20.000.000.000	-	-	-	-	-	20.000.000.000
Tạm trích quỹ trong năm 2016	-	-	(767.832.647)	-	767.832.647	-	-
Cổ tức bổ sung năm 2015	-	-	17.491.292	-	(20.545.440.224)	-	(20.527.948.932)
Tạm ứng cổ tức năm 2016	-	-	-	-	(51.960.074.400)	-	(51.960.074.400)
	-	-	-	-	(41.062.209.900)	-	(41.062.209.900)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	866.001.240.000	133.918.052.614	172.453.174.126	56.740.087.775	270.142.492.969	(35.523.322.342)	1.463.731.725.142
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	131.362.586.804	-	131.362.586.804
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(13.354.140.938)	-	(13.354.140.938)
Cổ tức bổ sung 2016 (**)	-	-	-	-	(84.972.262.673)	-	(84.972.262.673)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	866.001.240.000	133.918.052.614	172.453.174.126	56.740.087.775	303.178.676.162	(35.523.322.342)	1.496.767.908.335

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

26. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN SỞ HỮU (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết số 14/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017, quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 của Công ty mẹ đã được thông qua và đã trích số tiền là 7.940.578.038 đồng. Phần còn lại của quỹ khen thưởng, phúc lợi liên quan đến trích quỹ tại các đơn vị thành viên.

(**) Theo Nghị quyết số 14/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông Công ty mẹ phê duyệt tỷ lệ chia cổ tức cho năm 2016 là 15% trên mệnh giá cổ phiếu. Theo đó, Công ty mẹ đã ra Thông báo số 809/TB-SGDHCM ngày 7 tháng 7 năm 2017 để chi trả cổ tức bổ sung năm 2016 bằng nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 với tỷ lệ là 10% trên mệnh giá cổ phiếu.

27. CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Chi tiết của cổ đông không kiểm soát như sau:

	2017 VND	2016 VND (Điều chỉnh lại - Thuyết minh 44)
Vốn góp của chủ sở hữu	171.665.773.000	169.313.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	14.238.490.000	14.238.490.000
Cổ phiếu quỹ	(1.170.000.000)	(1.170.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	7.080.808.161	7.080.808.161
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(28.002.218.892)	(8.735.451.691)
	<u>163.812.852.269</u>	<u>180.726.846.470</u>

Biến động trong lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày như sau:

	2017 VND	2016 VND (Điều chỉnh lại - Thuyết minh 44)
Số dư đầu năm	180.726.846.470	157.365.807.173
Tăng vốn trong năm	2.352.773.000	25.740.000.000
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông không kiểm soát trong năm	12.456.679.160	23.295.836.314
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.265.754.034)	(1.544.581.672)
Cổ tức đã chia	(29.457.692.327)	(26.864.040.345)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	(795.000.000)
Tăng do mua lại công ty con gián tiếp	-	3.528.825.000
	<u>163.812.852.269</u>	<u>180.726.846.470</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

28. CỔ TỨC PHẢI TRẢ

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	20.833.461.631	34.158.820.320
Cổ tức phải trả trong năm	114.429.955.000	119.886.324.644
Cổ tức đã chi trả bằng tiền trong năm	(112.485.661.597)	(133.211.683.333)
Số dư cuối năm (Thuyết minh 21)	<u>22.777.755.034</u>	<u>20.833.461.631</u>

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	2017	2016
Ngoại tệ các loại :		
USD	335.251	1.190.756
EUR	273	332
GBP	-	205
	<u> </u>	<u> </u>

Các khoản nợ khó đòi đã xử lý trong vòng 10 năm kể từ ngày xử lý vào năm 2014 là 17.918.448.762 đồng. Trong năm 2016 và 2017 không có phát sinh thêm nợ khó đòi đã xử lý.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mẹ mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông		
Công ty mẹ	131.362.586.804	143.681.890.479
Tạm trích/thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(6.555.686.435)	(7.940.578.038)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	<u>124.806.900.369</u>	<u>135.741.312.441</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>86.600.124</u>	<u>86.030.261</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	<u>1.441</u>	<u>1.578</u>

(*) Theo Nghị quyết số 14/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017, quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2017 sẽ được tạm trích dựa trên 6% lợi nhuận sau thuế của báo cáo tài chính riêng năm 2017 của Công ty mẹ.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

31. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	10.217.231.530.959	9.531.107.064.097
Doanh thu cung cấp dịch vụ	617.334.654.416	527.458.909.193
	<u>10.834.566.185.375</u>	<u>10.058.565.973.290</u>
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	84.462.928.336	87.579.839.102
Giảm giá hàng bán	17.710.663.131	40.254.369.109
Hàng bán bị trả lại	29.134.321.818	48.672.798.608
	<u>131.307.913.285</u>	<u>176.507.006.819</u>
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	10.087.971.140.171	9.354.600.057.278
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	615.287.131.919	527.458.909.193
	<u>10.703.258.272.090</u>	<u>9.882.058.966.471</u>

32. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.420.095.109.676	8.806.547.895.420
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp (*)	535.095.524.871	431.361.127.265
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 10)	4.430.546.901	6.366.306.120
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 10)	(4.271.414.657)	(20.712.531.318)
	<u>9.955.349.766.791</u>	<u>9.223.562.797.487</u>

(*) Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp bao gồm chi phí lãi vay với số tiền là 30,9 tỷ đồng (Thuyết minh 39), liên quan đến lãi vay của Dự án Nghi Sơn (Thuyết minh 13) sau khi Dự án Nghi Sơn đưa vào sử dụng được hoàn trả bởi Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (Thuyết minh 39), bên đi thuê của Dự án Nghi Sơn.

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	49.115.630.410	55.227.001.326
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	10.300.572.057	7.855.407.790
Doanh thu tài chính khác	6.921.105.388	5.048.977.882
	<u>66.337.307.855</u>	<u>68.131.386.998</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

34. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	105.602.842.553	81.342.268.416
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.834.099.813	7.531.630.669
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	853.268.080	2.000.000.000
Lỗi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	585.648.946	1.281.020.127
Lỗi từ thoái vốn công ty con (Thuyết minh 3)	245.247.378	-
Chiết khấu thanh toán	-	6.181.212.551
Chi phí tài chính khác	3.272.095.758	5.859.344.367
	113.393.202.528	104.195.476.130

35. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	82.645.171.667	63.042.375.772
Chi phí vận chuyển	34.445.325.325	34.908.909.544
Chi phí quảng cáo	15.099.219.348	19.352.307.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.052.300.978	46.035.466.503
Chi phí thuê kho	22.232.972.448	23.022.748.964
Chi phí khấu hao	2.552.461.239	2.127.946.186
Chi phí khác	80.742.387.008	48.100.531.334
	255.769.838.013	236.590.286.036

36. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	80.360.649.505	62.889.134.393
Chi phí lập dự phòng phải thu khó đòi	53.995.641.029	5.825.590.888
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.459.465.945	51.168.635.364
Chi phí khấu hao	9.909.822.361	9.045.102.923
Chi phí quản lý (Thuyết minh 42(a)(iv))	6.425.062.580	4.744.137.316
Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh 16)	1.641.877.394	12.388.322
Chi phí khác	45.945.842.688	41.998.261.750
	246.738.361.502	175.683.250.956

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

37. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ ký cược, ký quỹ vỏ bình ga	5.487.805.507	5.279.772.165
Tiền phạt thu được	1.647.080.214	2.681.656.072
Lãi do thanh lý tài sản	568.462.727	756.009.091
Thu nhập khác	4.298.645.935	3.056.852.702
	<hr/> 12.001.994.383	<hr/> 11.774.290.030
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt vi phạm hợp đồng	1.343.385.055	8.171.319.053
Phạt vi phạm hành chính	4.666.387.613	108.521.562
Chi phí khác	2.265.292.906	1.563.923.555
	<hr/> 8.275.065.574	<hr/> 9.843.764.170
Lợi nhuận khác	<hr/> <hr/> 3.726.928.809	<hr/> <hr/> 1.930.525.860

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 20% theo quy định của luật thuế hiện hành như sau:

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	202.462.514.449	211.710.756.162
Thuế tính ở thuế suất 20%	40.492.502.890	42.342.151.232
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(132.501.300)	(4.807.971.866)
Chi phí không được khấu trừ	4.073.845.716	3.039.792.950
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14.139.674.746	5.483.693.283
Dự phòng thiếu thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	69.726.433	1.010.854.397
Lỗi tính thuế đã được sử dụng	-	(2.335.490.627)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	<u>58.643.248.485</u>	<u>44.733.029.369</u>
Trong đó, bao gồm:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	55.154.138.356	43.718.626.868
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	3.489.110.129	1.014.402.501
	<u>58.643.248.485</u>	<u>44.733.029.369</u>

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

39. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.204.256.575.203	8.655.465.728.343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	568.111.707.235	528.556.533.695
Chi phí nhân viên	400.704.959.056	317.529.567.868
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	81.004.855.657	46.976.983.663
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	53.995.641.029	5.825.590.888
Chi phí lãi vay (Thuyết minh 32)	30.898.152.769	5.654.964.367
Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh 16)	1.641.877.394	12.388.322
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 10)	4.430.546.901	6.366.306.120
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 10)	(4.271.414.657)	(20.712.531.318)
Các chi phí khác	126.688.229.696	90.160.802.531
	<u>10.467.461.130.283</u>	<u>9.635.836.334.479</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

41. THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”)

(a) Các giao dịch trọng yếu không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT

	2017 VND	2016 VND
Điều chỉnh giảm giá trị tài sản tạm tính sau khi quyết toán công trình Dự án Nghi Sơn	50.044.971.338	-

(b) Các khoản tiền do Tổng Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng

Các khoản tương đương tiền với giá trị là 10 tỷ đồng và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trị giá 10 tỷ đồng do Tổng Công ty nắm giữ được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các hợp đồng bảo lãnh cho các công ty con được trình bày ở Thuyết minh 4, 5.

(c) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	2017 VND	2016 VND
Vay theo kế ước thông thường	6.965.782.684.792	6.568.717.739.850

(d) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	2017 VND	2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	7.209.668.614.101	5.954.788.807.093

42. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

PVN là cổ đông lớn nhất do sở hữu 24,22% vốn cổ phần của Tổng Công ty (Thuyết minh 25(b)).

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2017 VND	2016 VND
i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ		
PVN	118.301.549.773	135.301.101.493
Các bên liên quan của PVN	229.884.899.134	270.085.497.994
	<u>348.186.448.907</u>	<u>405.386.599.487</u>
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
PVN	5.789.067.056	278.989.274.212
Các bên liên quan của PVN	1.219.307.712.334	1.169.935.575.106
	<u>1.225.096.779.390</u>	<u>1.448.924.849.318</u>

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

42. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2017 VND	2016 VND
iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	5.782.527.597	4.322.636.209
iv) Các giao dịch khác		
Cổ tức đã trả cho PVN	20.974.550.033	23.072.005.036
Chi phí quản lý đã trả cho PVN (Thuyết minh 36)	6.425.062.580	4.744.137.316

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2017 VND	2016 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)		
PVN	13.539.327.316	4.783.741.086
Các bên liên quan của PVN	95.424.567.832	106.169.648.216
	<u>108.963.895.148</u>	<u>110.953.389.302</u>
ii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 17)		
PVN	288.362.356.866	280.990.702.572
Các bên liên quan của PVN	219.972.281.081	205.698.685.703
	<u>508.334.637.947</u>	<u>486.689.388.275</u>
iii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 21)		
PVN	4.075.406.016	4.685.961.165
	<u>4.075.406.016</u>	<u>4.685.961.165</u>
iv) Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 18)		
Các bên liên quan của PVN	232.311.035.750	-
	<u>232.311.035.750</u>	<u>-</u>
v) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn (Thuyết minh 20(a))		
Các bên liên quan của PVN	27.272.727.273	27.272.727.273
	<u>27.272.727.273</u>	<u>27.272.727.273</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

42. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2017 VND	2016 VND
<i>vi) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn (Thuyết minh 20(b))</i>		
Các bên liên quan của PVN	75.000.000.011	102.272.727.275

43. CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty mẹ đã ký hợp đồng thuê đất với Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, mức tối thiểu mà Công ty mẹ phải trả trong tương lai như sau

	2017 VND	2016 VND
Trên 5 năm	54.191.290.810	54.191.290.810

(b) Cam kết bảo lãnh tín dụng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty mẹ có cam kết bảo lãnh không hủy ngang đối với các khoản vay tại các ngân hàng thương mại cấp cho các công ty con với tổng hạn mức bảo lãnh là 4.309,5 tỷ đồng và 10 triệu Đô la Mỹ (Thuyết minh 22(a)), và có cam kết bảo lãnh không hủy ngang đối với nhà cung cấp là 7 triệu Đô la Mỹ (gọi tắt là các "Bên cho vay"). Theo đó, Tổng Công ty có trách nhiệm hoàn trả số gốc vay, lãi vay, chi phí bảo lãnh và các chi phí khác cho các Bên cho vay trong trường hợp bên được bảo lãnh không có khả năng thanh toán hoặc thanh toán chậm trễ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, PSD có cam kết bảo lãnh không hủy ngang đối với các khoản vay tại một ngân hàng thương mại cấp cho Bình Minh với tổng hạn mức bảo lãnh là 10 tỷ đồng (Thuyết minh 22(a)). Theo đó, PSD có trách nhiệm hoàn trả số gốc vay, lãi vay, chi phí bảo lãnh và các chi phí khác cho ngân hàng trong trường hợp bên được bảo lãnh không có khả năng thanh toán hoặc thanh toán chậm trễ.

(c) Cam kết khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty mẹ có một hợp đồng bảo lãnh với một ngân hàng thương mại với giá trị bảo lãnh là 150 tỷ đồng nhằm mục đích bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước nhận từ Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (Thuyết minh 20) thông qua việc cản trừ vào doanh thu ghi nhận hàng tháng từ Dự án Nghi Sơn.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

43. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

(d) Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty mẹ đã ký hợp đồng cho thuê hoạt động Dự án Nghi Sơn, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau

	2017 VND	2016 VND
Dưới 1 năm	89.933.899.546	89.933.899.546
Từ 1 đến 5 năm	359.735.598.184	359.735.598.184
Trên 5 năm	337.252.123.298	427.186.022.844
	<u>786.921.621.028</u>	<u>876.855.520.574</u>

44. TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM TRƯỚC

Tổng Công ty đã trình bày lại báo cáo tài chính hợp nhất năm trước để điều chỉnh khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 và năm 2015 của một công ty con. Ảnh hưởng của việc trình bày lại được trình bày như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Theo báo cáo năm trước VND	Điều chỉnh VND	Số liệu trình bày lại VND
300	NOPHA TRA	4.579.147.052.293	3.400.792.365	4.582.547.844.658
310	Nợ ngắn hạn	4.158.915.168.811	3.400.792.365	4.162.315.961.176
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17.887.171.282	3.400.792.365	21.287.963.647
400	VÔN CHUSOHU	1.647.859.363.977	(3.400.792.365)	1.644.458.571.612
410	Vôn chusohu	1.647.859.363.977	(3.400.792.365)	1.644.458.571.612
421	LNST chưa phân phối	272.012.928.770	(1.870.435.801)	270.142.492.969
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	128.331.038.291	(1.870.435.801)	126.460.602.490
429	Lợi ích cổ đông thiểu số	182.257.203.034	(1.530.356.564)	180.726.846.470
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	6.227.006.416.270	-	6.227.006.416.270

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Chủ tịch HĐQT phê duyệt ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Hà Văn Phương
Người lập

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Phùng Tuấn Hà
Chủ tịch HĐQT
Ngày 29 tháng 3 năm 2018



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1 - 5 Lê Duẩn,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028-3911 7777

Giấy chứng nhận ĐKKD số:

www.petrosetco.com.vn

0300452060 - Nơi cấp: Sở KHĐT TP.HCM